

Khởi Hành

TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

NĂM THỨ BẢY ■ SỐ 179 ■ Sáng Lập: Anh Việt TRẦN VĂN TRỌNG

BỘ MỚI ■ SỐ 23 ■ Chủ Nhiệm Chủ Bút: VIÊN LINH

PHẠM NGỌC LŨY

BƯỚC CHÂN KẼ LƯU VONG

PHAN LẠC PHÚC

NHỚ PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG

NGUYỄN TÀ CÚC

NỮ TRÍ VÀ VĂN HỌC

ĐỖ KHÁNH HOAN

JUAN RULFO/ĐỪNG GIẾT TAO

LƯU VĂN VỊNH

TỪ CƠ BÚT LIỄU HẠNH

TỚI SẮM TRẠNG TRÌNH

TƯỜNG VŨ ANH THY

ĐÀN NGUYỆT, VÀ THÚY KIỀU



HẢI ÂU BÊN THÁC NIAGARA FALL / DI CẢO

Nếu như còn có kiếp mai sau

Tôi chỉ mong làm kiếp hải âu...

TRẦN TRỌNG SAN 1930-1998



VĨNH BIỆT ANH

TRẦN TRỌNG SAN

bài VIÊN LINH

Tặng Trang Lân Thư Hai ■ Giá Cũ
NĂM THỨ II ■ SỐ 23 THÁNG 9. 1998

Khởi Hành

TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT
VĂN HỌC NGHỆ THUẬT



SÁNG LẬP:

Anh Việt
TRẦN VĂN TRỌNG

CHỦ NHIỆM CHỦ BÚT:

VIÊN LINH

TÒA SOẠN: 9306 BOLSA AVENUE
WESTMINSTER, CALIFORNIA 92683

THƯ TỬ LIÊN LẠC:

P.O. BOX 670

MIDWAY CITY, CA 92655

TEL/FAX: (714) 897 - 2599

ĐẠI DIỆN CÁC NƠI:

PHÁP:

■ **Mme PHẠM THU HƯƠNG**

Nhà Xuất Bản AN TIÊM

14 VILLA DES ACACIAS

202 RUE D'EPINAY

95360 MONTMAGNY, FRANCE

TEL: 01 39 84 00 84

■ **Mme VŨ LAN PHƯƠNG ĐÀO VIÊN**

82 RUE BAUDRICOURT

75013 PARIS, METRO TOLBIAC

TEL: 01 45 85 20 70

Báo có đủ từ số 1 bày bán tại

Nhà sách Nam Á, quận 13

ĐỨC: THẾ DŨNG

MELLEENSEE STR. 43

10319 BERLIN, GERMANY

TEL: 49 30 512 29 74

SEATTLE, WA: TRẦN THẾ PHONG

SAN DIEGO, CA: VŨ ĐỨC TRƯỜNG

SAN JOSE, CA: SƯƠNG MAI

ATLANTA, GA: CÔ THÙY ĐỒNG

3146 DUNWOODY RD # 203

CHAMBLEE, GA 30341

TEL: (770) 457 - 7350

ALABAMA: LÊ NGUYỄN

Bài vở gửi Khởi Hành đừng gửi cho báo khác. Cần ghi rõ địa chỉ và nếu có thể, số điện thoại. Nếu bài đã phổ biến, vui lòng ghi rõ đã đăng báo nào. Ngoài bản in, gửi kèm cho diskette, dạng DOC, ghi rõ nhu liệu sử dụng VNI, VNU, VPS... Chủ bút Khởi Hành toàn quyền cắt bỏ, nhưng sẽ không thêm. Bài đăng trên Khởi Hành không nhất thiết biểu hiện chủ trương của tờ báo. Muốn dùng bài đã đăng trên Khởi Hành, cần có sự đồng ý của Tác giả, hay Chủ nhiệm; tuyệt đối phải nói rõ trích từ Khởi Hành số mấy, tháng nào.

GIÁ BẢO

Giá \$3.50 mỹ kim một số.
(\$2.00 mỹ kim một số hay \$ 24
mỹ kim một năm nếu mua dài hạn
tối thiểu một năm 12 số, tòa
báo chịu cước phí bưu điện).
Chỉ phiếu để Khởi Hành, gửi về:

Khởi Hành

P.O. BOX 670

MIDWAY CITY, CA 92655

CÁC NHÀ SÁCH CÓ BÁN KHỞI HÀNH

BA LÊ, pháp

Nhà Sách NAM Á

Quận 18

SEATTLE, wa.

NAM PHƯƠNG BOOKSTORE

1032 B S. JACKSON ST

MISSISSAUGA, canada

Trung Tâm THỜI MỚI III

55 Dundas St. E, # 1

SEATTLE, wa

VINA BOOKSTORE

1017A S. JACKSON # G

MONTRÉAL, canada

Trung Tâm THỂ HỆ TRẺ

2657 Ontario Est, Quebec

ORLANDO, florida

TIỀN HƯNG BOOKSTORE

1120 E. COLONIAL DR.

ONTARIO, canada

Trung Tâm THỜI MỚI I

1682 St. CLAIRE AVE

ROSEMEAD, california

BÍCH THU LINH

8150 E. GARVEY AVE, suite 112

E. HAMILTON, canada

Trung Tâm THỜI MỚI II

186 KING STEET

SAN GABRIEL, california

SAN GABRIEL SUPERSTORE

1635 S. SAN GABRIEL AVE

AUSTIN, texas,

MI VIDEO

8557 RESEARCH BLVD # 144

SAN JOSE, california

TỰ DO BOOKSTORE

1818 TULLY ROAD suite 158A

ARLINGTON, texas

VIỆT NAM MUSIC

1818 E. PIONNER PKWY # 162

FALLS CHURCH, virginia

MINH VĂN BOOKSTORE

2808 GRAHAM ROAD

HOUSTON, texas

NGÀY NAY BOOKSTORE

8200 WILDCREST suite 5

SAN DIEGO, california

THÚY ANH BOOKSTORE

4745 EL CAJON BLVD suite 103

PORTLAND, oregon

TRANG BOOKSTORE

8211 N.E. BRASEE suite # H

PHILADELPHIA, pennsylvania

THY HỒNG

575 ADAMS AVE

OKLAHOMA, oklahoma

TUYẾT MAI BOOKSTORE

2622 CLASSEN BLVD

ORANGE county, ca

Nhà sách TÚ QUỲNH

9581-9583 Bolsa Ave.

SACRAMENTO, california

Thư Quán VĂN

6171 STOCKTON BLVD # 180

ORANGE county, ca

Nhà sách TỰ LỰC

Brookhurst Street

LOS ANGELES, california

Nhà Sách THĂNG LONG

767 N. HILL ST suite 102

ORANGE county, ca

Nhà sách VĂN KHOA

Trong khu Phúc Lộc Thọ

TACOMA, wa.

VĂN KHOA BOOKSTORE

721 S. 38th STREET

ORANGE county, ca

Nhà sách THIỆP HỒNG

9550 Bolsa Ave.

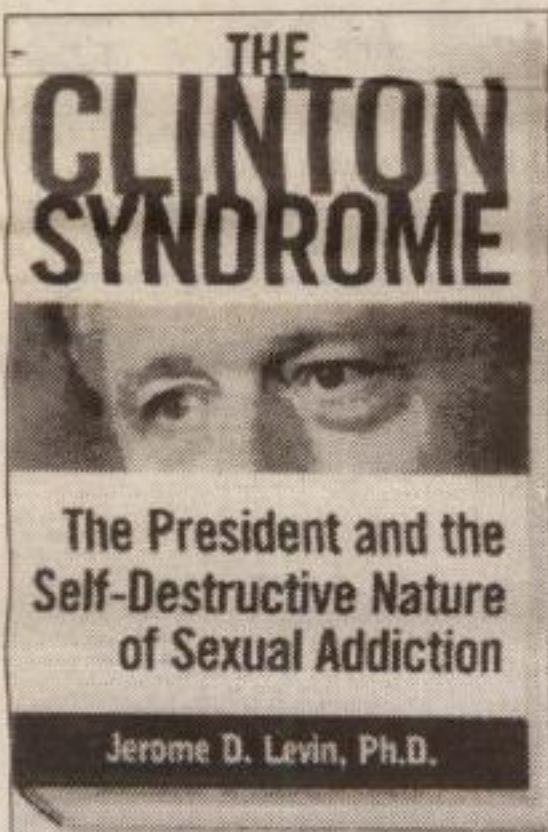
thời sự văn nghệ

■HỒ TÙNG NGHIỆP phụ trách



TÁC GIẢ "KHÔNG CHỈ BẰNG BÁNH MÌ" 79 TUỔI, CHẾT ÂM THẦM TẠI NGÀ

Vladimir D. Dudintsev, tác giả cuốn sách nổi tiếng mà nhan đề đã trở thành một câu phương châm, *người ta không chỉ sống bằng bánh mì*, đã từ trần âm thầm tại Mạc Tư Khoa vào hôm thứ năm, 23 tháng 7.1998. Nhan đề cuốn sách của ông, bản Anh văn, là NOT BY BREAD ALONE. Ông thọ 79 tuổi. Cuốn sách dày 500 trang này, xuất bản năm 1956 đã làm Nikita S. Khrushchev nổi giận. Ông là người đã chống diện Krimlin trước cả Boris Pasternak hay Alexander Solzhenitsyn. Hình trên: Dudintsev và con trai Vanya vào năm 1965.



SÁCH MỚI: CĂN BỆNH CLINTON

NỮ ƯỚC (HTN).-Kết quả một cuộc thăm dò phổ biến hôm thứ tư thì có 50% dân Mỹ tin rằng Tổng thống Bill Clinton cần điều trị tâm lý sau vụ thú nhận đã ngoại tình với cựu sinh viên thực tập Monica Lewinsky.

Hãng thăm dò Leflein Associates ở Fort Lee, New Jersey cũng cho biết ý kiến là bà Hillary không nên bỏ chồng ngay lúc này. Hãng này cho biết đã thăm dò 1013 người qua điện thoại với 506 đàn ông và 507 đàn bà trên 18 tuổi, từ ngày 20 qua ngày 23 tháng 8.

Được hỏi về định nghĩa thế nào là tình dục, và tình dục với miệng (oral sex) có phải là tình dục không, thì 84% trả lời oral sex cũng là sex. (Tổng thống Clinton có hàm ý rằng oral sex

không phải sex). Cả dân ông dân bà đều nói giống nhau. Hãng thăm dò cũng hỏi rằng nếu ngày mai bỏ phiếu, họ có bỏ cho Clinton không, thì chỉ có 33% nói sẽ bỏ phiếu cho ông này.

Có 31% nói ông Clinton cần xin lỗi cô Lewinsky. Đa số ý này là của dân ông (35%) trong khi dân bà chỉ có 27% nghĩ rằng ông Clinton cần xin lỗi cô đào nhí.

Các nhà điều trị tâm lý có thẩm quyền về những vụ xáo trộn đời sống tình dục tin rằng ông Clinton hợp với mẫu điển hình của một người bị tình dục thúc đẩy. Đó là một người quyền thế, có duyên, cô đơn. Nếu đi điều trị tâm lý ông sẽ khá hơn.

Một cuốn sách vừa kịp thời xuất bản nhân vụ này: The Clinton Syndrome, tác giả là Tiến sĩ Jerome D. Levin. Cuốn sách cho rằng ông Clinton có các hành vi của một con bệnh bị dục tình thúc đẩy, và cần phải điều trị tâm lý.

DÂN DA ĐỎ LẬP BẢO TÀNG LỊCH SỬ, NGUỒN GỐC

Sau nhiều tháng gây quỹ, Bộ lạc Da Đỏ ở Miền Nam tiểu bang Oregon vừa mua về một số nghệ phẩm khổng lồ trong đó có một đôi dép làm cách đây 10.000 năm, một vài cái rổ sợi từng trưng bày tại Hội Chợ Đầu Xảo Thế Giới năm 1893 và một số tài liệu lịch sử khác.

Vào tuần lễ đầu tháng 8.98, họ đã chi ra 418.000 mỹ kim, đúng thời gian mà các bộ lạc Da Đỏ quan tâm tới quá khứ của họ, gia tài của họ, để mua lại một số di vật tổ tiên từ một viện bảo tàng tư nhân. Ông Gordon Bettles,

giám đốc văn hóa của Bộ lạc Klamath phát biểu: "Đây là một kho tàng văn hóa vô giá của người Klamath, nó sẽ là một gia tài cho các thế hệ tương lai."

Đây là lần thứ hai một bộ lạc Da Đỏ bỏ ra một số tiền lớn để mua các nghệ phẩm do ông cha họ làm ra. Mấy năm trước đây, bộ lạc Nez Perce ở tiểu bang Idaho đã trả một viện bảo tàng ở Ohio một số tiền là 608.100 mỹ kim để mua lại các sản phẩm đang trưng bày, rồi mang những sản phẩm đó về Viện Bảo Tàng Công Viên Lịch Sử Quốc Gia Nez Perce ở Spalding, Ohio.

Ông Alan Downer, Giám đốc Sở Bảo Tồn Lịch Sử Quốc Gia Navajo (Navajo Nation) của tiểu bang Arizona, cho biết trên khắp nước Mỹ hiện nay, các bộ lạc Da Đỏ đang tích cực thu thập những di tích lịch sử của dòng giống mình. Từ 1945 trở về trước, người Da Đỏ sống hầu như cô lập. Sau khi chiến tranh thế giới lần thứ hai chấm dứt, họ bắt đầu thấy hòa đồng vào đời sống xã hội Mỹ.

Trong khi họ góp tiền đi mua, thì nhiều nhà hoạt động

phát biểu rằng lẽ ra, người ta phải trả lại người Da Đỏ những di vật của ông cha họ. Người Mỹ đã lấy những di vật này, hoặc bằng cách này hoặc bằng cách khác, không tốn một xu, mà nay lại bán đi lấy tiền, mà lại bán cho con cháu một bộ lạc, là điều không đúng. Ông Jeb Taylor ở St Marie, Idaho, một nhà sưu tập cổ vật, không đồng ý.

Ông nói rằng nếu không có những người như ông trong 200 năm nay, thì những sản vật ấy đã mai một. Tộc trưởng Klamath là



TỪ BAEKELAND TỚI CHRISTIAN DIOR

Mô hình người mẫu trên đây có thể làm bạn nhớ tới cô đào Marilyn Monroe trong một phim của thập niên '60, luôn luôn được in đi in lại trên các báo nghệ thuật, hay giải trí. Nó xuất hiện lần đầu từ 1948, trong một phòng trưng bày màu sắc vải nylon cho hãng Christian Dior. Hình này được in lại trên tuần báo U.S. News & World Report, nhân bài kỷ niệm về nhà phát minh Leo Baekeland, cha đẻ ra giấy velox (giấy in hình chụp) và sau này là chất nhựa dẫn chế tạo đồ dùng, mọi thứ, tràn lan trong thế kỷ XX, từ gọng kính, rổ rá, vỏ radio, tv, phone...và hầu hết những thứ quanh bạn. Ông Leo Baekeland người Bỉ, con một ông thợ giấy, do đọc Hồi Ký của Ben Franklin từ năm 8 tuổi mà cãi lời cha, không học đóng giấy, sau đậu Tiến sỹ hóa học, và nhà phát minh thực dụng nhất thế kỷ.



Tộc trưởng Da Đỏ Klamath đang quan sát các nghệ phẩm mới mua lại.

Jeff Michell nói rằng đứng trên quan điểm tiền bạc để nói về di sản Da Đỏ của ông là điều đáng xấu hổ.

Bộ lạc Klamath dự định sẽ gây quỹ một số tiền là 9 triệu mỹ kim để xây một Viện Bảo Tàng, một ngôi nhà lớn trong có viện bảo tàng, hầu trưng bày di sản tổ tiên. Con số không nhỏ: họ đã thu thập được 7664 vật khác nhau, trong có đồ dùng bằng đá, bản đồ, các vật để dựng đồ, dụng cụ dùng trong tang lễ, 21 cái sọ, phần lớn chế tạo khoảng giữa thế kỷ 19. Đa số các di vật trên đã thuộc về một gia đình, trải qua ba thế hệ, thu thập và lưu trữ.

Các bộ lạc Klamath gồm nhiều nhánh: Klamaths, Modocs,

và Yahooskins. Tổ tiên họ lập cư đầu tiên ở phía đông dãy núi Cascade cách đây nhiều thế kỷ.

LA ARTCORE TRƯNG BÀY TRANH TRỊNH CUNG

Bài của VIÊN LINH

Kể từ ngày mùng 4 cho tới hết tháng 9.1998, Trung tâm LA Artcore tại Union Center for the Arts sẽ dành cho họa sĩ Trịnh Cung một phòng triển lãm riêng, trưng bày 12 họa phẩm mới nhất của ông.

Từ những năm đầu của thập niên '60, Trịnh Cung là một trong vài họa sĩ vững vàng nhất của

Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam, qui tụ những tài năng vừa phát khởi trong thế giới màu sắc và đường nét, trong có những tên tuổi sau này rực rỡ, không chỉ với người yêu tranh trong nước, mà còn đối với người ngoại quốc: Nguyễn Trung, Đỗ Quang Em. Nổi tiếng sớm nhất, tinh hoa phát tiết ngay khi còn trẻ, là Nguyễn Trung, một họa sĩ với những mảng màu trong suốt và u buồn, phần lớn là trong những tấm tranh có hình và đường nét, thường xuyên dùng màu lạnh. Với Đỗ Quang Em, bậc thầy của màu nóng, nhất là nâu và đỏ, và của ánh sáng, một mình chiếm một khung cửa lớn. Trịnh Cung vật vờ lâu hơn, thuộc loại hán tử tới lúc trung niên mới tìm ra tuổi trẻ, xuống núi vào lúc nắng đã xế, nhưng còn những buổi chiều vàng và những đêm xanh.

Trong ngôn ngữ hội họa quốc tế hai chục năm nay, vô hình dung là tiếng nói dễ hiểu nhất. Không gặp anh hơn hai mươi năm, tôi không rõ Trịnh Cung thay đổi từ lúc nào trong thời gian ấy. Từ những ngày Phòng Triển Lãm Đô Thành góc đường Tự Do, Nguyễn Huệ; từ những ngày ở Alliance française đường Gia Long, dưới bóng cây, tôi cũng không còn được chứng kiến những đổi thay ở Nguyễn Trung, ở Đỗ Quang Em. Gặp lại Trịnh Cung sau thời gian dài ấy, anh đổi khác, đương nhiên cả ngoài đời, lẫn trong tranh.

Tranh Trịnh Cung rất lớn. Có những tấm vuông vắn, mỗi bề 3 bộ. Một trong những tấm này có nhan đề là New Figure, được dùng in trên thiệp mời. Một chuyển động dọc bị cắt đứt theo

chiều ngang, ở cả hai phía, những mảng vàng ấm trên một nền đen, cả nền và chủ đề đều di động. Nó tạo một vũ trụ đang rơi. Màu dương của nửa miếng vàng trên cao bị cắt đôi phía trên cho người xem cái cảm tưởng nó đang bay lên và màu âm của khối đen ở giữa tấm tranh cho cảm tưởng nó đang rơi xuống: chỉ là cảm tưởng, họa sĩ hoàn toàn không dùng đến đường nét để mô tả. Nó là một khối chuyển động. Những mảng xước trên vải bố phía bên phải, và cả những mảng chìm đặc phía trái tấm tranh, tạo cho tác phẩm một đời sống đang diễn tiến.

Đó là một tấm tranh vô hình dung tuyệt đẹp, bỏ qua đường nét, để Trịnh Cung vượt khỏi biên giới địa lý của một họa sĩ Việt Nam. Đó cũng là một tấm tranh gây ấn tượng không gian mạnh mẽ. Trong phòng tranh LA ARTCORE CENTER, anh là một họa sĩ có phòng tranh riêng. Và nếu cần nói thêm, anh là một họa sĩ đến từ Việt Nam.

Trịnh Cung sinh năm 1939, tốt nghiệp Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế năm 1962, hiện cũng như Đỗ Quang Em, Nguyễn Trung, có tranh trưng bày thường xuyên tại Galerie Lã Vọng ở Hồng Kông.

Phòng tranh Trịnh Cung mở cửa từ 4 tháng 9, từ 12 giờ trưa tới 5 giờ chiều mỗi ngày, riêng thứ năm tới 8 giờ tối. Tiếp tân từ 2 tới 5 giờ chiều ngày 13 tháng 9. Địa điểm: LA ARTCORE CENTER, 120 Judge John Aiso Street, Los Angeles. Điện thoại phòng triển lãm: 213-617.3274.

NƯỚC SÔNG DƯƠNG TỬ TRẦN NGẬP ĐỘNG ĐÌNH HỒ

Tấm hình, và chú thích đăng trên nhật báo The New York Times ngày thứ hai 27 tháng 7. 1998 gây một chút nhớ nhung: một phụ nữ hướng thuyền về phía những ngôi nhà ngập lụt tại Junshan, gần bờ Động Đình Hồ thuộc tỉnh Hồ Nam, Trung Hoa. Đê sông Dương Tử vỡ, làm tràn ngập hồ này. Người gái trên thuyền có phải cùng dòng giống Long Nữ, mẹ Lạc Long Quân?



TẬP SAN "VIỆT" TẠI ÚC CHÂU

VIỆT là một tập san đặc biệt, phát hành tại Úc, và mỗi năm chỉ in có hai số. Việt do Phan Việt Thủy làm chủ nhiệm, Nguyễn Hưng Quốc chủ bút. Số 2 của Việt đã phát hành, có chủ đề Sống và Viết ở Hải Ngoại. VIỆT số 1, phát hành đầu năm 1998, có chủ đề Đặc biệt về Thơ.

Báo tuy xuất bản ở một địa bàn xa xôi, song các tác giả đa số cũng là các tác giả viết trên các tạp chí ở California: Khánh Trường, Tường Vũ Anh Thy, Phạm Việt Cường, Võ Đình, Trần Long Hồ, Võ Phiến, ngoài

Nguyễn Hưng Quốc ở Úc, Phạm Thị Hoài ở Đức hay Đỗ Minh Tuấn ở trong nước. Việt số 1 dày 160 trang, số 2 dày 214 trang, chất chề và phong phú hơn, tuy đề tài quá rộng lớn: Sống và Viết ở Hải Ngoại.

Về sáng tác, có Hồ Đình Nghiêm, Chim hải, Đinh Mạnh Thu, Lưu Hy Lạc, Lê thị Thắm Vân, Hoàng Xuân Sơn. Giá mỗi số 9 mỹ kim. Liên lạc: Việt, P.O.Box 64, Altona, VIC 3018, Australia.

MIỀN THƠ ẤU của VŨ THƯ HIỀN

Miền Thơ Ấu của Vũ Thư Hiền được in lần đầu tại Việt Nam vào năm 1987, và năm sau, theo như trong bài tựa của tác giả, được giải thưởng của Hội Nhà Văn Việt Nam (Hà Nội). Cũng trong bài tựa này, viết nhân dịp cuốn sách được nhà Văn Nghệ của ông Võ Thắng Tiết tái bản tại Hải Ngoại, Vũ Thư Hiền viết: "Miền Thơ Ấu, câu chuyện về một chú bé trong cuộc gặp gỡ với quê hương của chú đã tìm được độc giả của nó."

Theo bài tựa, cuốn sách được viết trong thời gian tác giả ở tù. Sách gồm 21 chương, do chú bé (tác giả lúc ấy) thuật lại chuyện gia đình mình từ lúc ông bố bị Pháp bắt. Với tổng số 260 trang, như vậy là mỗi chương chỉ có bốn, năm trang.

Vũ Thư Hiền từng có cuốn



TỪ HÀ NỘI VĂN VẬT

Tám hình trên do một phóng viên ngoại quốc chụp được tại Hà Nội: mỗi ngày, chó bị giết thịt, chớ lũng lảng đằng sau xe, nghênh ngang giữa thủ đô. Không có lời bàn.

Hồi ký bán chạy là Đêm Giữa Ban Ngày. Đọc thêm cuốn này, bạn sẽ hình dung ra văn chương Miền bắc Việt Nam năm 1987, khi Hội Nhà Văn chọn Miền Thơ Ấu để trao giải nhất.

Giá 13 mỹ kim. Liên lạc: Văn Nghệ, 10081 Oak St, Stanton, CA 90680.



NHẬT HẠ VIDEO 7 "TUYỆT PHẨM"

Sau ba năm vắng bóng, và sau 6 cuốn băng hình thành công đáng kể do Trung tâm Đa Khúc sản xuất, ca sĩ Nhật Hạ đã trở lại với một cuốn băng hình mới, có nhan đề là Video 7 "Tuyệt Phẩm", và một Trung tâm sản xuất mới: Trung Tâm Nhật Hạ. Đây là lần đầu tiên Nhật Hạ làm việc cho riêng mình, và có được những quyết định riêng.

Tuyệt Phẩm Video 7 qui tụ nhiều ca sĩ hoàn toàn khác biệt, từ Hương Lan (Tình Yêu Đến Trong Giã Từ) đến Linda Trang Đài (Lời Thì Thầm); từ một Jimmy Joseph mạnh bạo của nhạc trẻ Sài Gòn xa xưa (Hazard) đến

Randy (Trách Hờn), tuy thế hệ mới, nhưng lại tình cảm và tử tế hơn. Phía nam, còn có thêm Trịnh Nam Sơn (Vẫy tay Biệt Ly), Duy Quang (Cô Bắc Kỳ Nhỏ Nhỏ) đến Lâm Nhật Tiến (Gọi Tên Em). Năm nam ca sĩ mà Nhật Hạ chọn lựa cho Tuyệt Phẩm Video 7 là năm người có những khán giả hâm mộ riêng, rất riêng biệt, song người ta vẫn thích Duy Quang mà vẫn có thể thích Jimmy Joseph hay ngược lại.

Các nữ ca sĩ, Thanh Lan dẫn đầu trong Mong Manh, Malina Nhã Lan hậu tập bằng Mr. Postman. Ở quãng giữa là Nhật Hạ



CÁC HỌC GIẢ MỸ BÀN VỀ CÁCH NGƯỜI MỸ NÓI DỐI

HỒ TÙNG NGHIỆP

viết theo Janney Scott, The N.Y Times

Nói dối xấu lắm. Người Mỹ bảo thế. Được phỏng vấn, đa số dân Mỹ nhận rằng vì nói dối không tốt, cho nên chỉ họa hoằn họ mới phải nói dối. Dân Mỹ ở vùng Hồ Wobegon cho rằng họ là những người lương thiện nhất Mỹ quốc. Dù vậy, ở đâu người ta cũng nói dối.

Người ta nói dối với trẻ con, nói dối với cử tri. Cùng một ngày, tổng thống Nga thả nổi đồng rúp sau khi hứa không phá giá đồng bạc, bị dân Nga ngày thứ hai 17 tháng 8 qua lời tướng Lebed- rửa là đồ nói dối, đòi phải từ chức; trong khi tổng thống Hoa Kỳ-trái với hôm tháng Giêng vùng ngón tay gân giọng nói Tôi không có liên hệ tình dục với mu đó (that woman, nguyên văn), từ Tòa Bạch Ốc thú nhận: Tôi hối tiếc là đã lừa dối đồng bào, lừa dối vợ con.

Người ta nói dối để tránh bị rắc rối, và khi bị phát giác, người ta có lý do ngay: sự nói dối đó vô hại, nói thật mất lòng, nói dối là vì mục đích tốt. Dân Mỹ qua các cuộc thăm dò đa số tin rằng ông Clinton nói dối về vụ cô Lewinsky, song không ke, vì ông làm việc tốt.

Trong chương trình giúp vui ở sân khấu Broadway, tài tử diễn Jerry Seinfeld nói rằng ai cũng nói dối về tình dục. "Người ta nói dối trong khi làm tình." Và không nói dối thì không có tình.

Sau đây là vài trường hợp người ta cho rằng nói dối cũng không sao cả:

—Nói dối không sao cả nếu người điều tra viên đang hỏi bạn một câu gì đó mà y thật ra không có quyền hỏi.

—Nói dối với bọn Đức quốc xã ngoài cửa là trên gác xếp không có Do thái, không có Ann Frank.

—Nói dối bọn khủng bố đang bắt giữ con tin vì nếu nói thật, chúng sẽ giết con tin.

—Nói dối cho vui ví dụ như Ồ cái mũi chị đẹp quá trong khi nó hơi khoằm hay Ồ cái cà vạt của anh sang ghê trong khi nó hơi lờ lợt.

—Nhưng nói dối giúp người thì được mà nói dối giúp chính mình thì trăm phần trăm sai.

Nói chung, nói dối cũng phải có nguyên tắc. Ông Alexander Nehamas, giáo sư Triết Đại học Princeton nói: "Hay nhất là không bao giờ nói dối, trừ phi chẳng đáng đồng." Mĩa mai thay, cha mẹ thường hay nói dối các con nhất với câu này: "Con nhớ tuyệt đối không bao giờ nên nói dối." Khi nói câu đó, họ đang nói dối.

Trong tôn giáo càng không nên nói dối. Thánh Augustine chống một cách tuyệt đối. Joseph C. Hough giáo sư Đạo đức Thần học và phân khoa trưởng tại Đại học Vanderbilt Divinity nói: "Nếu bạn sắp phải nói dối, tốt nhất phải có một lý do tinh thần nghiêm chỉnh." Ông giáo sư này nói rằng trong Kinh Thánh, sách Genesis, Thượng Đế nói dối với Abraham ở chương 18 khi không nói lời vợ Abraham phê bình ông ta. Nói dối như thế là có ý tốt, vì giúp bảo vệ hạnh phúc gia đình cho Abraham.

Không có bản nghiên cứu nào cho biết người Mỹ nói dối từ bao giờ, nhưng bà Bella M. DePaulo, giáo sư tâm lý học tại Đại học Virginia đã nghiên cứu mọi điều nói dối của 77 sinh viên và 70 người thường trong một cộng đồng. Bà nhờ họ viết vào Nhật Ký những gì họ nói dối hôm đó, hôm trước hay hôm sau, rồi phân tích tìm hiểu.

Bà kết luận tất cả đều nói dối. Các sinh viên nói dối trung bình hai lần một ngày, dân thường nói dối trung bình một lần một ngày. Tất cả các lời nói dối đều có mục đích làm cho kẻ nói dối có vẻ hay hơn đẹp hơn. 25% các vụ nói dối dính lứu đến ngoại tình. Có nên kết luận: có một nền văn hóa của nói dối.

Anh A ngoại tình. Anh A nói dối không ngoại tình. Người ta biết được, nhún vai: "Chuyện đó OK với tôi." Chuyện đó là chuyện anh A chối không có ngoại tình. Nghĩa là người ta nói: Thằng A nói dối là nó không ngoại tình, cũng OK thôi. Người ta không thể nói: Thằng A nó ngoại tình, cũng OK thôi.

Các học giả, nhất là ông Stephen L. Carter, giáo sư Luật khoa ở Yale, tác giả cuốn "Integrity" tin rằng người Mỹ càng ngày càng nói dối. Ông nói rằng trẻ con biết là người lớn nói dối, nên chúng tự tìm cách áp dụng theo luật riêng của chúng những gì người lớn cấm đoán.

Trẻ con này không phải trẻ con của thế hệ bây giờ, có thể là cả trẻ con của thế hệ trước, khi Ông Clinton còn là trẻ con. Điều này giải nghĩa tại sao đa số dân Mỹ không muốn ông Clinton phải rời bỏ Tòa Bạch Ốc, dù người ta tin chắc ông ta nói dối có căn. ■

Poupee Bằng Xứ và Nụ Hôn Dưới Mưa, Sao Vẫn Còn Mưa và Em Yêu. Trizzie Phương Trinh cũng trình bày một nhạc phẩm về mưa: Cơn Mưa Bất Chợt. Các nữ ca sĩ khác có Thanh Hà (Không Có Anh), Julie (Khi có Chàng), và Sơn Tuyền (Mai Lỡ Hai Minh Xa Nhau).

Người thu hình là Howard Huệ, đạo diễn của các cuốn Tình Xanh I và II, và Tình Mộng, là những cuốn thành công nhất của Nhật Hạ Dạ Khúc. Góc hình Howard Huệ nhiều thay đổi, biến chuyển, hợp với khán giả trẻ, tuy đôi khi đối với khán giả có tuổi, hay đối với chủ đề êm đềm, người xem muốn cảnh kéo dài hơn cho xúc cảm lâu hơn.

Vào ngày 6 tháng 9, tại vũ trường Ritz, cuốn băng hình này chính thức phát hành với Đêm Nhật Hạ Tuyệt Phẩm 7. Ngoài các ca sĩ thường trực của Ritz, còn các ca sĩ của cuốn băng: Thanh Lan, Thanh Hà, Hương Lan, và khoảng hơn 10 giọng ca tên tuổi khác.

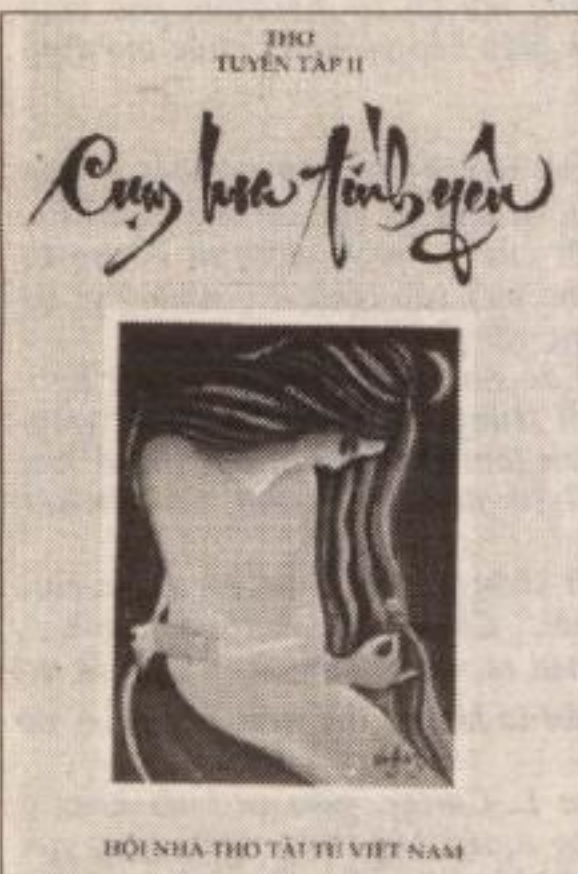
Tuyệt Phẩm Video 7 là sự trở lại của Nhật Hạ trong sinh hoạt băng hình, sự khởi đầu của Nhật Hạ với Trung Tâm mới, mang tên của cô: Nhật Hạ.

HỘI THƠ TÀI TỬ HẢI NGOẠI HỢP ĐẠI HỘI

Một Đại Hội Thơ sẽ được tổ chức vào ba ngày cuối tuần 11, 12 và 13 tháng 9.1998 tại Sacramento, thủ phủ của tiểu bang California, nhân kỷ niệm bốn năm thành lập Hội Thơ Tài Tử Hải Ngoại. Đây là một hội có sinh hoạt đều đặn và xuất bản thường xuyên, ít ra là mỗi năm in một Tuyển Tập Thơ, có nhan đề chung là Cúm Hoa Tình Yêu.

Trong dịp này, Tuyển Tập CÚM HOA TÌNH YÊU 4 sẽ được phát hành.

Theo chương trình, tối thứ sáu chỉ có tính cách ghi danh, thông



báo chương trình Đại Hội, tâm tình và văn nghệ bổ tủy. Thứ bảy là Ngày Hội Thơ, ngoạn cảnh, thăm điện Capitol, buổi chiều là Văn nghệ tại nhà hàng Hoa Việt đường Broadway. Có ít nhất hai cuộc

THƠ ĐEN THƠ VỊNH



THÁI CUỒNG

KHỔ LUY VÌ VÁY NGẮN

(Vụ Clinton-Lewinsky, váy ngắn chỉ là một cách nói).

Phải người quanh quất đâu ta?
Vì mê váy ngắn - đâm ra hết thời.
Hoai hao bỗng có một người
Trăm năm để lại trò cười về sau.

Ngôi cao chúa tể
Khắp năm châu bốn bể nước danh ngài
Nóng ngoại giao khiến nhiều nước kiêng oai
Tài ứng biến muôn người đều thần phục.
Ngao ngán thay cơn đen vừa gặp lúc
Trò thú vui nhục dục bỗng tung ra
Giới truyền thông phổ biến khắp gần xa
Ngổ chuyện nhỏ mà sinh ra đại họa.

Nguyên thủ ưu tư thông nhật dạ
Mưu sư tám kế thoát nguy cơ (*)

Váy ngắn kia gây họa tự ngàn xưa
Mà kẻ tiếp bây giờ còn tác quái.
Kìa lịch sử cổ kim ghi chép mãi
Biết bao ngài vì gái mất ngôi vua?

Gần đây váy ngắn ai đưa
Để làm tang chứng sờ sờ tung ra.
Làm chi tội báo, oan gia?
Xấu mình mà hại đến ta, hay gì?

Lá nho, vườn Địa, xưa kia
A Dong mắc tội truyền di muôn đời.
Coi chừng váy ngắn, ai ơi.

Houston, Hè 98

(*)

SẮP ĐỔI ĐỜI

I. Tội ác tràn lan khắp mọi nơi
Ngán thay đạo đức quá suy đồi.
Loạn luân mẫu tử như loài vật
Cuồng sát anh em mất tính người.
Ma túy từng gây bao kẻ thác
Si-đa đã khiến lắm thằng thui.
Trẻ già lớn bé đua nhau nhảy
Bất chấp trời kia sắp sập rồi.

II. Sấm ngũ truyền rao tởa khắp nơi
Rằng ngày tận thế chẳng xa vời.
Kìa ai tội ác càng thêm lớn
Nọ kẻ lòng tham chẳng chút vơi.
Ngậm máu phun người gieo khắp chốn
Giấu tay ném đá hại bao người.
Độc tài sát máu càng hung ngược
Chẳng biết ngày mai sắp đổi đời.



MUỐN VÀO QUẦN ĐẢO NGỤC TÙ PHẢI TRẢ TIỀN

Quần đảo ngục tù nổi tiếng nhất ở Liên Xô là Perm 36, trong vùng núi Urals, chỉ thực sự đóng cửa vào năm 1987. Hai năm sau, để tiêu hủy một thời nhục nhĩ, KGB đã cho ủai xập các tháp canh và hàng rào kẽm gai. Nó mới được mở cửa lại, lần này cho du khách. Các phòng từng giam giữ những nhân vật nổi tiếng như Natan Sharansky, nhà văn Vladimir Bukovsky, thi sĩ Vasyl Stus được đề nghị giải Nobel năm 1985, chết khả nghi một tháng trước khi kết quả công bố- nay được sửa sang lại. Nơi đây từng giam hơn 2000 tù nhân. Hình trên: nhà tù biến thành Viện bảo tàng Gulag ở Urals.

thuyết trình về thơ, với ông Đỗ Bình, và nhạc, với bà Quỳnh Hạnh, đều từ Ba Lê đến.

Ngày chủ nhật họp khoáng đại vào lúc 10 giờ sáng tại phòng Hội khách sạn (không rõ địa điểm), và buổi chiều, bắt đầu từ 4 giờ, khai mạc Đêm Thơ Ca Vũ Nhạc Hải Ngoại mừng đệ tứ chu niên của Hội, tại nhà hàng Golden Phoenix Palace, số 6910 đường 65 (góc Stockton).

Hội Thơ Tài Tử Hải Ngoại hiện do ông Như Hoa Lê Quang Sinh làm chủ tịch, nhà thơ Nguyễn

Phúc Sông Hương làm Tổng thư ký. Ngoài các thi hữu trong Hội, bản chương trình còn cho biết có sự tham dự của các nghệ sĩ như Thái Lâm, Trúc Minh, Hà Phương, Ngọc Nôi, Hải Bộ, Diệu Hoàng, Bích Thuận, Quỳnh Tiên, Thu Minh, Thúy Hằng, Huyền Trân, Hoài Hương, Duy Phỏ, Quốc Sĩ, Thanh Tùng, Ngọc Thạch, Uyên Vũ, Quỳnh Châu, Yên Võ.

Liên lạc với Hội Thơ Tài Tử Hải Ngoại: 5412 47th Ave., Sacramento, CA. 95824. Điện thoại: (916) 391-5277.

■ KỂ TỪ SỐ NÀY
KHỞI HÀNH
TẶNG THÊM
4 TRANG NỮA.
■ MUA ĐẠI HẠN
VĂN GIA 2 MỸ KIM

liên lạc:
Khởi Hành
P.O. BOX 670
MIDWAY CITY CA 92655

VĨNH BIỆT ANH TRẦN TRỌNG SAN

VIÊN LINH

I.

"...Anh San qua đời rồi, một giờ đêm tối hôm qua. Đỗ Khánh Hoan đây, tôi gọi từ Toronto." Giọng anh Hoan trong máy trả lời điện thoại của Khởi Hành.

TRẦN TRỌNG SAN
(29.10.1930 - 19.8.1999)

Giáo sư Trần Trọng San sinh ở Hà Nam, Bắc Việt Nam, lớn lên ở Hải Dương. Ông dáng người nhỏ, nơi các giảng đường Đại Học Văn Khoa, Sư Phạm, Sài Gòn, Cần Thơ, Đà Lạt, Huế, ông dễ lẫn vào với đám sinh viên. Con người ấy dung dị đến mức, và âm-thầm quá mức. Người ấy, đối với tôi, là một người có sức sống nội tâm vô vàn phong phú, bay bằng cánh lớn trên bao la, đêm ngày tâm sự với Thiên Cổ, đàm đạo với Thánh Hiền. Tắm mát anh lúc nhìn cùng Đào Tiềm, khi ngó với Khuất Nguyên, Khuất Nguyên nước Sở thời Chiến Quốc, ông vua của thơ lục ngôn. (Có những ai làm thơ 6 chữ trong các thi sĩ Việt Nam?). Phải chăng do đó, bài khẩu thi mà trường nam của anh, anh Trần Trọng Tuyên cho tôi, cũng là một bài thơ 6 chữ? Anh San phải yêu thơ 6 chữ lắm.

Anh Trần Trọng Tuyên nói bố cháu làm bài thơ này, không có nhan đề, có thể coi là Di Chúc.

Dường như rất ít khi Trần Trọng San đăng thơ mình. Anh dịch thơ người có cả nghìn bài, thơ của anh, hầu như chưa ai được đọc. Vì sao? Phải chăng, như Lý Bạch ở Lầu Hoàng Hạc, thấy thơ Thôi Hiệu vịnh hạc vàng, anh ngại đưa thơ mình cho bá tánh? Phải chăng dịch Thơ nhiều quá, anh ngại thơ mình so với thơ nghìn xưa?

Nhìn cùng Khuất Nguyên với Ly Tao, anh còn nhìn cùng các thi sĩ Đời Đường, để thấy mon men với Thơ là tới với miếu đền nhân loại, không phải trò múa bút của đám văn đình. Một chữ của anh viết ra, là năm, mười chữ đã so sánh gạn lọc mà thành. Dịch cả ngàn bài, nhưng làm, chỉ có vài chục. Người ấy, vào năm 1957 cho xuất bản THƠ ĐƯỜNG quyển I, (Bắc Đẩu Sài Gòn xuất bản, 208 trang, đã tái bản ít nhất 5 lần), năm 1962 cho xuất bản THƠ ĐƯỜNG II (Bắc Đẩu, 238 trang, tái bản nhiều lần), và năm 1973 in THƠ ĐƯỜNG III, (Bắc

Đẩu, 300 trang), là người vào lúc cuối đời, viết một cuốn sách ít ai có thể viết: THI PHÁP THƠ CHỮ HÁN, (Bắc Đẩu, Scarborough, 148 trang, 1998).

Anh Trần Trọng San chỉ viết cuốn sách về Thơ, và kỹ thuật làm thơ, 41 năm sau khi đã dịch vài ngàn bài thơ, và làm vài chục bài thơ.

Tôi giữ được nhiều lá thư nhỏ, ngắn gọn, viết trên giấy có kẻ dòng. Bìa thư, bao giờ anh cũng lấy bút chì và thước kẻ, kẻ 3, 4 dòng mờ mờ, rồi mới lấy bút mực, viết tên và địa chỉ. Lần nào thấy phong bì thư anh, tôi cũng thấy mấy dòng kẻ chì ấy, như lá thư cuối cùng anh gửi cho tôi, để ngày 18 tháng 6.98.

Trong thư ngày 17.3.1998, anh tặng tôi cuốn biên khảo mỏng, nhưng cực kỳ công phu về thơ, của anh: cuốn sách chỉ có 148 trang, nếu bỏ phần dẫn nhập 2 trang và phần lý lịch sách, thì nó chỉ còn có 128 trang, nhưng anh đã tham khảo tới 44 tác phẩm, cả Hán văn, Pháp, Anh và Việt ngữ, để viết ra 128 trang đó. Tôi mới chỉ kịp cho chụp cái bìa cuốn sách in trên Khởi Hành số Tháng 5.98.

Hai ngày sau lá thư đó, là ngày 19 tháng 3.98, anh San làm một bài thơ, chẳng khác gì một Di Chúc, bài Hải Âu Bên Thác Niagara Fall. Và 5 tháng sau, Anh trở thành Hải Âu Phi Xứ:

*Nếu như còn có kiếp mai sau
Tôi chỉ mong làm kiếp Hải Âu.*

(Trần Trọng San, Hải Âu Bên Thác Niagara Fall, di cảo).

II.

Lúc này là 2 giờ chiều thứ bảy, 21 tháng 8, tức là 5 giờ chiều, giờ Gia Nã Đại. Trường nam của anh nói với tôi đêm hôm trước: "Theo ý Bố cháu, xác sẽ được hỏa thiêu, rồi mang tro cốt thả xuống thác Niagara. Bố cháu muốn làm chim hải âu ở đó. Ngày mai, tang lễ cử hành lúc 10 giờ sáng."

Anh thận trọng mở đầu bài thơ bằng chữ Nêu:

*Nếu như còn có kiếp mai sau
Tôi chỉ mong làm kiếp hải âu.*



Anh vốn thận trọng nên mới dùng một từ giả định, mới viết chữ Nếu. Ngay khi viết chữ ấy, anh đã tin rằng đương nhiên đời "còn có kiếp mai sau."

Hơn mười ngày sau, Anh San hẳn đã toại nguyện. Hôm thứ tư mồng 2 tháng 9.98, nhằm ngày 12 tháng 7 Âm lịch Mậu Dần, tro cốt Anh đã được thả xuống dòng sông Niagara. Tuần trước hỏi anh Tuyên sẽ thả tro ra sao, anh Tuyên nói tro sẽ thả xuống khúc sông này, và dòng sông nhập vào thác Niagara ở quãng dưới.

Khi tôi viết tiếp những dòng này, hẳn Anh đang lơ lửng giữa khoảng mệnh mông của bụi nước, tiếng thác, giữa trời mây tản thủy, ca hát với thình không.

VÔ CÙNG TƯỞNG NHỚ

GIÁO SƯ

TRẦN TRỌNG SAN

29.10.1930

19.8.1998

NGUYỄN KHẮC KHAM ■ MẶC THU ■ NGUYỄN ĐÌNH HÒA ■ NGUYỄN KHẮC HOẠCH
NGUYỄN SỸ TẾ ■ ĐỖ KHÁNH HOAN ■ LÊ VĂN ■ TÔ THUY YÊN ■ ĐỖ QUÝ TOÀN
NGUYỄN NGỌC BÍCH ■ CAO TIÊU ■ PHAN LẠC PHÚC ■ PHẠM CAO DƯƠNG ■
SONG HỒ ■ THANH TUỆ ■ NGUYỄN HỮU HIỆU ■ LÊ TẤT ĐIỀU ■ HUY TRÂM
PHAN LẠC TIẾP ■ ĐÀM TRUNG PHÁP ■ HÀ MAI PHƯƠNG ■ TRẦN ANH TUẤN ■
TRẦN LAM GIANG ■ NGUYỄN QUÍ BỔNG ■ TRÀ LỮ ■ HOÀNG MINH HÙNG ■ DUY
THANH ■ ĐẶNG VĂN NHÂM ■ THÁI CUÔNG ■ TRƯƠNG ANH THỤY ■ TRẦN VĂN
NAM ■ HÀ THỨC SINH ■ TƯỜNG VŨ ANH THY ■ LÂM CHƯƠNG ■ HỒ MINH DŨNG
TRẦN HOÀI THƯ ■ TRẦN LONG HỒ ■ VƯƠNG NGUYỄN ■ NGUYỄN THANH CHÂU
TẠ TỴ ■ NGUYỄN PHƯƠNG TUẤN ■ THỤY KHANH ■ THÁI TUẤN ■ NGỌC DŨNG ■
PHẠM HOÁN ■ HÀ THƯỢNG NHÂN ■ HOÀNG NGỌC LIÊN ■ HOÀNG HẢI THỦY ■
VƯƠNG ĐỨC LỆ ■ NGUYỄN TÀ CÚC ■ Anh Việt TRẦN VĂN TRỌNG ■ VIÊN LINH

Tôi rất vui
chỉ biết rồi
"khởi Hân"

Nếu như còn có kiếp mai sau
Tôi chỉ mong làm kiếp hải âu.
Sống nhón nhón trên dòng thác nước
Nhìn thế gian chất ngất lo sầu

Làm sao cho bằng kiếp hải âu
Chẳng phải lo, phải nghĩ, phải sầu.

Thế gian ơi!
Vĩnh biệt mi trong kiếp mai sau.
Hải âu ơi!
Hẹn cùng mi riu rít bên nhau.

Làm trong mơ đêm 19.3.1998

"Làm trong mơ" là chữ của Anh ghi dưới bài thơ.

Trần Trọng San

thơ trên. Cháu Chương, cháu tôi mà cũng là cháu của anh Châu Văn Thọ, chủ nhiệm tờ Văn Học bây giờ, đã mất một tuần lễ để đi mua được ba tập ĐƯỜNG THI của Trần Trọng San, giá 170 đồng một cuốn, và gửi qua cho tôi năm đó. Tôi chuyển cho cháu 100 mỹ kim, nói tặng riêng cháu một nửa. Cùng với gói sách gửi qua bằng đường bưu điện, cháu nói chú có tặng 100 mỹ kim (năm 1978), cháu cũng không làm được nữa. Tôi có kể

BACH THOẠI

Sách tự học tiếng Hán hiện đại. Hệ thống thanh âm của tiếng Quan Thoại (Phổ Thông) - Các bài học cơ bản - Đàm thoại - Trung quốc hiện đại văn tuyển - Ngữ pháp bạch thoại. (như trên, 24 mỹ kim).

THƠ ĐƯỜNG

Tìm hiểu nguyên nhân hưng thịnh, trình bày quá trình diễn biến của thi ca đời Đường. Lược thuật tiểu truyện, tuyển dịch 274 bài thơ của 98 thi nhân thời này. (26 mỹ kim).

LÝ BẠCH, ĐỖ PHỦ, BẠCH CỬ Dị

Tướng thuật tiểu truyện, phẩm bình phong cách, tuyển dịch 184 bài thơ của ba thi hào đời Đường. (26 mỹ kim).

THƠ TỔNG

Trình bày quá trình diễn biến của thơ đời Tống. Lược thuật tiểu truyện, tuyển dịch 123 bài thơ của 48 thi nhân thời này. (19 mỹ kim).

ĐƯỜNG TỔNG TỬ TUYỂN

Từ là lời ca của điệu nhạc, thường làm theo thể thơ trường đoản cú. Sách trình bày tường tận về khởi nguyên của từ, quá trình diễn biến của từ từ thời Trung Đường cho đến hết thời Nam Tống. Lược thuật tiểu truyện, tuyển dịch 171 bài của 45 từ gia đại biểu của thời kỳ này. (giá 26 mỹ kim).

HÁN VIỆT TỰ ĐIỂN (soạn chung với Trần Trọng Tuyên)

Gồm hơn 10 ngàn chữ với thí dụ thuyết minh là những từ ngữ, thành ngữ thường dùng trong văn ngôn và bạch thoại. Bên cạnh phiên âm Hán Việt có in kèm chú âm Trung quốc (tiếng Phổ thông). Phần phụ lục gồm có Bảng tra chữ giản thể, Bảng tra chữ theo vần ABC, Bản nêu sự tương ứng giữa phiên âm Hán Việt với chú âm Trung quốc. (giá bán, kể cả bưu phí: 53 mỹ kim). (Xem bài Diễm Sách của giáo sư Đàm Trung Pháp, Khởi Hành số 21, tháng 7.98).

IV.

Khoảng 1973, anh Trần Trọng San gửi cho tôi bài Văn Học Hiện Đại Trung Quốc. Bài này đã đăng trên một số Thời Thập ở Sài Gòn, năm 1974. Chính bài viết đó cho tôi biết anh San không chỉ là một giáo sư, một học giả Hán văn, anh còn là một người đi sát với thời sự, ít ra là thời sự Văn Hóa. Không theo dõi thời sự, anh không thể viết được một bài như thế.

Ngoài sự cộng tác bài vở, tôi còn phỏng vấn Anh cùng với hai người khác, về cùng một đề tài, là cụ Vương Hồng Sển và nhà văn Nguyễn Mạnh Côn. Ba tác giả tên tuổi ấy đã giúp tôi làm một số báo Thời Tập được độc giả tán thưởng: Nên Hiểu Ý Nghĩa Truyện Liêu Trai Như Thế Nào? Ý kiến của Anh San cho đến nay vẫn còn giá trị. Có dịp, Khởi Hành sẽ lục đăng lại những bài này, và bài lục ngôn Di Chúc của anh, cũng như toàn bài Hải Âu Bên Thác Niagara Fall.

Anh Trần Trọng San,
"Trước lòng lộng không thời gian"

Câu thơ ấy của Anh, trong bài thơ khẩu khí, cũng là các tác phẩm của anh trong Văn Học Việt Nam cuối Thế Kỷ. ■

3.9.98

III.

Tôi không có hân hạnh làm học trò anh, song tôi học chữ Hán, và ôn tập chữ Hán, qua ba tập ĐƯỜNG THI của Trần Trọng San. Lúc ở Phú Quốc, ngày 30 tháng 4. 1975, một vài người lính Hải quân nổ súng bắn chết viên tài xế của ông Đại tá chỉ huy trưởng căn cứ, tôi đã bỏ mất ba tập thơ này trong chiếc va-li sách, chỉ còn đeo được chiếc ba-lô trên lưng, trong có sữa cho Y Lãng, lúc ấy mới 10 tháng nằm trong tay trái bố, còn tay phải giữ dây leo lên con tàu cao sừng sững, trong đêm đen. Năm 1978, ở Virginia, tôi đã viết thư nhờ một đứa cháu con ông anh ruột ở Sài Gòn đi tìm lại ba tập

Toronto, 17.6.1998

với anh San chuyện này. Anh chỉ cười. Từ 1973, anh viết thường xuyên cho tờ Thời Tập.

Từ đó, mỗi khi in sách, anh thường gửi cho tôi, dù tôi đi đâu. Các sách anh đã in ở Hải Ngoại gồm có:

HÁN VĂN

Sách tự học tiếng Hán cổ (văn ngôn). Hệ thống chữ Hán - Lục Thư - Quy tắc viết chữ - Cách tra từ điển - Các bộ chữ - "Tân quốc Văn" - Trung quốc Văn tuyển - Trung quốc Văn phạm - Bảng tra chữ giản thể. (Giá bán, gồm cả bưu phí: 24 mỹ kim).

NGÔN NGỮ THƠ CỦA NHẠC SĨ

TRẦN VĂN NAM

Ta sẽ đi qua một bên những bài thơ phổ nhạc vốn mang sẵn đặc tính tân kỳ của thi ca. Nhưng không phải tất cả thơ đều như vậy, đều bao gồm hai đặc điểm này: ngôn ngữ đặt theo một cách riêng và nội dung là tình ca mơ hồ. Vì vậy, xin chỉ đề cập tính chất thơ với hai đặc điểm trên. Ta cũng đi qua một bên những bản nhạc có vẻ thơ, nhưng là thứ ngôn ngữ quy ước, vẫn phạm cấu trúc về lời đều bình thường, dễ dàng được quần chúng tiếp nhận. Bình thường không có nghĩa là tầm thường, nhiều khi những lời giản dị lại mang tính tuyệt kỹ của nghệ thuật. Ví dụ lời trong các bản nhạc tiền chiến đều có tính quy ước, dễ hiểu, rõ ràng, không vì thế mà tầm thường.

Tóm lại, ta giới hạn bài này ở những lời tân kỳ và nội dung tình ca phiếm định, do chính các nhạc sĩ đặt ra. Ngôn ngữ của họ tân tạo, kiểu cách lời thi ca: Còn tình ý thì mông lung, nghe vẫn biết đó là tình ca mà không rõ là tình ca gì.

Trước hết, ta nên ra khỏi vòng ảnh hưởng, dễ gây ấn tượng, của những lối nhân cách hóa mới, những ẩn dụ sáng tạo độc đáo, vì nhận xét kỹ thì chúng vẫn còn nằm trong tính quy ước của ngôn ngữ, không có gì kiểu cách:

*Em đi qua chuyển đồ
Thấy con trăng nằm ngủ
Con sông là quán trọ
Và trăng, tên lang du*

....
*Cây chưa thu bóng dài
Và tôi thu bóng tối
Tôi thu tối bé lại
Lâm mưa tan giữa trời*

(Trích bài "Biết Đâu Nguồn Cội"
của Trịnh Công Sơn)

*Hãy ngồi xuống đây
Như loài cỏ tranh
Chen nhau từng hàng
Xoắn xít bên nhau
Vui chơi cuộc đời
Cỏ rác bên nhau*

.....
*Hãy ngồi xuống đây
Như loài thú hoang
Yêu nhau ngoài đồng
Dưới nắng ban mai
Phố thân trần truồng
Kiếp sống hoang sơ*

(Trích bài "Hãy Ngồi
Xuống Đây" của Lê Uyên Phương)

Bây giờ ta mới bàn tới đặc điểm đầu tiên: Ngôn ngữ vẫn đặt theo một cách riêng của từng nhạc sĩ. Nằm ngoài những quy ước có sẵn, nên mới nghe qua ta thấy hơi lạ, không quen thuộc với cảm nhận. Nghe đi nghe lại, ta thấm thấu dần về mỹ cảm, phảng phất thơ mộng, đẹp buồn của tình ca đôi lứa. Có thể ta chưa hiểu tác giả mô tả quang cảnh hay tình

huống gì rõ rệt. Ta dừng hỏi tại sao hình tượng trong lời nhạc hơi lạ lùng, mà hãy hỏi ta có cảm thấy về thơ mộng của nó hay không. Nghĩa là ta hãy dùng cảm tính để thưởng thức hơn là đi tìm hiểu căn cứ. Nếu có, thì đó là thành công của nhạc sĩ, chủ đích đưa ta vào một bầu khí thi ca. Ta đi đặt theo tiếng nhạc, ta mơ màng theo lời ca:

*Em buông lơi tóc thề
Tìm mê theo cơn lốc về
Em như vương nắng hạ
Hôn bờ biển xanh sỏi đá
Anh lang thang dấu giày
Vòng tay em cho đã gãy
Men yêu đương rũ rượi
Mây trời vòng kín trùng khơi*

(Trích bài "Tóc Em Chưa Úa
Nắng Hè" của Phạm Mạnh Cương)

*Lúa nắng cho buồn vào tóc em
Bàn tay xanh xao đón ưu phiền
Ngày xưa sao lá thu không vàng
Và nắng chưa vào trong mắt em
Chiều đã đi vào vườn mắt em
Mùa thu qua tay đã bao lần
Ngân cây thấp nền lên hai hàng
Để nắng đi vào trong mắt em*

(Trích bài "Nắng Thuỳ Tinh"
của Trịnh Công Sơn)

Đặc điểm thứ hai của những bản nhạc có vẻ thi ca, đó là thứ tình ca mơ hồ. Không gian chưa định hình và tình yêu chưa định tính, đây là cặp song hành mà ta liên kết bằng cảm tính đối với các bản nhạc này, dĩ nhiên trước hết là phải có âm điệu hay. Ví dụ nghe nhiều lần bản nhạc "Điểm Xưa" của Trịnh Công Sơn và "Tóc Em Chưa Úa Nắng Hè" của Phạm Mạnh Cương, ta vẫn không thể xác định là thứ tình ca gì. Nó không rõ ràng là tình ca định mệnh như "Màu Tím Hoa Sim" của Hữu Loan, hoặc tình ca hạnh phúc như "Tiếng Thời Gian" của Từ Công Phụng. Ta có thể kể vài thứ tình ca đã được định tính nữa như: tình phụ bạc, tình lỡ làng, tình vu vơ, tình ngang trái, tình ngoại đạo, tình đơn phương, tình ngây thơ, tình biệt ly, tình mùa chinh chiến, tình quê, tình sơn nữ, tình nghèo... Thứ tình mà ta nói là mơ hồ vì đôi khi như triết lý một điều gì đó:

*Vì đâu mê say phồn hoa
Như áo gấm sáng lóng lánh
Ôm rách nát trong tâm linh
Ôm tiếng hát không hơi run nghèo nàn
Còn yêu chi hoa ngày xanh
Héo hơn vì mong manh
Bỏ quên lại người sau ngõ ngang*

(Trích bài "Tình Khúc Cho Em"
của Lê Uyên Phương)

*Mưa vẫn hay mưa cho đời biển động
Làm sao em biết bia đá không đau*

*Xin hãy cho mưa qua miền đất rộng
Ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau*

(Trích bài "Điểm Xưa" của
Trịnh Công Sơn)

*Một chiều có nắng sang đây ru em mơ mộng
Đếm nắng cho tay qua trời
Quyện tình yêu qua màu mắt
Một chiều có nắng sang đây ru em mơ mộng
Đón đầu mưa rơi âm thầm
Và màu nắng chết trên vai*

(Trích bài "Giọt Nắng Hồng"
của Ngô Thụy Miên)

Những "Điểm Xưa", sỏi đá cần có nhau, ngân cây thấp nền" (Trịnh Công Sơn); những "Vòng tay cho em đã gãy, men yêu rũ rượi, gọi nắng cho mây trắng về" (Phạm Mạnh Cương); những "ôm rách nát trong tâm linh, ôm tiếng hát nghèo nàn" (Lê Uyên Phương); những "đếm nắng cho tay trời, xin em cho một lời miệt mài, đôi tay ước muốn từ đây" (Ngô Thụy Miên): Đó toàn là những ngôn ngữ tân tạo, trước đây chưa có.

Là thứ tình ca không định tính, cảnh vật không định hình, tạo ra chất thơ đặc biệt. Ta nhắc lại: trước hết là nhờ âm điệu hay. Mơ hồ, nhưng mái tóc, vòng tay, ánh mắt, vóc dáng người đẹp, hiện diện thấp thoáng, cho ta biết đây là tình ca. Em và Anh là hai nhân vật chủ yếu, cho ta biết đây là tình ca. Bóng dáng người nam lang thang, phiêu bồng, phiến muộn, cũng cho ta biết đây là tình ca. Lời ca không có vẻ gì là sầu khổ quá đáng đưa tới thứ tình tuyệt vọng, cũng chẳng hạnh phúc tràn trề của thứ tình âu ca. Mà tình ca rõ rệt, được định tính, nghe mãi cũng nhàm, cho nên ta cần loại tình ca mơ hồ.

Xem ra, sáng tạo ngôn ngữ phiếm định cũng là một yếu tố quan trọng của nhạc phẩm. Nhạc tình khôi, nhạc không lời, đòi hỏi sự thẩm nhận cao cấp. Còn đây là tình mang mang, phiếm định như ngôn ngữ tân tạo, ở ngoài quy ước quen thuộc của kết cấu văn chương. Đây là nhạc sánh vai cùng ngôn ngữ, nhạc được hỗ trợ bằng lời mới lạ; vai trò của thi ca sáng lên cùng giai điệu.

Ban đầu, những lời khác lạ đó có thể chưa được tiếp nhận dễ dàng. Nhưng nhờ âm điệu hay, được các ca sĩ thời danh truyền lan truyền cảm với nhiều lần trình diễn, những lời tân tạo kia sẽ dần dần phổ thông, chẳng những cho các thế hệ trước đây có trình độ Việt ngữ khá cao, mà còn cho các lớp trẻ hải ngoại bây giờ và mai sau. Ví dụ nhạc Trịnh Công Sơn, Phạm Mạnh Cương, Lê Uyên Phương, Ngô Thụy Miên, đều thuộc về thập niên 60 đến giữa thập niên 70, đến nay lớp trẻ vẫn yêu thích.

Còn nói gì đến một số bài thơ phổ nhạc, những bài thơ mà hai đặc điểm trên (ngôn ngữ tân tạo, tình ca mơ hồ) vốn là thân thuộc. Chúng góp phần làm mới ngôn ngữ mà thoát nghe bị coi là kiểu cách, nhưng rồi mỹ cảm của âm thanh và lời hát sẽ chinh phục cuộc đời, trước lạ sau quen. ■

CƠ BÚT ĐỀN SÒNG

hạ long LƯU VĂN VỊNH

từ sấm trạng trình
đến cơ bút
liễu hạnh công chúa

Ta có câu:

*Tháng Tám giỗ Cha
tháng Ba giỗ Mẹ*

Tháng Tám giỗ Đức Thánh Trần, hóa thân của Phù Đổng Thiên Vương, tháng Ba giỗ Mẹ là giỗ Thánh Mẫu Liễu Hạnh, là hai vị trong Tứ Bất Tử dân tộc: Phù Đổng, Chử Đồng Tử, Tản Viên Sơn Thánh và Liễu Hạnh. Tuy phát sinh sau ba vị kia cả ngàn năm, Thánh Mẫu Liễu Hạnh lại được sùng kính tôn thờ như một tín ngưỡng dân gian lan rộng khắp nơi, từ Phú Giày Nam Định, tới chùa Thiên Minh Lạng Sơn, vào đền Sòng Thanh Hóa, ra Tây Hồ Thăng Long, vào Sóc Hương Nghệ An... đâu đâu cũng hiển linh thiêng liêng. Ca dao có câu:

*Nước sông Thương bên đục bên trong
Núi đức Thánh Tản thất cổ bông
mà lại có Thánh sinh
Đền Sòng thiêng nhất xứ Thanh
Ở trên tỉnh Lạng có thành Tiên xây..*

Nguyên ngài là con gái thứ của Ngọc Hoàng Thượng Đế, giáng trần vào Rằm tháng Tám năm 1557 đời Mạc Phúc Nguyên tại Vụ Bản, tên Giáng Tiên. Năm 18 tuổi kết duyên với Trần Đào Lang và năm 21 tuổi, mừng ba tháng Ba, thì hóa về cõi Tiên. Sau đó Ngài lại hiện lên an ủi mẹ, chồng, rồi biến mất. Những lần tái giáng sau này Ngài biến hiện, lúc làm thiếu nữ ngâm thơ dưới trăng, lúc trụ trì nơi danh lam thắng cảnh, lúc làm bà lão chống gậy, lúc ngồi gốc tùng gầy đàn.

Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan đã có lần gặp Ngài thị hiện khi đi sứ Tàu về qua Lạng Sơn và đã dựng đền thờ Mẫu tại vùng biên giới; lần sau ở Tây Hồ Trạng Bùng cùng hai người bạn khác họ Lý, họ Ngô xướng họa với một thiếu nữ khuê các mặc áo đỏ. Lúc kết bài: "Trăng tròn soi một bóng Tiên thôi" mới biết là Ngài thị hiện. Về sau, Phủ Tây Hồ được coi là một linh địa nay vẫn còn hương khói ngay giữa Hồ Tây, Hà Nội.

Sự thờ cúng Thánh Mẫu "Xuất thế vi Tiên, giáng thế vi Phật" phản ánh tâm thức Mẹ hiền từ bao bọc, một nguyên lý Mẹ bên cạnh nguyên lý Cha hùng dũng che chở. Sau này cùng dân tộc Nam tiến, nguyên lý ấy lại hóa vào một Thiên Mụ, một Thiên Y A Na, một Bà Đen, phù hộ độ trì cho dân lành.

Vua Tự Đức là người có văn học thường chú tâm tới văn hóa tín ngưỡng truyền thống. Nhà Vua đã từng ngự giá tới thăm đền thượng Tản Viên Sơn ... Trong lúc chính sự rối ren, Thực dân xâm lăng chiếm đất, ngài đã cử sứ thần tới cầu Thánh Mẫu Liễu Hạnh tại đền Sòng xin phụ tiên giáng cơ bút về quốc sự nguy biến.



Chân dung Liễu Hạnh Công Chúa

Phép phụ tiên thời xưa có quy luật chính tề: người cầu phải tắm rửa sạch sẽ, ăn chay ba ngày, bày hương án hoa rượu, lại có mâm gạo để Tiên giáng bút. Bút của Tiên là một cành đào bẻ từ nhánh phía Đông vào buổi sương sáng. Hai ba người hầu ngâm cổ thi để tạo bầu khí, một người phù hương vào mặt và tay người ngồi đồng, khi thấy đồng đảo là lúc Tiên sắp giáng. Người cầu tấu lạy và Tiên gõ bút đào vào mâm gạo mà viết thật nhanh, một người hầu bút trông nét trên gạo mà thảo ra giấy.

Bài Cơ Bút đền Sòng nổi tiếng này đã được phổ biến từ thời tiền chiến và được in trên nhiều sách báo, đặc biệt có những câu rất giống với chủ đề Sấm Trạng Trình:

1.-

*Hoành sơn một giải ra vào
Cuộc kêu vọng đế,
Cáo gào giả vương
Cung trắng đã sẵn trời dương
Giang sơn lại mở một trường Xuân Thu*

Bốn câu mở đầu nói về thời suy vi của Triều Nguyễn tại Huế dùng chữ Hoành Sơn của Trạng Trình chỉ cho Nguyễn Hoàng: Hoành sơn nhất đại, vạn đại dung thân, nay thì Cuộc kêu vọng Đế (chữ Cuộc vừa nghĩa con chim Cuộc vừa hàm âm Quốc gia), chẳng còn vương đế, mà chỉ có bọn ma cáo giả làm vua! Âm dương đảo lộn (trắng âm, dương), giang sơn loạn lạc tranh chấp như thời Xuân Thu Chiến Quốc.

2.-

*Tên đầu ba mũi phục thù
Khen cho Khắc Dụng bầy trò cho con
Ngọn cờ phát phối đầu non
Thạch thành mèo lại bon bon chạy về
Dậm trường lại lảng máu dê
Con quay ngả trắng ba que cuộc tàn*

Đoạn này nói khá rõ về lá cờ vàng ba sọc, tiếp nối của nhà Nguyễn với Quốc trưởng Bảo Đại, một giai đoạn xoay vần tới tàn cuộc, với máu đổ lai láng của Tây dương (dê). Tất cả chỉ là trò bày đặt. Chữ Khắc Dụng, Thạch Thành mèo lại... chúng tôi không thấy tài liệu nào giải rõ những điển tích này. Riêng chữ Thạch nếu là bộ Thử thì có nghĩa là con chuột lớn, phải chăng chơi chữ mèo, chuột đuổi nhau?

3.-

*Trời Nam mở vận Viêm Bang
Chân nhân đầu đến những phường
thầy tăng
Đồng dao lại có câu rằng:
Non xanh mà mọc trắng răng mới kỳ
Bấy giờ quét sạch thủ ly
Ai ơi nhớ lấy thiên ky kẻ lắm*



Anne Frank (ngồi) đang chơi đùa với cô bạn trên một khoảng sân gạch tại một ngôi nhà ở Amsterdam, Hòa Lan, trước khi Thế Chiến II xảy ra. Cô bạn này có tên là Lies trong cuốn Nhật Ký.

NHẬT KÝ ANNE FRANK BỊ BỎ XÓT 5 TRANG BỎ XÓT VIẾT NHỮNG GÌ?

Đối với một thiếu nữ 15 tuổi bình thường, những trang nhật ký nguệch ngoạc, trong có những trang viết về cha mẹ mình, hẳn không có gì hấp dẫn lắm, trừ phi thiếu nữ đó là Anne Frank, cô bé Do Thái nổi tiếng với cuốn Nhật Ký mang tên mình: NHẬT KÝ ANNE FRANK. Cuốn Nhật Ký này, đã được dịch sang 55 ngôn ngữ, và đã thực hiện thành phim, thành kịch, mang cùng nhan đề.

Hôm thứ ba 18 tháng 8.98 có tin người ta vừa tìm thấy 5 trang nữa của cuốn sổ ghi chép hàng ngày của cô. Những người hiểu chuyện tin rằng khi cuốn Nhật Ký được in ra, không ai biết là thiếu 5 trang, cho nên tin này khiến người ta giật mình.

Anne và gia đình đã trốn Đức Quốc Xã trong suốt 2 năm trên một căn lầu ở Amsterdam, Hòa Lan, cho đến khi bị phản bội, bị bắt. Nhờ cuốn Nhật Ký cô bé ghi chép trong 2 năm đó mà người ta biết chuyện gì đã xảy ra cho gia đình ông Otto Frank.

Khám phá này trước hết sẽ phải kiểm chứng, và một khi nó đúng, sẽ đặt ra các vấn đề pháp lý gay go. Người đang giữ 5 trang giấy, nói là từ cuốn Nhật Ký, là một cựu nhân viên của Anne Frank Foundation. Tin được coi là chính xác, vì do chính Viện Tài liệu Chiến tranh Quốc gia Hòa Lan phổ biến. Cả viện này lẫn tổ chức Anne Frank Foundation đều đang nhờ luật sư đòi lại 5 trang sách.

Người đang có trong tay 5 trang giấy ấy là ông X. Tên ông ta tạm thời được giấu đi, sợ những nguy hiểm sẽ xảy ra cho ông. Ông X cho biết cha của Anne là Otto Frank đã cho ông 5 trang giấy ấy trước khi ông này chết vào năm 1980. Vậy vì sao ông Otto Frank đã cất đi 5 trang nhật ký của cô con gái? Lý do: cô kịch liệt chỉ trích cuộc hôn nhân của cha mẹ mình.

Điều ấy nghe hợp lý, vì không bậc cha mẹ nào muốn phổ biến cho công chúng những chuyện như vậy.

Anne Frank sinh năm 1929 tại Frankfurt, Đức. Khi không khí chống Do Thái nổi lên quá mạnh tại nước này vào năm 1933, gia đình cô di cư tới Hòa Lan. Đức xâm chiếm Hòa Lan năm 1942. Sau 2 năm sống như tù cầm tù trên căn gác đóng kín, tất cả bị bắt, và khi Đồng Minh giải phóng trại tập trung Belsen, chỉ còn một mình ông bố sống sót. Anne chết lúc 16 tuổi.

Nhắc lại, Anne Frank và gia đình trốn trên một căn gác sếp, sau một cái tủ sách di động được, thuộc một ngôi nhà bên bờ con kênh Amsterdam. Nhật ký bỏ dở vào tháng 8.1944, lúc cả nhà bị bắt vì bị tố cáo, Anne bị đưa vào trại tập trung Bergen-Belsen, chết vì sưng phổi vào mùa xuân 1945, vài tuần lễ trước khi trại được quân Đồng Minh giải phóng. Ông Otto Frank xuất bản Nhật Ký của con gái vào năm 1947, và nó trở thành cuốn sách điển hình của một thời đại.

Nhưng rồi nước Việt Nam sẽ tới vận Viêm Bang, trở lại thời vương đạo Lạc Long Hùng Vương. Chân nhân của hồng vận này không đến từ bọn Tây phương (thầy tăng nói lái là thằng Tây) mà là một bậc tên Bạch Xỉ (trắng răng), như Sấm Trạng Trình đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Đây là đại vận cường quốc Viêm Việt với bậc chân nhân dẫn dắt nổi lên từ non xanh. Bảy giờ quét sạch bọn chuột (thử), bọn hổ ly (ly) đây là thiên cơ (ky) mà toàn dân cần ghi tạc. Đoạn này Thánh nói một cách khinh miệt về bọn Tây xâm lăng và trấn an bằng cách hé lộ thiên cơ về thời rực rỡ của đất nước sẽ tới.

4.-

Dương khi sấm sét âm âm
Ấy là khí số để găm trị bình
Vũ phu mà bức thư sinh
Long ô chấp cả mấy anh Thủy Hoàng

Sau thời binh lửa sẽ tới thời bình trị, bọn vũ phu độc ác bức bách thư sinh hiền lương, tới thời "long ô" thì vũ phu bằng mấy bạo chúa Tần Thủy Hoàng cũng không làm gì nổi. Long ô có thể hiểu là rồng đen, nhưng hiểu theo chữ nôm thì ô là dù che mưa nắng, tức long tàn, hợp với ý Bạch Xỉ và Thánh Tần Viên xuất trong Sấm Trạng Trình (ô), long (rồng) càng rõ ý bậc đế vương Bảo sơn thiên tử xuất hiện.

5.-

Nực cười cho lũ bàng quan
Cờ tàn mà lại tính đường đẩy xe
Thôi thôi mặc lũ thằng hề
Gió mây ta lại đi về gió mây.

Bốn câu kết thúc cơ bút thấy rõ lời lẽ của một giáng tiên, nhìn trần thế như trò hề, cuộc cờ đã tàn mà tục nhân vẫn chưa nhìn ra, còn loay hoay tính chuyện đẩy xe lên dốc! Giống như hai câu của Nguyễn Khuyến:

Vua chèo còn chẳng ra gì
Quan chèo thì có khác chi thằng hề!

Tất nhiên giá trị của phụ tiên cơ bút khó bằng Sấm ký Chiêm tinh vì không dựa trên một khoa học lý số nào. Đã có nhiều cơ bút chỉ phớt bầy tâm thức ước ao của người cầu cơ và nét bút lúc giáng cơ khi chỉ là tiếng vọng từ tiềm thức hay vô thức trào ra. Nhưng đây là một bài giáng cơ bút cách đây hơn trăm năm, tại một ngôi đền "thiên nhất xứ Thanh", do Vua cầu và do Thánh Mẫu linh thiêng nhất đất Việt chủ giáng. Giá trị của bài này có tầm ngang với những huyền khải như huyền khải Fatima, huyền khải Malachy (nhà tiên tri Ái Nhĩ Lan nhìn thấy tên của tất cả chư vị Giáo hoàng La Mã từ thế kỷ XI). Hơn nữa phối kiểm với Sấm Trạng Trình lại thấy cùng một tiên đoán chủ đề: vận Viêm bang, Thánh xuất và Bạch Xỉ.

Cho nên Thánh Mẫu, Trạng Trình... cho dù không nói những lời tiên tri chính xác thì cũng cho ta những lời vàng ngọc vang lên từ Tàng Thư Lạc Việt, phổ độ chúng sinh bằng pháp môn huyền vi của các ngài. ■ 8-98

(Trích Việt Sử Siêu Linh sẽ in)

ĐÀN NGUYỆT, VÀ THÚY KIỀU

TƯỜNG VŨ ANH THY

bốn dây nhỏ máu:
đàn nguyệt hai dây
và "cầm trắng" có
bốn dây?

Trong bài "Bí Quyết Làm Bếp của cụ Tường" (Khởi Hành số 21/tháng 7/1998) tác giả Đàm Thạch kể rằng Hồ Hữu Tường xác định là Thúy Kiều của Nguyễn Du gảy đàn Nguyệt chứ không phải đàn Tỳ Bà. Tác giả đã: "thắc mắc mà không dám nói ra: sao đàn Nguyệt mà tôi gọi là đàn kim hình tròn như mặt trăng chỉ có 2 dây, còn trong thơ của Nguyễn Du thì: bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay (?)". Thắc mắc này có lẽ của nhiều người; và đã gợi ý cho tôi đi tìm... hiểu.

Hầu hết các bản Kiều bằng chữ quốc ngữ, đến câu:

Hiên sau treo sẵn cầm trắng

Vội vàng, Sinh đã tay nâng ngang mày

đều ghi chú "cầm trắng" là đàn Nguyệt.

Vào thời Nguyễn Du (giữa thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19) đàn Nguyệt là đàn gì, và có thịnh hành không? Tôi tìm gặp ông Phạm Đình Hổ (1768 - 1839) cùng thời với Nguyễn Du (1765 - 1820). Trong cuốn *VŨ TRUNG TÚY BÚT*, Phạm Đình Hổ viết về Đàn:

"Nước ta có thứ đàn đáy và đàn tranh đều gảy bằng tiếng tơ. Đại lược có bốn tiếng chính là: tính, tỉnh, tình, tinh; lại đặt thêm ba tiếng phụ là: tung, tang, tàng; bảy tiếng ấy thay đổi làm chủ, khách mà thành ra xoang điệu. Đời gần đây mới chuộng đàn Nguyệt, đó là một thứ Hồ cầm thời cổ, còn gọi là đàn Nguyễn cầm (bởi ông Nguyễn Hàn đời nhà Tấn (373) đặt ra, gảy thành những tiếng; xừ, xang, hồ, xê, công, liú, ú, xáng; những tiếng ấy phối hợp với bảy thanh mười hai luật, đã kể tường ở trong sách *CỬU PHONG TÂN NHẠC THƯ*. Song Nam, Bắc, phong thổ mỗi nơi một khác, nên ít người biết gảy cho hay.

Khoảng năm Cảnh Hưng (1740) có quan nội điện cung phụng quân tiên hữu đội là Nguyễn Đình Dịch mới biến đổi ra theo tiếng Nam, nghe cũng hay. Nhưng tiếng trong, tiếng đục lẫn lộn, chưa có xoang điệu gì cả. Ông Vũ Chi Đồng người làng An Thái, cũng thích chơi đàn Nguyệt, trước học điệu Trung Hoa, biết đủ các tiếng, các bậc, rồi gảy ra tiếng ta, và xen thêm các bài đàn đáy đàn nguyệt của ta, tiếng rần, tiếng mềm dịu dàng hợp nhau, bụng nghữ thế nào, tay gảy được thế ấy. Mới biết các thứ thanh âm, không thứ nào là không thông với nhau được." (bản dịch



Một tấm tranh cổ Việt Nam, không rõ từ thời nào, vẽ một phụ nữ Miền Bắc, hoặc Miền Trung (quần khăn), đang gảy một cây đàn nguyệt chỉ có hai dây.

của Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến, nhà xuất bản Trẻ 1989, trang 67).

Đoạn trích dẫn dài này đã cho ta biết rõ nguồn gốc và sự lưu hành của đàn Nguyệt thời Nguyễn Du. Cây đàn ấy đã xuất hiện trong bài "Long Thành Cẩm giả ca" làm năm 1813:

Long thành giai nhân
tính thị bất kỳ thanh
độc thiện Nguyễn cầm
cử thành chi nhân dĩ Cẩm danh

(Người đẹp Long thành
tính danh chẳng nhớ
nguyệt cầm nổi tiếng tài hoa
khắp thành đều gọi tên là Cẩm Nương)

bản dịch của Bùi Khánh Dân

Nguyễn Cẩm tức đàn Nguyệt. Bài thơ dài kể thân thế một người phụ nữ tài hoa mà thân phận gắn liền với lịch sử thăng trầm của cố đô Thăng Long (Hà Nội bây giờ). Người đẹp ấy cũng ảnh hưởng rất nhiều đến thi hứng của Nguyễn Du khi viết truyện Kiều, những câu như: "song nhân trừng trừng không tưởng tượng" sau vào truyện Kiều thành: "Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao" nhất là đoạn tả tiếng đàn.

Theo nhà nhạc học Trần Văn Khê, thì đàn Nguyệt, trong Nam gọi là đàn kim, vào thế kỷ 18 (tức thời Nguyễn Du) còn được gọi là đàn Song Vân. "Đàn này khác hơn đàn Nguyệt Yue chin của Trung Hoa, và đàn Nguyệt Việt Nam còn gọi là đàn Song Vân vào thế kỷ XVIII, đặc biệt ở chỗ hình dáng dễ thương với những trục lên dây nằm trên cao.

Đàn Nguyệt Việt Nam hơi giống với cây đàn chapey của Cam Bốt, đàn này với cổ cong, dài hơn và có những "phím", trong khi đàn Nguyệt Việt Nam, chỉ có 8 phím. (Bản dịch của Phạm Thế Mỹ, từ bản tiếng Anh của Trần Văn Khê đăng trên báo Asian Pacific Quartely (vol.III, No4, Spring 1972) - tập san Hải Triều Âm, tháng 2 - 3 - 4/1973).

Nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ đã có công phu ghi chú, đối chiếu về cây đàn Nguyệt rất tỷ mỉ. Ông trích từ trang 41 cuốn CẨM CA VIỆT NAM của Toàn Ánh: "Đàn Nguyệt hình mặt trăng, còn được gọi là Nguyệt cầm. Ông Thục Nhân đã nhầm cây đàn này với đàn cầm.

Đàn này thùng rộng tám tấc rưỡi, dày một tấc rưỡi hoàn toàn kín, cần dài 1 thước 7 tấc, 8 phím, 4 dây, 2 dây chập một như đàn Nhật. Người sử dụng đàn có tài chỉ cần 2 dây. Mỗi phím có thể có 4 âm thanh tùy theo tay rung mạnh hay yếu trên dây, nhờ đó đàn có những biến âm rất êm tai và quyến rũ."

Trong khi ông Tuấn Lý Huỳnh Khắc Dụng trong cuốn THÉÂTRE TRADITIONEL DU VIETNAM, trang 271 - 272 lại viết: "Đàn kim hay Nguyệt cầm: cần dài 70 phân làm bằng gỗ trắc, cắm vào cái thùng bằng cây ngô đồng, bào mỏng, hình tròn như mặt trăng, bề kính độ 40 phân, hai miếng tròn gắn liền với một miếng ván thiết mỏng bằng gỗ trắc, cuốn tròn lại. Đầu cần hơi bầu bầu. Dưới hai cây trục có miếng gỗ trắc hay gỗ, trên đầu con dơi uốn cong, cao 3 phân, rộng chừng ấy, có kẻ hai đường mương cách nhau 3 phân. Hai sợi dây tơ từ trục đàn chạy lên đường mương ấy xuống một miếng gỗ dài có xoi hai lỗ để xỏ dây dờn. Miếng gỗ này gắn cứng ở phía dưới, trên



mặt thùng. Dài theo cần dờn, có 7 phím tre, gắn cứng trên cây cần, phím đầu kế đầu dời, cao độ 3 phân rồi thấp, lần lần đến 2 phím chót, gắn trên mặt thùng cao độ 1 phân. Các phím cách nhau không đều. Khoảng trên hết là giọng Xư (trầm) dài chừng 5 phân, kế là giọng Xoang, dài gấp đôi, kế nữa là giọng Xê, rồi giọng Cống, hai khoảng này cách nhau chừng 3 phân, bằng nhau. Dưới Cống là Liu, 2 phím cách nhau trên dưới 5 phân. Dưới Liu là Ú (hay Xư bổng) 2 phím cách nhau 2 phân, cuối cùng là 2 giọng Xáng và Xê, mỗi khoảng chừng 1 phân. Tất cả có 8 khoảng như vậy, tạo những giọng: xư, xang, xê, cống, liu, ú (tức xư cao), xáng (tức xáng cao) rồi khoảng chót là xê (tức xê cao)..."

Đến đây thì diện mạo cây đàn Nguyệt đã khá rõ, và cũng khá... mờ. Như người đẹp nép dưới hoa. Thấy mái tóc tựa khối bay. Nét cầm như trăng mọc. Tôi đồ chừng cây đàn nguyệt thuở xưa với cây đàn nguyệt ngày nay có nhiều biến cải. Ngày nay có ông nhạc sĩ Tô Đông Hải tả: "Mặt thùng đàn có hình tròn như hình mặt trăng. Có lẽ vì thế mới có tên đàn Nguyệt? Đàn Nguyệt ở các tỉnh phía Nam còn có tên là đàn kim. Thùng đàn có đường kính từ 38 đến 40cm, dày không quá 8cm. Phía gần cuối thùng đàn có gắn một cái thứ vừa là ngựa đàn, vừa là chỗ mắc dây. Trong cấu tạo đàn Nguyệt, có thùng hoàn toàn được gắn kín, không có lỗ thoát âm. Cần đàn làm bằng gỗ cứng, dài từ 85 đến 90cm, trên có gắn từ 8 đến 10 phím cao và cách nhau không đều. Đàn Nguyệt có 2 dây xe bằng tơ (nay thay bằng dây nylon). Không có tài liệu nào khẳng định thời gian ra đời của đàn nguyệt, song đó là cây đàn không thể thiếu được trong dàn bát âm cổ.

"Kỹ thuật sử dụng đàn Nguyệt khá phong phú: tay phải có ngón "phi" (phi xuống và phi lên), vè, gõ, bịt; tay trái có "ngón" rung, nhấn, lướt lấy, lấy rền, giạt, vuốt... Nguyệt khi đệm cho ngâm thơ hoặc chơi trong dàn nhạc thính phòng, dàn nhạc chèo, thường đánh chậm, dùng nhiều kỹ thuật lướt lấy" (trích trong Văn Hóa Việt Nam tổng hợp, trang 302).

Trong các trích dẫn trên, chỉ có Toàn Ánh là tả đàn Nguyệt có 4 dây, nhưng chập thành hai, giống như đàn Nguyệt Gekkin của Nhật. Ông nhấn mạnh điểm người gảy đàn giỏi chỉ cần 2 dây. Chi tiết này khiến ta có thể đoán rằng đàn Nguyệt xưa từng có 4 dây, sau canh cải (sai, hoặc giản lược đi) còn lại 2 dây như hiện nay. Tôi không biết

gì về nhạc, và nhạc cụ. Chỉ nhân câu hỏi văn chương của Đạm Thạch mà thử tìm cách giải thích hiện tượng "bốn dây, nhỏ máu năm đầu ngón tay" của Thúy Kiều, vốn rất có thể là cây đàn Nguyệt như Hồ Hữu Tường xác định. Sự sùng bái và giải thích này rất chủ quan và giới hạn, vậy mong được rộng đường dư luận cùng bạn đọc xa gần.

P hần hai của bài này xin bàn về câu: Bất tri tam bách dư niên hậu Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như (Ba trăm năm nữa có còn Ai trong thiên hạ khóc lòng Nguyễn Du)

Cũng trong Khởi Hành số 21, tác giả Trần Trọng San đã ghi chú thân thế và câu chuyện nàng Tiểu Thanh cuối triều Minh dưới cái tựa đề: "Nguyễn Du và Truyện nàng Tiểu Thanh".

Khởi đầu trong cuốn Truyện cụ Nguyễn Du do Lê Thước và Phan Sĩ Bằng soạn năm 1924, đưa ra 2 câu thơ trên, dựa theo người cháu đời thứ 10 của Nguyễn Du là Nguyễn Mai, bảo đó là lời khẩu chiếm của Nguyễn Du khi sắp mất. Đến năm 1943, Đào Duy Anh mới phát hiện bài Độc Tiểu Thanh Ký, trong THANH HIÊN THI TẬP của Nguyễn Du. Hiện nay, hầu hết thơ chữ Hán của Nguyễn Du đã được sưu tập, dịch, và công bố. Nhờ những công trình này ta mới thấy tác giả Truyện Kiều có mối cảm đặc biệt đối với cuộc đời những phụ nữ tài sắc, nhưng truân chuyên, bạc mệnh. Nguyễn Du từng làm thơ "Điếu La Thành ca giả"; ghi lại mối cảm xúc khi gặp lại người yêu cũ của anh mình "ngộ gia đệ cự ca cơ".

Trong bài "Điếu La Thành ca giả" có câu:

Thiên hạ hà nhân liên bạc mệnh
Trùng trung ưng tự hối phù sinh

Bài "Ngộ gia đệ cự ca cơ" có câu:
Phúc bốn dĩ hĩ nan thu thủy
Đoạn ngẫu thương tai vị tuyệt ti

Toàn là những rung cảm chí tình, mà sau này ông đem hết vào Kiều. Đặc biệt bài "Long Thành cẩm giả ca" làm năm 1813 trong Bắc Hành Tập Lục, Nguyễn Du đã viết lời dẫn tỉ mỉ về người danh ca đất Thăng Long, "một thời để yêu và một thời để chết".

Vậy từ nàng Tiểu Thanh xa lạ mấy trăm năm trước, đến nàng Cẩm thân quen hơn 20 năm nay, Nguyễn Du đã nhìn thấy cái "cổ kim hậu sự thiên nan vấn" nên ông đã "phong vận kỳ oan ngã tự cư". Tự cư chính là thái độ dấn thân, một chọn lựa oai hùng của thi sĩ.

Mặc dầu trong đời, Nguyễn Du không được tự cư nơi ông mong muốn, nhưng ông đã tự cư nơi văn chương, tự cư chốn kỳ oan phong vận. Do thế, khi lâm bệnh, người nhà sờ chân tay báo cho biết đã lạnh cả; Ông chỉ khẽ nói "được" rồi ra đi. Cái câu hỏi "ba trăm năm" kia đâu cần gì lời đáp. Và những người đẹp xa xưa hay hiện thực, có hẳn đã hoàn toàn có quạnh, xót xa?

Trong cảnh ngoài sông khói tỏa, và "bạch vân thiên tải không du du" tự nghìn xưa đến nghìn sau, có lẽ sẽ mãi là tâm cảnh, và tâm ảnh của kiếp người? Phải chăng đấy, cũng chính là dư cảm?

Bảo của Nguyễn Du hay của chính Thúy Kiều? ■

San Jose 26.7.1998

NỮ TRÍ VÀ VĂN HỌC

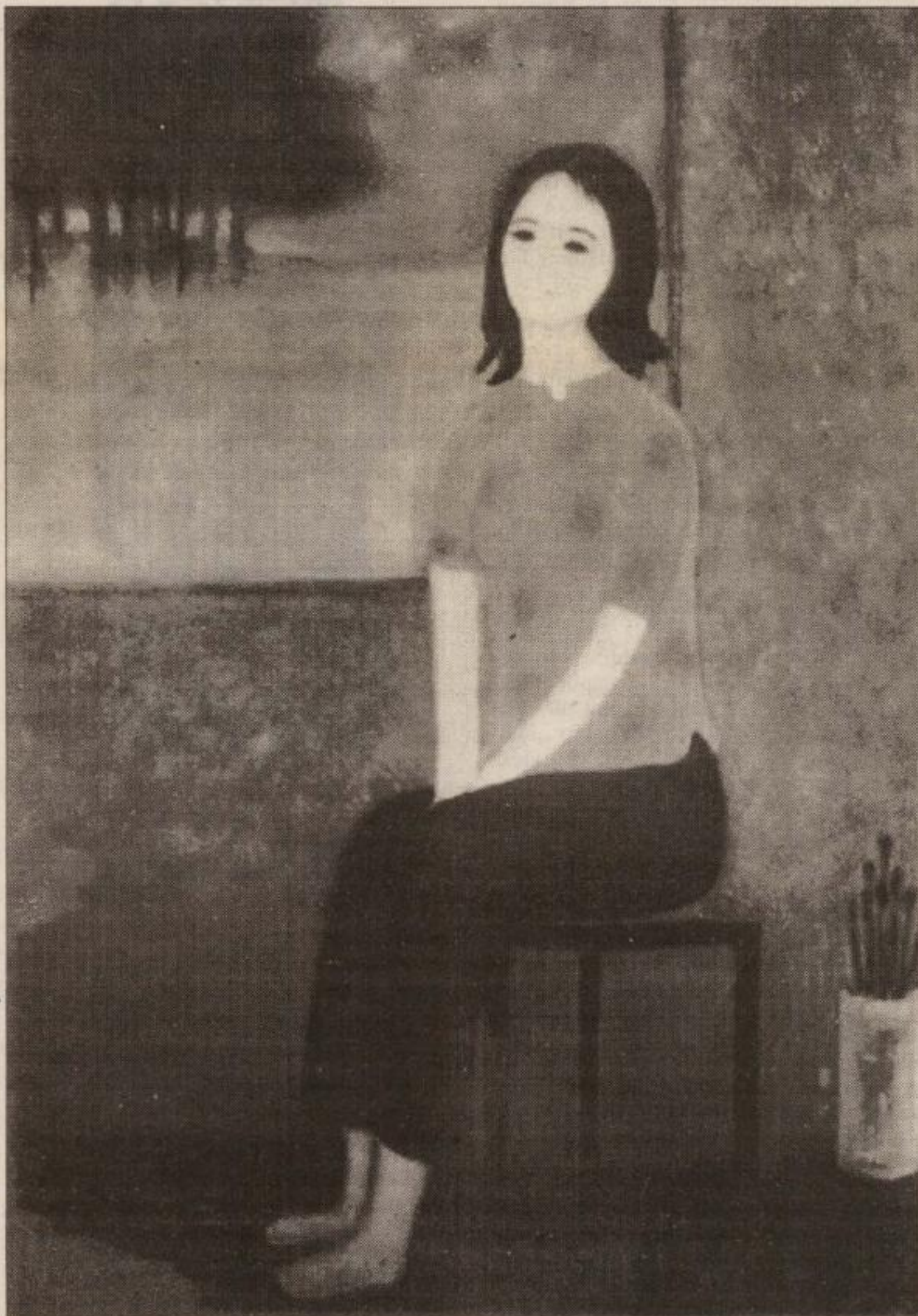
NGUYỄN TÀ CÚC

*người nữ trong và
trước văn chương
từ vòng tay học trò
đến bộ xương cá*

Cho đến nay không ai có thể nghi ngờ về sức sống và tài năng dân Việt, một dân tộc không những ngăn được, mà còn đánh đại bại những đoàn quân thiện chiến từ Trung Hoa, Mông Cổ từng gieo kinh hoàng cho nhiều nước; thì dân tộc ấy chắc chắn phải là một dân tộc mưu lược. Vậy mà cho đến nay, Việt Nam là một quốc gia thuộc hàng kém phát triển nhất thế giới. Tình trạng ấy, nhiều người giải thích bằng những cuộc chiến dai dẳng trong suốt lịch sử ta. Nhưng Việt Nam không phải là quốc gia duy nhất bị tàn phá nặng nề bởi chiến tranh. Sự kém phát triển chung còn có gốc rễ ở sự lạc hậu của nền nếp suy nghĩ, gây ảnh hưởng nặng nề cho xã hội, nhất là cho thành phần quan trọng của dân Việt: phụ nữ. Nhưng phụ nữ là giới chịu hậu quả hay là một thứ nguyên nhân mà chính họ cũng không biết?

Một dân tộc không thể mạnh mẽ nếu người dân không có trình độ cao, nếu dân trí thấp, điều ấy ai cũng biết. Ta hãy nhìn gần hơn: Một nửa dân trí ấy là nữ trí. Phần nữ trí ấy vô cùng quan trọng vì phụ nữ hầu như giữ toàn quyền trong việc quán xuyến gia đình và bởi thế dậy dỗ trẻ em bằng quan niệm cũng như cách hành xử của họ. Lớp trẻ em này khi trưởng thành sẽ mang những ý niệm rất căn bản ấy góp vào kiến thức học hỏi tại trường, ngoài đời, tạo nên một lớp dân trí mới. Như thế không thể bàn về dân trí mà bỏ qua phần rất lớn tạo thành dân trí là nữ trí.

1- Nhà văn là những người nhận ra điều đó đầu tiên. Nhất là những nhà văn có khuynh hướng cải tổ xã hội. Và không ngạc nhiên chút nào khi những nhà văn này thuộc nam giới. Điều này xem ra nghịch lý nhưng hiện tượng đó chứng nhận cái kết luận mà chúng ta vẫn nghi ngờ, rằng cho tới nay, phụ nữ Việt nói chung vẫn chưa có tiếng nói rõ ràng và mạnh mẽ về vấn đề này giản dị là vì họ lưu tâm nhiều hơn đến những vấn đề cấp bách đang xảy ra hoặc quan trọng hơn, họ vẫn chờ đợi như họ đã được dậy dỗ để chờ đợi- một sự thay đổi không bắt nguồn từ họ. Tuy tư tưởng lệ thuộc cha, chồng và con trai không còn nữa, đa số phụ nữ Việt vẫn không tin rằng họ lại có thể sửa đổi xã hội một cách tích cực bằng sự phát biểu, dẫn thân trong những



TRANH THÁI TUẤN

lãnh vực xưa nay vốn là chỗ sinh hoạt của dân ông như văn chương hay chính trị. Sự tri tri này không đâu rõ hơn trong những hoạt động văn hóa là nơi mà dân trí thể hiện nhiều nhất.

Hãy tạm bỏ qua Hồ Xuân Hương và Đoàn Thị Điểm. Chỉ cần nhìn lại thời kỳ văn học gần đây nhất cũng thấy đã không có tiến bộ chung nào đáng kể.

Trong khoảng một trăm năm trở lại đây, không có tờ báo nào của phụ nữ có được ảnh hưởng như tờ Phụ Nữ Tân Văn do bà Nguyễn Đức Nhuận - nữ danh Cao thị Khanh, sinh năm 1900 tại Gò Công, là con của đại diện chủ Cao Văn Nhiêu - làm chủ nhân sáng lập (chủ nhiệm là ông Nguyễn Đức Nhuận, tòa soạn đặt tại số 42 đường Catinat, Sài Gòn). Tờ Phụ Nữ Tân Văn số 1 phát hành ngày 2 tháng năm, 1929 và đóng cửa đầu năm 1935, quy tụ trước sau nhiều nhà văn nổi tiếng thời bấy giờ như Hồ Biểu Chánh, Phan Khôi, Đào Trinh Nhất, những người có tiếng cấp tiến hay có thành tích hoạt động xã hội như bà Đàm Phương, cô Mạnh Mạnh Nguyễn Thị Kiêm, bà Nguyễn Thị Chính (vợ Tạ Thu Thâu), Phan Thị Nga, bà Cao Ngọc Môn, luật sư Phan Văn Trường hay các nhà báo như Diệp Văn Kỳ (chủ tờ Đông Pháp Thời Báo và Thần Chung)...

Đứng với lời kêu gọi trong "Lời Tâm Huyết Cùng Chị Em Đồng Bào", tờ Phụ Nữ Tân Văn ngoài những bài xã luận bàn đến các vấn đề phụ nữ như sự kiểm soát sinh đẻ, bạo hành trong gia đình, tục đa thê, đàn bà tự tử hay can án giết chồng vì bị hiếp chế, cổ vũ cho sự tự do luyện ái hay kết hôn... còn có những cuộc thảo luận văn học về Truyện Kiều, về Nho Giáo, về Thơ Mới... giữa những người chủ trương với độc giả, với những nhà cầm bút khác như Trần Trọng Kim, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, và những nhà cách mạng như Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng. Đáng chú ý hơn nữa là những bản tin chính trị như hai bài tường thuật về việc bắt giữ Nguyễn Thái Học và phiên tòa xử án đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Trên tờ Phụ Nữ Tân Văn, người đi tiên phong về những vấn đề này là Phan Khôi. Hơn mười bài viết phân ra nhiều vấn đề khác nhau. Cách đây hơn sáu mươi năm, ông đã phá sự giam hãm phụ nữ vào những thành trì mệnh danh Nho giáo. Phụ Nữ Tân Văn đóng góp rất nhiều vào việc dùng tờ báo như một phương tiện để vận động mọi người nhất là nữ giới - tham dự trực tiếp vào các hoạt động văn hóa hay xã hội.

2- Sau khi tờ Phụ Nữ Tân Văn đóng cửa và tiếp đến cuộc chiến kháng Pháp bùng ra, hầu như mọi nhà văn đều tham dự kháng Pháp. Các hoạt động của phụ nữ thời kỳ này hoặc là chuyên về văn chương hoặc phát chấn cứu tế. Những toan tính cải cách rộng lớn coi như đình chỉ. Điển hình của những cố gắng trong giai đoạn biến loạn này là hội Phụ Nữ Tương Tế và trường Việt Nữ do bà Trùng Quang đảm đương. Từ 1954, khi Việt nam bị cắt làm đôi, nhà nhà miền Bắc đều im tiếng. Tiếng nói phụ nữ vốn đã nhỏ nay hầu như im bật. Thay cho những nhà văn nhà thơ là một loạt phụ nữ đặt căn bản của sự tranh đấu nhắm tới sự giải phóng phụ nữ bằng cách áp dụng lý thuyết cộng sản để giải quyết mọi vấn đề, cả những vấn đề tư riêng như hôn nhân. Kết quả bị thẩm sẽ được thấy rõ ràng chỉ vài mươi năm sau.

Miền Nam nơi Phụ Nữ Tân Văn xuất bản - trở thành miền đất văn học mới. Nếu trước đó có Nhược Tống, Nhất Linh, Hoàng Đạo, Khái Hưng, Thế Lữ... thì bây giờ có Vũ Khắc Khoan, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Mạnh Côn, Võ Phiến, Mai Thảo... Về thơ, sự có mặt của những người thơ mới như Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Viên Linh, Nguyễn Đức Sơn... là sự xác nhận rằng thi ca Việt Nam không đứng lại ở những Xuân Diệu, Huy Cận. Nhưng nền văn học này đánh dấu sự chuyển tiếp từ một thời kỳ văn học này sang một thời kỳ văn học khác không kém rực rỡ, về phía những người cầm bút phụ nữ đã không thấy có những tác giả mà tác phẩm thể hiện các ý thức thời thế, ý thức chỗ đứng, ngoài những tác phẩm dương danh tình dục.



Người nữ.

Ảnh hưởng của Phụ Nữ Tân Văn biến mất gần như hoàn toàn. Những nhà văn nữ tuy được sự ủng hộ triệt để của nam giới và văn giới vẫn chỉ đạt những kết quả tương đối khiêm nhường. Sau một thời gian thử thách, sự tương đối khiêm nhường ấy càng tỏ rõ. Người ta có cảm tưởng rằng, khác với người cầm bút đàn ông, họ vẫn còn đứng ở trong thời kỳ trải nghiệm tài năng và đa số bởi thế loay hoay trong sự tìm kiếm một hướng đi riêng. Những nhà văn phái nữ xuất hiện tại miền Nam từ 1954 tới 1975 cũng không phải là những người hoạt động tích cực ở các lĩnh vực nào khác ngoài văn chương. Do đó, họ chỉ mới có thể ghi nhận những biến cố của xã hội mà chưa dẫn

thân. Thí dụ các nhân vật nữ đương thời của Thụy Vũ. Một lý do cần nhắc đến là chính vì còn đang trong thời kỳ trải nghiệm tài năng như đã nói trên, có người dễ dàng nhận ảnh hưởng từ những phong trào văn chương ngoại quốc không có giá trị trường cửu hay quen thuộc với đại chúng. Thí dụ điển hình là cuốn "VÒNG TAY HỌC TRÒ" của Nguyễn Thị Hoàng viết về mối tình "trái cấm" giữa một cô giáo và một cậu học sinh ở một tỉnh nhỏ. Thay vì làm cho độc giả suy nghĩ về những hàng rào luân lý muôn thủa ở mọi nơi, nhất là tại Việt Nam, tác giả chỉ gợi đến những phóng đảng kiểu Françoise Sagan.

Một số khác, không tránh được bản tính tầm mún vẫn bị gán cho phụ nữ, đã làm độc giả hết sức thất vọng vì dùng ngòi bút vào những mục đích hết sức tư riêng. Điển hình là cuốn "TÔI NHÌN TÔI TRÊN VÁCH" mà Túy Hồng viết đầu của tai nheo về cuộc sống vợ chồng với nhà văn Thanh Nam. Hay một truyện ngắn của một nhà văn đàn bà khác, gọi tình nhân của chồng nôm na là "con đi ngựa". Cái ý niệm "thân con

gái" xuất xứ từ ý niệm cổ lậu thua thiệt, yếu đuối "Thân em như hạt mưa rào. Hạt sa dáy giếng, hạt vào vườn hoa" đã nhồi nhét vào bao nhiêu thế hệ phụ nữ Việt nay được thi hóa ngay trong thế kỷ chúng ta sống. Ngược lại, không có nhà thơ đàn ông nào van vỉ một cách tương tự. Xét trong thơ đàn ông, "thân làm trai" là vùng vẫy, ngang dọc "Làm cho rõ tu mi nam tử. Trong vũ trụ đã dành phận sự. Phải có danh mà đối với núi sông..." (Nguyễn Công Trứ, Chí Nam Nhi). Còn không, trong thơ Tô Thùy Yên, Quách Thoại, Thanh Tâm Tuyền... thân phận nhắc đến là thân phận chung của con người hay của nhà thơ, của thi ca. Nghĩa là vượt ra hoàn toàn cái tư tưởng than thân trách phận hay phó mặc cho duyên số một cách thụ động, an phận.

3- Sau 1975, một loạt nhà văn phụ nữ khác trưởng thành ở ngoại quốc. Học hành cao hơn, có tự do, môi trường để so sánh, thẩm thấu nhiều khuynh hướng dị biệt, nhưng văn học hải ngoại vẫn còn rớt lại những suy nghĩ vô cùng tối tăm. Hãy lấy thí dụ bà Trần Mộng Tú, một người được coi là nhà thơ, nhà văn từng có bài thường xuyên trên những tạp chí văn học như Văn, Thế Kỷ 21, Văn Học... Năm 1994, bà Trần Mộng Tú cho xuất bản một tác phẩm có những câu như sau:

"...Lúc ngồi vào bàn ăn, nàng hãy còn thờ thần, đĩa cá rán trước mặt nhắc nàng nhớ là nếu nàng không gỡ hết xương ra thì chồng con chẳng ai đụng đũa... Con gái của nàng đã hỏi mẹ:

— "Thế bao giờ con có chồng thì con cũng chỉ ăn phần xương giống mẹ hả?" Nàng cười:

— "Ừ nhưng mà lâu lắm con mới lấy chồng đừng có lo vội..." (Câu Chuyện của Lá Phong, Trần Mộng Tú, trg. 14-15, nhà xb. Thế Kỷ, Hoa Kỳ 1994) "...Nàng bỗng thấy cay cay trong mắt, nàng kêu thầm trong đầu: Thượng Đế ơi, xin giúp cho con giữ gìn viên

ngọc này đến khi có chủ..." (Trang 19, sdd) — "...con hãy nhớ kỹ điều này, chỉ ngủ với người con gọi là chồng, đừng đại dốt ngủ với người yêu. Vì con ngủ với chồng thì chồng vẫn yêu con chứ con ngủ với người yêu chưa phải là chồng, con có thể sẽ đánh mất đi tình yêu đó..." (trang 20, sdd).

Cùng một vấn đề, Phan Khôi viết cách đây hơn sáu mươi năm: "...Đàn ông không phải giữ trinh mà đàn bà phải giữ trinh chẳng qua là vì có sự khác nhau về sinh lý đó thôi, nghĩa là đàn ông không có mà đàn bà có chứa nhén sanh đẻ vậy...Mình vì cái ý chí cái phẩm giá của mình mà giữ trinh chứ không phải vì ai- cũng không phải vì chồng nữa- mà giữ trinh. Nói cho cùng tội cái nghĩa chữ trinh, thì người đàn bà cũng có khi được phép cự tuyệt cái sự tiết áp bất chánh của chồng mình nữa..." (13 NĂM TRANH LUẬN VĂN HỌC- Chữ Trinh Cái Tiết và Cái Nết, Phan Khôi, trg. 463-464, nhà xb Văn Học, 1995, Việt Nam).

Nghĩa là sắp bước qua thế kỷ XXI, bà Trần Mộng Tú vẫn còn "vấn" vào truyện những hòn đá nặng chình chịch những điều bất công như người phụ nữ chỉ đợi để có người làm "chủ" và cũng như những kẻ nô lệ, đàn bà phải "giữ" cho đàn ông những thứ lẽ ra thuộc về họ như phần thể xác (cái trinh) và còn phải gánh chịu hình phạt tinh thần nếu họ không giữ được.

Đáng lưu tâm hơn, không phải chỉ có mỗi một bà Trần Mộng Tú. Hai người viết phái nam, ông Nguyễn Xuân Hoàng và ông Bùi Vĩnh Phúc giới thiệu cuốn này hết sức trịnh trọng mà không hề thấy nhắc nhỡ gì đến truyện ngắn có những câu khả nghi trên. Thậm chí, ông Bùi Vĩnh Phúc, một nhà phê bình còn trẻ, còn tán dương bằng cách đặt cho chương viết về bà Trần Mộng Tú trong một quyển phê bình văn chương là "Người Nữ và Trái Tim Đông Phương Trong Thế Giới của Trần Mộng Tú". Nếu các ông này không xác định về điều mà các ông gọi là "Đông phương" và "cội nguồn con người" rồi "quê hương dân tộc" có lẽ người ta có thể bỏ qua được. Người (vô tình hay cố ý) có những sáng tác nói lên tình cảnh oan trái của phụ nữ một cách mạnh mẽ và hàm chứa lòng trắc ẩn lại là một nhà thơ từng bị kết án làm thơ "dâm tình" vì chữ nghĩa sử dụng có khi sống sượng, tuồn tuột đi thẳng vào đề: ông Đỗ Kh.

Trong vài bài thơ, ông Đỗ Kh. viết về một cô bé làm gái điếm hay những tục lệ man rợ nhắm đến sự kiểm soát hay hạn chế khả năng hưởng thụ tình dục của phụ nữ.

4- Cho đến nay nhà văn có cái nhìn cấp tiến và đủ sức diễn đạt ý mình qua những nhân vật nữ (cũng) là một nhà văn đàn ông, lại còn ở trong nước: Nguyễn Huy Thiệp. Tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp bao giờ cũng có những nhân vật nữ thông minh, vị tha mà Hoàng Ngọc Hiến đặt là "thiên tính nữ", là "điểm tựa quan trọng của Nguyễn Huy Thiệp". Không phải là một sự tình cờ mà đa số những nhân vật đàn bà này lại đều tốt lành, có khi lỗi lạc như Nguyễn Thị Lộ...Cung cách Nguyễn Huy Thiệp đàn trải, phớt lờ vào các nhân vật nữ có thể lấy từ một truyện ngắn có tựa "Những Bài Học Nông Thôn". Nhân vật kể chuyện là một cậu bé mười bảy tuổi, về thăm quê người bạn đồng song có người chị dâu trẻ sống xa chồng, có cảnh già gạo đêm khuya, những đụng chạm tình cờ giữa người đàn bà và cậu bé mới lớn. Những

người đàn ông chung quanh phần lớn không ra gì. Chỉ có một ông giáo đáng phải sống nhưng chết rất dữ. "Những Bài Học Nông Thôn" là tiền thân của chuyện phim "THƯƠNG NHỚ ĐỒNG QUÊ", đã đoạt giải nhất tại Đại Hội Điện Ảnh Quốc Tế Newport Beach, tổ chức tại Newport Beach, California, tháng 4 năm 1997.

Nguyễn Huy Thiệp viết đối thoại, và phân cảnh cùng đạo diễn Đặng Nhật Minh. Nhân vật chính cũng là một cậu bé tên Nhâm 17 tuổi, sống ở thôn quê, vây quanh bởi năm nhân vật nữ: mẹ, một cô em bé út, một chị dâu góa bụa làm lưng chỉ mong đủ tiền vào thăm mộ chồng là bộ đội sinh Bắc tử Nam, một chị dâu kế trẻ hơn bị người anh thứ hai của Nhâm bỏ rơi, một cô chị họ là Việt Kiều về thăm... Lớn vồn chung quanh là những nhân vật nam tồi tệ, cũng có những người đàn ông hưởng dục, cũng có đám bất lương rình gài quẻ ở những bến xe hàng hay say sưa gây tai nạn. Có mỗi một ông giáo lương thiện, trí thức thì không đủ để thay đổi sửa chữa tình huống dân quê quen chịu đựng và dễ bị dụ dỗ bởi nền văn minh giả hiệu của thành phố. Người xem còn lại trong trí nhớ cảnh nhà quanh quẻ vắng đàn ông khi cậu bé Nhâm lên đường nhập ngũ và những người đàn bà ở lại lặng lẽ làm việc, lặng lẽ chịu đựng.

Hình ảnh người đàn bà bị thua thiệt, làm việc quần quật, bị bỏ rơi, cũng là hình ảnh người dân Việt nhất là dân quê- bị lợi dụng, lừa đảo bởi "dân thành phố và bọn có học" lìa xa nhân dân. Nhưng người đàn bà trong tác phẩm Nguyễn Huy Thiệp vẫn lộ sự thông minh và cách suy nghĩ độc lập của họ. Họ vẫn nhìn thấu sự giả trá, thấp hèn của những người đàn ông không xứng đáng:

"...Giận đời, lại muốn chuộc tội, ông Hai Chép lấy dao cắt phăng hai hòn dái của mình vứt xuống sông. Vợ nó cũng chẳng quay lại. Mẹ Lâm bảo "Đàn bà thế là bạc". Bà Lâm bảo "Bạc gì? Có hai hòn dái là của quý thì mất rồi còn đâu?"...

(TÁC PHẨM VÀ DƯ LUẬN- Những Bài Học Nông Thôn, Nguyễn Huy Thiệp, Tạp chí Sông Hương- Nhà xuất bản Trẻ xb, VN, 1989. Hồng Linh tái bản, Hoa Kỳ, 1991, trang 51)

"...Bà Lâm bảo: Ăn đi con ạ. Đàn ông nó chẳng thương mình đâu. Rượu thì nó ngồi mâm trên. Ngủ thì nó đè lên mình..."(sdd, trang 52).

"...sao đàn bà cứ phải lấy chồng?..."(trang 57, sdd).

"...Ông Miêu bảo "Dòng hào kiệt ở nước mình cứ cạn dần vì mỹ nhân toàn rơi vào tay bọn Sở Khanh với Khuyển, Ưng cả. Tiếc lắm thay..."(trg.68, sdd).

Nguyễn Huy Thiệp cũng đã động tới cái dân trí còn kém cỏi là mối ngon của những kẻ làm chính trị mà không cao thượng và là nguồn gốc của sự yếu kém của dân quê:

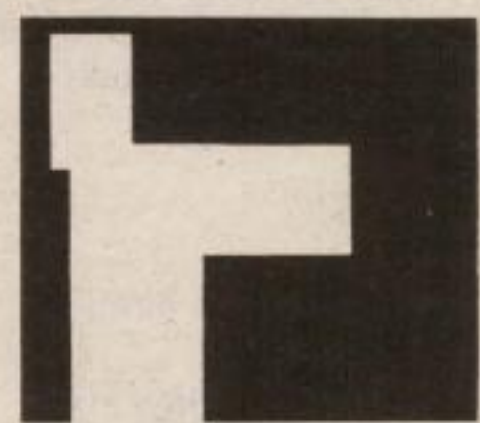
"...Dân chúng nhẹ dạ nông nổi cũng như thế đấy...Họ cần hiểu rằng phải cầu một thứ cao hơn thế nữa, đấy là giá trị chân chính cho toàn bộ cuộc sống của mình, quyền được tự mình định đoạt cuộc sống, tóm lại là tự do..."(sdd, trang 65).

Sở với cái nhìn hết sức sâu xa trên là những quan niệm cũ rích, sai lầm lại còn được kèn trống linh đình, thì thục dương danh như giá trị của một dân tộc:

"...Tôi đặc biệt yêu thích những thông điệp trong các truyện ngắn của Trần Mộng Tú. Nó trả ta lại với cội nguồn của con người, đưa ta trở lại với quê hương và dân tộc..." (Nguyễn xuân Hoàng, Lời Tựa, Câu

LỜI TÁC GIẢ

NGUYỄN TÀ CÚC sưu tầm



NGUYỄN HIẾN LÊ
NGHỀ VIẾT VĂN

... Người ta bảo tài hoa thường mệnh bạc; nhưng tôi nghĩ không phải người ta mệnh bạc vì tài hoa mà chỉ bởi quá dùng tài của mình nên chết yếu.

Tôi không bạo miệng mà nói như Proudhon rằng nghề viết văn là nghề ghê sợ nhất; nhưng nghe John Burroughs bảo nghề đó "làm cho đầu bạn thì nóng, chân bạn thì lạnh, và sự tiêu hóa các thức ăn phải ngưng trệ", thì cứ theo sự nhận xét riêng của tôi, tôi thấy Burroughs không nói ngoa: hai bạn văn thân của tôi đều đau gan, còn tôi sáu năm nay bị bệnh đau bao tử?

... Như vậy thì làm sao mà chẳng chóng già, chết yếu! Và kể đọc xong Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn mà bảo: Tinh thần tác giả trút hết vào trong khúc này, vậy không quá ba năm, y sẽ chết" đã quá là hiểu rõ cái số mệnh của nghệ sĩ...

Cái điều mệt trí nhất trong nghề là nhà văn phải chiến đấu suốt đời. Bạn là giáo sư, soạn bài trong năm đầu rồi những năm sau, nếu cũng vẫn dạy môn đó và lớp đó thì công việc nhẹ đi già nửa. Bạn là y sĩ thì sau mười năm kinh nghiệm, từ những trường hợp đặc biệt, bạn không cần phải suy nghĩ lung củng đoán ra được bệnh.

Nghề cầm bút thì khác hẳn. Mỗi tác phẩm là một công trình mới, phải tìm tòi, trầm tư, sắp ý, lựa tiếng, sửa câu... Mà nếu nhờ quen nghề, bạn viết được dễ dàng hơn thì lại phải tự chống với sự dễ dàng ấy. Luôn luôn bạn phải tìm cách viết hơn người khác và hơn những tác phẩm trước của bạn. Bạn phải chiến đấu với người và với mình, không thể để cho cây bút của bạn "xướng" luôn trong vài ba năm vì một khi nó đã xướng thì tất nhiên bạn bị độc giả thờ ơ, có khi còn cay nghiệt mỉa mai là khác nữa.

Đời một đào hát, khi về già, chua xót ra sao thì đời một nhà văn khi bị quên tên cũng nào nuốt như vậy. Đó là số phận chung của nghệ sĩ.■

(Nghề viết văn, 9.1955)

VƯƠNG ĐỨC LÊ

MƯA DẦM THẮNG BẦY

Gạo châu củi quế chợ buồn hiu
Ngõ hẹp đường trơn quanh xóm nghèo
Tháng bảy mưa dầm ai cúng quải
Cô hồn húp cháo lá đa thiêu.

CỬA TƯ RIÊNG

Cửa nả trần gian chẳng bỏ bèn
Ta về tính lại cửa tư riêng
Giật mình bỗng thấy con ngời khóc
Biết đến bao giờ Bụt hiện lên.

CÁI CHẾT

Chết ư? Khép kín một chu trình
Sinh hóa không ngoài lẽ hóa sinh.
Tiếng khóc ôm đầu ai thét đó?
Ai lần chuỗi hạt niệm chân kinh?

QUA CỬA VĨNH HẰNG

Người bước lần qua cửa vĩnh hằng
Thoát hồn bỏ lại xác trần gian
Hỏi thăm văn cuộc trăm năm ấy
Cháo lú ăn rồi nhớ được chăng?



KHOA HỌC

Khoa học loài người đã tiến cao
Phi thuyền kia định hướng phương nào?
Lực ly tâm ấy không dùng được
Nhân loại mai này biết tính sao?

ĐỊA CẦU

Bao triệu năm qua trái địa cầu
Còn xanh hay đã chín từ lâu?
Hạch tâm tỏa ngát hương Thần Chết
Nhân loại lần vào đáy huyết sâu!

tuổi, tiếc thay khi dãi các tân khoa, chúa Mạc Kính Cung khám phá ra cô Trạng nguyên, nhưng tha tội bằng cách... nạp cung làm nữ phi, tức là Tinh Phi (Sao Bay). Nhưng cũng may thay, chúa Mạc trọng tài, cho bà lập Văn Hội Chí Linh, một trong những Văn Hội đầu tiên của Việt Nam, trước các Thi Xã nhà Nguyễn gần 200 năm. Chính bà vào năm 1631 chấm cho ông Nguyễn Thọ Xuân đậu Tiến sĩ. Bà có soạn bộ GIA KỶ, và thừa tự tin để làm thơ ví mình với Bạc thi, vợ vua Hán Cao Tổ. (LỐI XUA XE NGỰA, Nguyễn Thị Chân Quỳnh, An Tiem xuất bản, trang 150).

Còn nói về nguồn gốc, tính khí của dân tộc thì dân tộc Việt khởi đi từ mẫu hệ. Người đàn bà cũng làm tướng, cũng ra trận (hai bà Trưng, bà Triệu). Khi Việt Nam bị Trung Hoa chiếm thì mới bắt đầu chịu ảnh hưởng nặng nề của Nho Giáo. Như Trương Tửu viết trong KINH THI VIỆT NAM để đả phá chính thể quân quyền, gia tộc phụ quyền của Nho Giáo qua Kinh Thi Trung Hoa do Khổng Tử san định:

"...cái công dụng tiêu cực của nó là tóa chiết nhân tính của đàn bà (một kẻ yếu), người dân (hai kẻ yếu) của con cái (ba kẻ yếu). Đó là ba yếu tố phần uất nhất trong xã hội quân quyền và phụ quyền nên thường bị luân lý nho giáo kiềm chế gay gắt nhất, (Trương Tửu, sdd, trg. 68).

Cứ nhìn qua những trò chơi của dân gian Việt Nam còn duy trì đến thời này như đánh đu hay nghệ thuật như hát quan họ thì đủ hiểu rằng cái câu đầu mỗi chót lười "nam nữ thụ thụ bất thân" đích thị là truyền từ Trung Hoa.

6- Như thế rõ ra phải biết phân biệt cái gì của ta, cái gì của người, cái gì hay, cái gì dở mà chọn lựa cho hợp với lương tâm và lẽ công bằng. Không có sự phân biệt và chọn lựa đứng đắn ấy, sẽ trở lại vòng luẩn quẩn là trói buộc con gái vào những kiểm tỏa hạ nhân cách họ rồi họ sẽ lại truyền những điều tai hại ấy cho thế hệ đi sau, cho cả con trai lẫn con gái. Ràng buộc đàn bà vào những việc nhỏ, dĩ nhiên họ sẽ kém thì giờ trau luyện khả năng để làm việc lớn. Người con trai lớn lên trong một gia đình mà chị, em gái và mẹ phải hầu hạ mình đương nhiên coi những điều đó là quyền của họ và khi có đôi lứa, ắt không tránh khỏi những tan nát hết sức tầm thường. Mà nếu không, cũng không thể khuyến khích hay hiểu được nhu cầu phát triển của người kia.

Khi nói đến văn hóa, văn minh, người cầm bút phải thận trọng hơn hết. Trái với những sáng tác đặt căn bản nhiều trên sự tưởng tượng, những sự mệnh danh hay dương danh văn hóa phải trung thực và đừng huê dạng vì người ta không thể nâng cao dân trí bằng những hình tượng mơ mơ màng màng thấp thoáng những ông Lưu Bị và Trương Phi. Người dân cần phải được chỉ cho biết những sai lầm, đồng thời gạt bỏ và thu nhập những cái hay, cái tốt đẹp chất lại từ những thế hệ trước. Nhà văn không có quyền đầu độc kẻ khác, dù vô tình, bằng những ngôn từ trống rỗng dùng rao hàng cho những ý tưởng cũng trống rỗng không kém.

Nữ trí và dân trí phải là cái bóng của văn học. Muốn bóng đứng cho thẳng, đi cho nhanh thì cái hình không thể xiêu đổ được. ■

Chuyện Cửa Lá Phong). Nếu quả thật những "thông điệp" kiểu cả nhà ngồi chồm chọc đợi người đàn bà sau khi nấu nướng xong lại còn phải "gỡ xương cá" cho ăn (nếu không làm sẵn thì...dối, không dùng dũa) và "giữ", đợi đến ngày một người đàn ông làm "chủ" mình...thì quả là con người trở về thời cổ lậu và về một xã hội vô cùng chậm tiến. Dĩ nhiên sự thực không phải như thế. Chế trách những người còn lưu truyền những tư tưởng sai lầm ấy sẽ không có một ích lợi nào.

Vấn đề ở đây là tại sao những người là nhà văn, là chủ nhiệm một tờ báo văn chương, là nhà phê bình, lại tương đối có học (ông Nguyễn làm giáo sư Trung Học ở Việt Nam, ông Bùi có bằng bên này, bà Trần cũng không phải người mù chữ) mà lại có tinh thần đó? Tinh thần đó không bắt nguồn từ sự coi rẻ phụ nữ nhưng người ta không thể chối sự có mặt của nó.

5- Trên phương diện văn chương, người cầm bút không thể phủ nhận rằng rồi ra họ sẽ phải đóng góp cho dân tộc của họ bằng tác phẩm dù họ có muốn hay không muốn. Và mọi tác phẩm sẽ đóng vai trò rất lớn trong việc nâng cao hay hạ thấp dân trí và nữ trí. Những thí dụ điển hình là Gia Huấn Ca của Nguyễn Trãi, loạt tiểu thuyết luận đề và những bài viết của nhóm Tự Lực Văn Đoàn, loạt bài xích khuyết điểm trong Nho Giáo của Phan Khôi, sự tranh luận về các khuynh hướng khác biệt trong thi ca, loạt sách "dạy làm người" của Nguyễn Hiến Lê... Mà dù không viết với chủ ý, không nhằm bênh vực cho một quan điểm nào nhất định, các tác phẩm hay, nổi tiếng đều làm một việc, là mở rộng cảm quan, kiến thức, nghĩa là bổ sung cho trí tuệ của người đọc.

Muốn như vậy, mà còn muốn nâng cao nữ trí thì cần hiểu rõ cho đến kỳ cùng những gì thực sự là Văn hóa phương Đông và Văn hóa, Nguồn gốc Dân tộc. Nếu không, những hủ tục để áp chế đàn bà, coi họ như một thứ công dân hạng nhì hay biến họ thành người làm mướn không công, che đậy dưới những tên gọi mỹ miều như "người vợ, người mẹ" sẽ tiếp tục được nuôi dưỡng, kể cả nuôi dưỡng một cách vô ý thức, qua văn chương.

Văn hóa phương Đông chịu ảnh hưởng nặng nề của Nho Giáo khởi xuất từ Trung Hoa. Nhưng cũng không nên quên rằng có những phụ nữ vượt thoát ra khỏi những ràng buộc do những ý tưởng quá khích xuất phát từ Nho Giáo, làm tẻ lậu hơn bởi dám hủ nho, để chứng minh rằng đàn bà cũng không khác gì đàn ông nếu có cùng cơ hội. Thời nhà hậu Hán, cách đây hơn hai ngàn năm, đã có một phụ nữ như vậy. Đó là bà Ban Chiêu. Ban Chiêu là con gái út của Ban Bưu và là em ruột của Ban Cố, Ban Châu. Ban Cố và Ban Châu là hai anh em song sinh nhưng Ban Cố chuyên văn mà Ban Châu chuyên võ. Cả Ban Bưu và Ban Cố đều là học giả trứ danh. Ban Chiêu, góa chồng lúc còn trẻ, sau trở thành nổi tiếng không kém gì cha và anh. Ban Chiêu viết tập "Khuyến Nữ Giới" trong đó khuyến khích việc học của phụ nữ, được vua Hán thời bấy giờ tuyển làm thầy dạy cho hoàng hậu và các phu nhân trong triều, thuyết giảng cho các quan đại thần nghe về thiên văn học, về toán. Khi Ban Cố còn sống, Ban Chiêu giúp ông soạn quyển Hán Thư. Không những thế, khi Ban Cố qua đời, Ban Chiêu hoàn tất công trình này cho anh mình.

Việt Nam vào giữa thế kỷ XVII từng có nữ Tiến sĩ Nguyễn Thị Du, nhờ cha cho cái nam trang đi học, vì thời ấy cấm con gái đi học, đi thi. Bà đậu Trạng nguyên năm 17

NGÀY CUỐI CÙNG QUÂN NGŨ

BÁ NGUYỄN

Đời

Khoảng đầu tháng 4-1975, Sư Đoàn 21 Bộ Binh được Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn IV điều động lên Cần Thơ. Trước đó Sư Đoàn đặt đại bản doanh tại tỉnh Chương Thiện bung toàn bộ lực lượng gồm có Trung đoàn 31, 32, 33 và Thiết đoàn 9 Ky Binh ngăn chặn mọi cuộc tấn công của quân Cộng Sản. Tình hình toàn quốc rất nghiêm trọng. Quân Đoàn II và Quân Đoàn I lần lượt phải rút bỏ. Mục đích của Quân Đoàn khi chuyển các cánh quân của SĐ 21 về bảo vệ thành phố Cần Thơ là nhằm tăng cường an ninh tuyệt đối cho Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn. Bộ đầu não chỉ huy toàn Quân Khu IV gồm 16 tỉnh. Với lại, nường theo cuộc tấn công toàn bộ của địch, riêng tại Quân Khu IV, địch sẽ dốc toàn lực đánh vào Cần Thơ.

Chuẩn Tướng Mạch Văn Trường, Tư lệnh Sư Đoàn 21 Bộ Binh đã nhận lệnh từ Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam, Tư Lệnh Quân Đoàn IV để bố trí lực lượng thực hiện kế hoạch vòng đai Alpha. Kế hoạch vòng đai Alpha có nghĩa thiết lập một vòng đai bao quanh thị xã Cần Thơ đi từ quận Cái Răng bọc qua Cầu Nhiễm Phong Điền lên tới Thới Lai Cờ Đỏ, những vùng mà địch có thể làm điểm xuất phát để tấn công. Ngoài các lực lượng của Sư Đoàn 21 Bộ Binh còn có thêm một Trung đoàn của Sư Đoàn 9 Bộ Binh bố trí ở quận Bình Minh sát phía bắc của thị xã để phòng địch cắt ngang Quốc Lộ 4 chặn đường tiếp viện của hai Sư Đoàn còn lại (SĐ 9 và SĐ 7). Bộ Chỉ Huy SĐ 21 đóng tại hậu cứ của Trung Đoàn 33 gần phi trường Trà Nóc, nơi đặt Bộ Tư Lệnh của Quân Đoàn IV Không Quân, chỉ cách Quân Đoàn khoảng 2 cây số.

Tình hình biến chuyển quá nhanh, cộng sản đang dồn lực lượng uy hiếp Long Khánh, thì tại Quân Đoàn IV, vào thời điểm này quân cộng sản cũng đã pháo kích vào phi trường Trà Nóc những trái đạn đầu tiên. Địch bị phản pháo trả đũa ngay và trực thăng võ trang của SĐ 4KQ đánh trả bằng rocket xuống các vị trí của địch. Tại các đơn vị vòng đai cũng đã đụng trận. Địch dò dẫm tấn kích, không đánh thủng được chỗ nào. Trận chiến dằng co, trong khi lực lượng phòng thủ rất hùng hậu, kỷ luật, bảo vệ lãnh thổ chắc chắn.

Đêm 27 rạng 28, địch tấn công cắt ngang quốc lộ 4 phía quận Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long nằm phía bắc của Cần Thơ, điểm chiến lược mà Quân Đoàn IV dự đoán sẽ xảy ra. Tại đây đã có một Trung Đoàn của SĐ 9 trấn giữ nhưng Tướng Hưng, Tư Lệnh Phó Quân Đoàn gọi Tướng Trường bốc Trung Đoàn 33 đổ vào giải tỏa cấp tốc, dọn sạch đoạn đường bị cắt ngang.



Đến khuya ngày 28 rạng 29, địch pháo kích mạnh vào thị xã Cần Thơ, lại đánh vào phi trường Rạch Sỏi ở Rạch Giá làm cháy kho xăng và kho đạn của Tiếp Vận 21. Tình hình đã gay cấn nhưng rõ ràng cả địch và ta đều muốn nghe ngóng tin tức ở Sài Gòn. Phía cộng sản biết nếu Sài Gòn thất thủ, Quân Đoàn IV khó mà tồn tại. Trong đêm 29 rạng sáng 30, các đơn vị trinh sát thuộc SĐ 21 vẫn tiếp tục lục soát, truy kích các vị trí đặc công đặt pháo của địch quanh phi trường. Tại hầm chỉ huy trung tâm hành quân SĐ 21, Tướng Trường, Đại tá Lâm Chánh Ngôn, Tham mưu trưởng đều có mặt. Tướng Trường không ngủ, ông thức suốt đêm theo dõi tình hình và liên lạc với các đơn vị.

Trong phạm vi trách nhiệm của Sư Đoàn cho đến lúc mọi người đều biết Sài Gòn sắp sửa mất, các đơn vị vẫn vững vàng hầu như toàn vẹn trên các vị trí chiến đấu của mình.

Khoảng 10 giờ 30 phút lệnh từ Chính Phủ Tổng Thống Dương Văn Minh kêu gọi các đơn vị phải buông súng chờ bàn giao tại chỗ. Từ vị Tư Lệnh cho đến các phòng ban đều nghe được thông cáo đó. Đồng thời cũng thông cáo đó tác động ngay vào các đơn vị đang chiến đấu. Có xôn xao, có lo sợ, có chán ngán, có phẫn nộ. Nhìn những chiếc máy truyền tin chỉ cách đây mấy tiếng đồng hồ còn nghe các đơn vị báo cáo, giờ chỉ còn là những tiếng số rè rè, im lặng đến tê tái.

Tướng Trường cho tập hợp Bộ Tham Mưu có: Đại tá Ngôn tham mưu trưởng, Trung tá Nhẫn chỉ huy Pháo Binh, Trung tá Nghiêm Chiến Tranh Chính Trị, Trung tá Thương Phòng nhì, Thiếu tá Chánh Phòng tư và tôi Trung Tâm Hành Quân. Có quý vị sĩ quan Phòng 3, Phòng 1, Phòng 6 và nhân viên đầy đủ của các Phòng Ban.

Tướng Trường nói đại ý:

- Như các anh em đã biết, lệnh từ Trung Ương kêu chúng ta phải buông súng đầu hàng. Vậy thì các anh em tự giải tán về với gia đình.

Đó là câu mở đầu. Rồi ông nói thêm:

- Chúng ta không ở đây nữa (phi trường Trà Nóc) mà di chuyển về Dinh Tiếp Tân.

Dinh Tiếp Tân là một dinh thự chỉ cách Quân Đoàn một con đường và bên hông dinh Tỉnh Trưởng. Thường bị bỏ trống. Sư Đoàn vẫn hay sử dụng đặt Bộ Chỉ Huy tiền phương khi có các cuộc hành quân diễn ra tại đây.

Tuy là nói giải tán nhưng mọi người đều lên xe về Dinh Tiếp Tân. Chúng tôi vào trong một cái lều bạt phía sau Dinh.

Tình hình thành phố im lặng, đã thấy cờ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam trên một vài nóc nhà và Đài Phát Thanh Cần Thơ có những giọng nói lạ kêu gọi buông súng và hát những bài hát của họ. Không thấy bộ đội cộng sản, chỉ thấy những người chạy xe Honda, xe lam có cấm cờ CS lao vun vút qua lại ngoài đường phố.

Khi hay tin chúng tôi về đây, vợ con gia đình của các binh sĩ ứa vào tìm kiếm thân nhân. Họ cũng kinh hoàng trước cuộc đổi dời của đất nước.

Khoảng nửa đêm 30 tháng 4 rạng ngày 1 tháng 5, bộ đội cộng sản bắt đầu tiến vào thành phố qua nhiều ngã. Súng AK đồng loạt bắn chỉ thiên đan thành một màn lửa đạn trong đêm tối tăm.

Từ tự nhiên đổ mưa vào buổi sáng sớm cho đến trưa ngày 1. Một trận mưa kỳ lạ, bất ngờ đổ ập xuống to lớn gào thét như khóc trên một thành phố đã có người ra đi. Chúng tôi cũng vừa biết tin Tướng Nam và Tướng Hưng đã tự sát. Tướng Lê Văn Hưng, Tư Lệnh Phó Quân Đoàn, nguyên là Tư Lệnh SĐ 21 BB rất được sự nể phục và kính mến của tất cả quân nhân mọi cấp về tài chỉ huy, đức độ và lòng dũng cảm của ông.

Cho đến buổi trưa, đường sá vẫn còn lầy lội, từ dưới bờ sông phía sau Dinh Tiếp Tân xuất hiện một cán bộ cộng sản. Dáng dấp to lớn, đầu đội nón tai bèo, mặc bộ đồ màu xanh bằng vải dù còn sũng nước đi ngang qua mặt chúng tôi. Có hai tên cận vệ cấp súng AK đi kèm ông ta vào thẳng trong Dinh. Rõ ràng ông ta là một cấp chỉ huy nào đó.

Tướng Trường đang ngồi trên ghế, vội bật dậy nói thật gọn:

- Mình về Sài Gòn gặp cấp cao hơn.

Chúng tôi rời khỏi Dinh, đi ngay vào giữa những dòng người mà tưởng chừng như mới bước chân đến thành phố này lần đầu. ■



Phạm Đình Chương nhận hoa nhân kỷ niệm 40 Năm Âm Nhạc, tổ chức tại Hoa Kỳ. Hình Phạm Thành cho mượn.

Nhạc sĩ Hoài Bắc Phạm Đình Chương ra đời tại Hà Nội vào năm 1929, trong một gia đình nghệ sĩ, học trường Bưởi, tản cư vào Thanh Hóa sau Toàn Quốc Kháng Chiến chống Pháp 1945. Sáng tác nhạc trước tuổi 20, ông là tác giả những ca khúc dân tộc như Tiếng Dân Chài, Ly Rượu Mừng, Hội Trùng Dương, hay những sâu khúc nhạc phổ thơ như Nửa Hồn Thương Đau, Mắt Biếc, Mộng Dưới Hoa, Người Đi Qua Đời Tôi... Tôi Hoa Kỳ được ít năm, Phạm Đình Chương từ trần tại Quận Cam, California vào ngày 13 tháng 7 năm Tân Mùi, nhằm ngày 22 tháng 8 năm 1991. Bài dưới đây của nhà bình bút Phan Lạc Phúc, hay Ký giả Lô Răng, một bạn học của nhạc sĩ từ Trường Bưởi, được viết ngay sau khi có tin buồn.

Chuông điện thoại réo lên trong đêm khuya. Một cú phone từ bên kia Thái Bình Dương, từ Mỹ báo tin: “Phạm Đình Chương đã mất rồi, Hoài Bắc không còn nữa”. Tôi đặt phone xuống mà thấy đêm khuya thêm vắng lặng mênh mông. Ở cái tuổi mình, trên 60, cái ranh giới tử sinh thật là mờ ảo, ở đấy rồi đi đấy, còn đấy mà mất đấy. Thành ra ít lâu nay, tôi cứ phải làm một con tính trừ thê thảm. Mấy năm trước mất Thanh Nam, rồi Vũ Khắc Khoan, bây giờ Phạm Đình Chương - Hoài Bắc. Già thì càng cần có bạn, mà bạn già thì càng ngày càng thưa thớt. Tôi đi cải tạo 10 năm, rồi sống nín thở trên 6 năm, vừa mới lặn ngòi ngời nước sang được đến đây thì bạn đã đi vào tịch mịch. Bạn ta Phạm Đình Chương đã đi thật rồi, một người viết ca khúc tâm cổ của Việt Nam đã mất, ngôi sao bản mệnh của Ban Hợp Ca Thăng Long đã tắt.

Tôi chơi với Phạm Đình Chương đã lâu, vào khoảng năm 1942-1943, hồi tụi tôi vừa mới lớn lên. “Khi mới lớn tuổi mười

lăm, mười bảy. Làm học trò mất sáng với môi tươi” (1). Tôi biết Chương trong ngày hội học sinh trường Bưởi, trong những buổi cắm trại ở chùa Trầm, chùa Thầy, Tây Phương Hoàng Xá (2). Ngày ấy, chúng tôi say mê hát “Quê nhà tôi chiều khi nắng êm đêm” (3), “Này thanh niên ơi, đứng lên đáp lời sông núi” (4) và Chương đã là một tay đàn giọng hát khá nổi của học sinh Hà Nội. Nhưng mà Chương có hai người anh nổi tiếng: “anh Phạm Đình Sĩ, một cây “kịch” và anh Phạm Đình Viêm, một cây “tenor”. Chương còn có một người chị trữ danh, chị Thái Hằng, hoa hậu “bất thành văn” của suốt một miền Bạch Mai - Phố Huế. Còn người em út của Chương, Thái Thanh thì lúc ấy Thái Thanh còn nhỏ, đang còn học tiểu học, còn là một nụ hoa. Phải đợi đến thập niên '50, bông hoa Thái Thanh mới bắt đầu rực rỡ và tiếng hát Thái Thanh mới được lên ngôi.

Hà Nội ngày ấy tuy được mệnh danh là Hà Thành hoa lệ hay là Hà Nội của ba mươi sáu phố phường nhưng thực chất nó là tỉnh nhỏ - người ta biết nhau cả, trực tiếp hay gián tiếp. Và tỉnh nhỏ nó còn có tục lệ

riêng của nó. Thế hệ tiền bối ở Hà Nội có tiêu chuẩn “phi cao đẳng bất thành phu phụ”. Thời tụi tôi thì cái *standard* về một đấng trượng phu nó nôm na và thực tiễn hơn: “Đẹp trai, học giỏi, con nhà giàu”.

Phạm Đình Chương xét ra hội đủ những điều kiện ấy: Học trò Trường Bưởi, người cao ráo sạch sẽ lại là cậu út trong một gia đình nổi tiếng. Lại còn đàn ngọt, hát hay, còn là ca trưởng của học sinh trong những dịp hội hè, cắm trại. Trong con mắt tôi, một anh học trò nhà quê ra tỉnh học, tứ thời áo dài mũ trắng thì Phạm Đình Chương tư cách quá.

Thời ấy, Nhật đã vào Đông Dương, Thế Chiến thứ hai đang hồi quyết liệt, bom Mỹ dội xuống đùng đùng. Các thành phố phải “phòng thủ thụ động”, các trường học phải đi xa hoặc dời về miền quê. Đang học mà có còi báo động là nghỉ; học trò kéo nhau ra các khu cây cối um tùm, hoặc bờ đầm, bờ sông tạm lánh. Đây là dịp tốt cho một số công tử Hà Nội, trong đó có Chương, về thăm quê cho biết sự tình. Về quê thì tiện cho tôi quá, tôi có nhiều trò: lội sông, câu cá, bắn chim. Hoặc là sẵn xe đạp, tụi tôi rủ nhau đi cắm trại ở những thắng cảnh gần Hà Nội như chùa Thầy, chùa Tây Phương, động Hoàng Xá. Những thắng cảnh này đều nằm trong vùng quê tôi (phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây) nên tôi thuộc nằm lòng. Đến chùa Tây phương thăm ông phật nhìn ăn mà mặc, ông nhìn mặc mà ăn, ông Phật tại dài đến gối. Đến động Hoàng Xá tôi biết nhũ đá nào kêu thanh, nhũ đá nào kêu đục, bắn một phát súng cao su lên vòm đá là dơi bay tán loạn một vùng. Đến chùa Thầy (Sài Sơn) thăm chùa Cả dưới chân, chợ Trời trên đỉnh núi rồi thăm hang Các Cờ nơi có dấu chân ông Từ Đạo Hạnh còn in. “Hội chùa Thầy vui thay Các Cờ, Trai không vợ nhớ hội chùa Thầy - Gái không chồng nhớ ngày mà đi”. Chương ơi, Chương còn nhớ ngày hội về quê mình không? Còn nhớ con dê Hạ Hiệp không? Mới đó mà đã 50 năm rồi, đã nửa thế kỷ qua rồi. Chương có nhớ cũng không thể nào về thăm được nữa. Bạn ta đã thành người thiên cổ mất rồi.

Phạm Đình Chương rất yêu miền Quốc Oai - Sơn Tây vì không những nó là một miền thắng tích mà nơi đó còn là quê

NHỚ PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG

PHAN LẠC PHÚC

ngoại của Chương. Bà thân của Chương ở Hà Hiệp, cách làng tôi chừng hai vạt cánh đồng. Chương tự nhận mình là người Sơn Tây và trong những năm đó Chương về thăm quê ngoại rất thường. Anh công tử Hà Nội và anh học trò nhà quê càng có dịp gần gũi nhau hơn. Khi mùa Xuân đã cận ngày, hội hè đã vắng, những cây gạo miền Bưởi Cấn đã từng bùng nổ đỏ thì cũng là lúc chim tu hú lãnh lót gọi hè về trong rừng vải bên sông. "Sông Đáy chậm nguồn qua Phủ Quốc" (5), con sông này ngoài mùa ngâu nước lũ, còn quanh năm nước chảy lặng lẽ. Học trò tụi tôi lại đạp xe qua sông về rừng vải, vừa tránh bom rơi đạn lạc ở thành phố, vừa cấm trại vừa ôn thi. Nhưng đến năm 1945, thanh niên như Chương và tôi không còn đầu óc nào mà học hành thi cử nữa. Bao nhiêu vấn đề trọng đại vừa ập đến trong đời: hàng vạn, hàng triệu người chết đói. Nhật đảo chính Pháp ngày 9 tháng 3. Chính phủ Việt Nam đầu tiên ra đời. Thế chiến II kết liễu Đức - Ý - Nhật đầu hàng. Quân Tàu Tưởng kéo sang Chiến Khu Việt Minh. Đối đời. Cách mạng Tháng 8 Quân đội Pháp trở về, thanh niên đua nhau đi dạy bình dân học vụ, đi khất thực, đi biểu tình. Chúng tôi say mê hát "Lên Đường", lao đầu vào một cuộc chơi mới không kém phần lãng mạn; đòi độc lập cho đất nước. Chúng tôi là Tự vệ Thành Hà Nội. Chúng tôi là Trung đoàn thủ đô. Như lớp lớp thanh niên cùng lứa, Phạm Đình Chương và tôi khoác ba lô lên đường kháng chiến.

*Tây tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.*
(Quang Dũng)

Những năm đầu kháng chiến (1948, 1949, 1950) có những thị trấn mọc lên vội vã. Khu 10 Việt Bắc có thị trấn Cây Đa Nước Chảy, liên khu 3 có Đồng Quan, Cống Thẩn, Chợ Đại, vào khu 4 Thanh Hóa có chợ Rừng Thông. Đây là nơi dân tản cư tứ xứ kéo về sinh hoạt, đổi trao, mua bán tạo thành những Hà Nội nhỏ.

Mấy anh lính cậu ngày nào bây giờ sốt rét, xanh rớt như tàu lá, mắt trợn trừng, tóc rụng nhưng đêm đêm vẫn cứ mơ về Hà Nội. Và được dịp là phải về thăm các thị trấn mới này cho đỡ nhớ...

Đầu mùa đông năm 1948, tôi khoác ba lô, đổ bộ lên Chợ Đại tìm ít thuốc ni-vaquine chống sốt rét. Trời mưa nhộp nhắp, những căn nhà tranh lụp sụp kéo dài. Chợt ở đầu đường, hiện ra một quán nước thanh bai, lịch sự mang một cái tên khá là kiểu cách "Quán Thăng Long". Ở trên vách quán, có treo song song mấy cây đàn nguyệt và một cây thập lục. Ở dưới, bên khay trà tỏa khói cổ hai vị trưởng thượng đang ngồi đối ẩm. Hai vị này tôi biết: ông thân của Phạm Đình Chương và cụ N.T.Đức, một danh cầm của toàn miền Bắc. Loạn ly, binh lửa mà hai vị tri âm, tri kỷ vẫn nhàn nhã phong lưu. Chiến tranh ở chỗ nào khác chứ ở đây Thăng Long Đông Đô, Hà Nội là vẫn cứ phải đường hoàng, cốt cách. Cốt cách như chị Thái Hằng đang ngồi trước quầy hàng, đi tản cư mà vẫn mang nguyên chiếc kiềng chặm bằng bạc của một thời khuê các, như Thái Thanh cô em nhỏ mới bắt đầu thiếu nữ đang nghiêm

chỉnh ngồi đàn. Người vui nhất khi tôi được gặp là bà thân của Chương. Bà hỏi thăm "quê mình bây giờ Tây nó đánh đến đâu rồi". Bà cho biết anh Phạm Đình Sĩ có lẽ kẹt, chưa có tin tức gì. Anh Phạm Đình Viêm (Hoài Trung) còn đang đi ban kịch Giải Phóng, chuyên hát bài "con vỏi con voi" và "con mèo treo cây cau" nhạc hài hước của Nguyễn Xuân Khoát. Còn Phạm Đình Chương thì công tác ở liên khu 3, chuyên về sáng tác ca khúc. Bà khoe là Chương vừa mới được giải thưởng về bài hát "già mà có con cò bay lả bay la".

A ra thế bạn ta anh công tử Hà Nội đang đưa ca dao vào nhạc mới. Chương, Chương, có phải cánh cò ấy là cánh cò bay qua rừng vải triền sông Đáy? Còn cánh đồng nào rào rạt lúa thơm mềm (6) có phải là cánh đồng Bưởi, Cấn khi chúng ta "Lên núi Sài Sơn ngóng lúa vàng" (7).

Tôi nhớ mãi lời bà thân của Chương

Hoài Bắc Phạm Đình Chương, Thái Thanh, Hoài Trung Phạm Đình Viêm



khi đưa cho tôi gói thuốc đựng chừng 10 viên nivaquine: "Giữ lấy mà dùng. Dạng các cậu không được phát thuốc này đâu". Đúng như thế, dạng "tạch, tạch sè" (LTS: tiểu tư sản) như Chương và tôi thì dù sốt rét vàng người, rụng tóc cũng chỉ được phát thuốc ký ninh pha loãng là cùng. Nivaquine thuốc mới, công hiệu, đắt tiền chỉ đủ dùng cho "tổ chức" mà thôi. Thực tế nó là như vậy nên ngoài một số anh em đã "áo bào thay chiếu..." (8) còn đa số dân tạch tạch sè là kẻ trước người sau "đình tề" về Hà Nội. Những va chạm với thực tế làm cho giấc mơ tuổi trẻ lụi tàn, cuộc chơi lãng mạn đầu đời đã trở thành một nỗi đam mê vô ích. Tôi về cuối năm 49 còn Chương và gia đình hồi cư năm 51.

Gia đình Chương kỳ này có thêm một nhân vật lừng danh: Phạm Duy. Năm 1949, chiến tranh lan đến vùng chợ Đại và quán Thăng Long phải dời vào khu 4, vùng trấn nhậm của viên tướng Mạnh Thường Quân Nguyễn Sơn. Ở đây Thái Hằng đã trở thành bà Phạm Duy, Thái Thanh vừa lớn để bước chân vào làng ca nhạc. Cả gia đình Chương phục vụ trong phòng văn nghệ của một đại đoàn. Quán Thăng Long không còn nữa nhưng tiền thân của ban Hợp Ca Thăng Long đã được định hình. Tôi cũng không còn nhớ rõ gia đình Phạm Đình Chương về trước hay sau cái chết của viên tướng đầy huyền thoại Nguyễn Sơn. Chỉ biết là ban Thăng Long vào thành nhưng không ở lại Hà Nội mà vô thẳng miền Nam lập nghiệp.

Năm 1952 tôi cũng vào Nam, học nghề lính tại trường Thủ Đức. Những ngày cuối tuần ra Saigon chơi, thấy đâu đường góc phố chỗ nào cũng có biểu ngữ, bích chương, quảng cáo ban Hợp ca Thăng Long. Báo hàng tuần, hằng ngày đều đăng hình ảnh, lịch trình diễn của Thái Thanh, Thái Hằng, Hoài Trung, Hoài Bắc, Phạm Duy. Ban Hợp ca Thăng Long đang rực sáng, những thành viên của nó đang được mến yêu. Người Saigon vốn bộc trực "yêu ai cứ bảo là yêu, ghét ai cứ bảo là ghét" mà đã yêu thì yêu hết mình; chương trình của Ban Thăng Long trên đài phát thanh rất được lắng nghe - trình diễn của Ban Thăng Long lại càng ấn khách. Người ta mua "giấy" báo xem thật đông, vỗ tay thật nhiều nhưng còn chưa "đủ". Buổi trình diễn xong rồi, người ái mộ còn ở lại để tìm cách đến thật gần, nhìn thật kỹ hay nếu có thể bắt cái tay, đụng cái chân vào nghệ sĩ, tài tử thần tượng của mình. Người miền Nam ái mộ ồn ào như thế, dễ thương như thế.

Trước sự tán thưởng nồng nhiệt ấy tôi có lúc đã tự hỏi: "Vì sao mà trong một thời gian chưa đầy hai năm, Ban Hợp ca Thăng Long lại lẫy lừng đến vậy? Tôi vốn dốt về nhạc lý, thậm chí âm cũng tầm thường thôi nên không dám đưa ra ý kiến có tính cách kỹ thuật nào? Bằng vào cái cảm quan dân dã của mình tôi nhận thấy thực chất của Ban Hợp ca Thăng Long nằm trong một chữ vui. Vui rộn ràng khi nghe tiếng hát chen tiếng ngựa hí (Ngựa Phi Đường Xa), vui lâng lâng khi nhìn cánh cò bay lả bay lả trên đồng lúa chín vàng (Được Mùa), vui đầm ấm khi nghe tiếng hò dô vang trên sóng nước (Tiếng Dân Chài), vui thắm thía ghen ngào khi người mẹ già cầm ly rượu uống mừng người con cả vừa mới trở về (Ly Rượu Mừng). Cái vui của nhiều cung bậc,

cái vui đã được cách điệu, nên nó dễ dàng thấm đượm lòng người.

Đồng bào miền Nam xưa nay thừa thãi điệu buồn nên trong cái vô thức tập thể nó thiếu một niềm vui khỏe mạnh. Ban Hợp ca Thăng Long phần nào đã đáp ứng được niềm khao khát đó. Ấy là chưa kể đến một yếu tố đầy cảm tính rất phù hợp với miền Nam: tất cả thành viên ban hợp ca đều là anh em trong một nhà. Một gia đình tài hoa quá. Một sự kết hợp đẹp đẽ quá. Nhất là sau đó ít lâu, ban hợp ca Thăng Long lại có thêm một thành viên mới: Khánh Ngọc, một bông hoa hương sắc của miền Nam, Hoài Bắc - Khánh Ngọc một lứa đôi nghệ thuật. Ban hợp ca Thăng Long càng thêm sung sức.

Nhưng phải đợi đến đầu năm 1954, ban Hợp ca Thăng Long mới lên đỉnh cao thành tựu của mình. Năm ấy ban Hợp ca cùng với "quái kiệt" Trần Văn Trạch, thành lập ban Gió Nam ra công diễn ở Hà Nội. Lúc ấy tôi đang là thương binh nằm nhà thương Võ Tánh. Nghe báo chí Hà Nội tán thưởng Nam Phong chi huân hể - Ngọn gió Nam mát lành thay. Nghe dân chúng Hà Nội xôn xao hâm mộ quá, tôi sốt ruột phải trốn nhà thương một buổi ra xem Gió Nam trình diễn.



Phạm Đình Chương, đứng, và từ trái qua là Thái Thanh, Hoài Trung, Thái Hằng.

Nhưng mà ra chậm hết vé mất rồi. Nhà Hát Lớn Hà Nội không còn chỗ. Tôi lững thững đứng ngoài nghe tiếng vỗ tay dồn dập từng hồi như sấm mà ruột nóng như lửa đốt. May quá gặp Ngọc Chả Cá một cây công tử Càn Long Hà Nội tôi mới được vào (bây giờ bạn ở đâu hử Ngọc?).

Người Hà Nội xưa nay khứng khiêng ít khi nào nồng nhiệt thế đâu. Nhưng mà lần này, người Hà Nội bị ban Hợp ca Thăng Long chinh phục hoàn toàn. Trước đó tân nhạc ở Hà Nội chỉ là một bà con nghèo trước cái lương, tuồng kịch... chỉ đảm nhiệm được vai trò phụ diễn trước khi mở màn hoặc giữa hai lớp kịch mà thôi. Bây giờ Ban Hợp ca Thăng Long với một chuỗi ngôi sao nhạc mới đã chiếm lĩnh sân khấu suốt hai tiếng đồng hồ liên tục. Khán giả Hà Nội được thưởng thức một chương trình nhạc mới tân kỳ sinh động tràn đầy dân tộc tính. Đây là một bước trưởng thành của tân nhạc và trở nên khuôn mẫu cho những đại nhạc hội sau này.

Buổi trình diễn vừa kết thúc toàn ban Gió Nam ra chào khán giả. Đèn rực sáng. Những bó hoa trao cho những nghệ sĩ tài năng. Hoài Bắc Phạm Đình Chương giờ cao bó hoa vẫy vẫy, nụ cười rộng mở. Chương không thể nào biết rằng trong số khán giả vô danh ấy, có một người bạn cũ của Chương đang vỗ tay kịch liệt.

Thập niên 50 là thời kỳ rực rỡ nhất của ban hợp ca Thăng Long. Thời gian này cũng là lúc Phạm Đình Chương sáng tác đều đặn nhất. Những bài ca chủ lực của ban Hợp ca Thăng Long như Tiếng Dân Chài, Hội Trùng Dương, Ly Rượu Mừng... đều xuất hiện trong giai đoạn này.

Không biết tôi có chủ quan không khi nghĩ rằng Phạm Đình Chương trong giai đoạn này vẫn mang dáng vẻ một anh học trò mới lớn, tâm hồn trong sáng như gương, con người, thiên nhiên đều là bè bạn. Ngựa phi đường xa thế nào cũng tới, leo núi mệt nhọc rồi cũng đến nơi, đồng ruộng thì đầy lúa thơm mềm, con sông thì đầy trắng và đầy cá. Thế vẫn còn chưa hết, Chương còn rót một ly rượu mừng, mừng khắp nhân gian. Hãy lắng nghe đi, có một nụ cười đầu đó, khi nhẹ nhàng phảng phất, khi trào lên như tiếng reo vui. Cũng có lúc Phạm Đình Chương nhắc đến điệu buồn; giọt lệ rừng rừng chờ mong bóng con của người mẹ già hay nỗi khổ của đồng bào miền đất cày lên sỏi đá:

*Quê hương tôi nghèo lắm ai ơi
Mùa đông thiếu áo (9)...*

Nhưng liều lượng của điệu buồn trong nhạc Phạm Đình Chương thời kỳ này rất ít so với niềm vui ào ạt, chỉ như một đối điểm (contrepont), chỉ như màu đen làm nổi lên sắc trắng mà thôi. Mà điệu buồn cũng được nhắc đến bằng tấm lòng nhân ái, tâm hồn Chương là vậy, mở ra, hướng ngoại, trong sáng vui tươi. Chương không phải là người hưởng nội, đi tìm thú đau thương trong những kiểm tra, tự vấn nơi mình. Đó là thực chất nhạc Phạm Đình Chương thời kỳ đầu cũng là đặc điểm của Ban Hợp ca Thăng Long...

Giai đoạn sáng tác thứ hai của Phạm Đình Chương bắt đầu từ một kỷ niệm buồn: Ngày Khánh Ngọc rời xa vào khoảng cuối thập niên '50. Sau đó Phạm Duy, Thái Hằng cũng tìm về hương khác. Ngôi biệt thự âm cúng đường Bà Huyện Thanh Quan không người ở. Hoài Bắc, Thái Thanh và gia đình dọn về một căn nhà nhỏ đường Võ Tánh (Frères Louis cũ). Chính tại ngôi nhà này tôi thường đến bầu bạn với Phạm Đình Chương cùng với Thanh Nam, Mai Thảo. Tụi tôi đến "hầu bài" bà thân của Chương để được ăn những bữa cơm nhớ mãi: canh cua rau đay, cà pháo, đậu rán... Lúc này, hình như Chương muốn ra khỏi vùng hào quang chói của một ca sĩ thời danh để được sống bình thường nếu không muốn nói là ẩn dật. Đang ăn diện kiểu cách, Chương ăn vận xuề xòa, đi dép không quai lệt xệt, chiếc xe hơi dài thòng Studebaker đã được bán đi. Nụ cười kiểu *jeune premier* đã tắt và đặc biệt Chương để một hàm râu mép chàm rậm, rậm rịt. Lúc này, tụi tôi có một tên mới để gọi Chương: Râu Kẽm. Râu Kẽm đang phóng túng hình hài, ít ăn ít nói hẳn đi, mà có nói cũng thường hừ một tiếng giọng mũi. Một nhát chém hư vô đã làm thay đổi Phạm Đình Chương.



Thái Thanh, Phạm Đình Chương, Hoài Trung tại Đại Hội Nhạc Trẻ tổ chức tại sân Hoa Lư, Sài Gòn, 1970. Hình Thái Thanh cho mượn.

Ban Hợp ca Thăng Long, với sự phân liệt như thế tưởng đã rã đám. Nhưng đầu những năm '60, ban Thăng Long gượng dậy với Hoài Trung - Hoài Bắc - Thái Thanh. Ban Thăng Long sống lại kỳ này, tuy vẫn được tán thưởng nhưng đó chỉ là cái bóng của chính mình. Phạm Duy đã mang nguồn âm sắc lung linh và trầm lắng của dân tộc đi xa, còn tiếng reo vui chan hòa và nhân ái của Phạm Đình Chương cũng không còn xuất hiện. Trong thời kỳ này ban Hợp ca Thăng Long có trình làng một tác phẩm rất được hoan nghênh: Bài Ô Mê Ly. Nhưng bài hát vui tươi này không phải của Chương mà của một tài danh khác: Văn Phụng.

Thời kỳ hướng ngoại, tâm hồn sáng rõ như gương, tha nhân và ngoại giới đều là bè bạn của Chương đã khép lại rồi. Tiếng cười đã tắt. Thời kỳ này là của đau thương và tiếng khóc. Nhưng khóc than rên rỉ không phải là nghề của chàng. Như đã nói, Chương không phải là người hướng nội, gặm nhấm đau thương làm thứ giải sầu. Nỗi đau thì có sẵn và Chương muốn giữ một mình nhưng lời oán hận thì không. Cho nên

những khúc bi ca sau này như Nửa Hồn Thương Đau, Người Đi Qua Đời Tôi, Mưa Sài Gòn, Mưa Hà Nội, Chương đều mượn lời của Thanh Tâm Tuyền, Trầm Dạ Từ, Hoàng Anh Tuấn.. Chương làm công việc phổ thơ, qua lời của người để phần nào nói lên tâm sự của mình. Những ca khúc này có vị trí riêng của nó, rất được yêu thích qua giọng hát Thái Thanh, nhưng đối với Chương nó vẫn như một sự "Chẳng đáng dừng". Về bề ngoài, hai giai đoạn sáng tác của Chương có vẻ đối nghịch nhau nhưng nhìn chung nó vẫn thống nhất trong tâm hồn nhân ái của tác giả.

Nói cho ngay từ thập niên '60 trở đi, việc ca hát đối với Chương cũng là một sự "chẳng đáng dừng". Thì cũng phải có công ăn việc làm như người ta, ngay cả việc trông coi phòng trà ca nhạc "Đêm Màu Hồng" Chương cũng làm chơi chơi, cho có. Nhưng chính cái vẻ chơi chơi, phóng khoáng ấy nó lại hợp với khung cảnh Đêm Màu Hồng. Đây là một phòng trà gợi nhớ. Nhớ về những bài hát xa xưa, về một thuở mộng mơ đã tắt, về một khung cảnh Việt Nam đã xa, về một ban Hợp ca Thăng Long đã tàn. Phạm Đình Chương đi từ bàn này

sang bàn khác cùng ly cùng người mộ điệu hoặc lên sân khấu giới thiệu một bài hát vừa được yêu cầu. Cái giọng có mang hơi rượu cùng với nụ cười nhếch mép đã tạo nên không khí Đêm Màu Hồng vì phần lớn khách đến đây đều là thân hữu. Chúng tôi, những buổi phùng trường tác hí là vào khoảng 9, 10 giờ đêm lại tà tà kéo đến Đêm Màu Hồng. Ban bè có chỗ ngồi riêng, giá biểu riêng. Khẩu vị như thế nào thì chủ quán biết rồi. Vũ Khắc Khoan thì phải Con Thuyền Không Bến, lúc nào cao hứng lại còn phi lên sân khấu mà ngâm "Hồ Trường, Hồ Trường ta biết rót về đâu". Thanh Tâm Tuyền thì phải Mộng Dưới Hoa, Thanh Nam thì Cô Láng Giếng. Hôm nào có mặt tôi, Thái Thanh lại hỏi: Biệt Ly hay Buồn Tàn Thu đây ông? Có bữa Râu Kẽm cảm khái quá liền ôm đàn guitar mà hát một mình (ít khi lắm). Hát tiếng Tây "Un jour si tu m'abandonnes" (Ngày nào, nếu em bỏ ta). Có khi vui anh vui em, Chương bỏ luôn phòng trà cùng Vũ Khắc Khoan, Mai Thảo kéo lên "Quang Minh Định".

Trong những năm "Đêm Màu Hồng" tôi thường cố giữ một nền nếp. Cứ đêm 30 Tết gần Giao Thừa là tôi kiếm một bó hoa thường là hoa hồng đến Đêm Màu Hồng tặng Thái Thanh. Cô em nhỏ ngày nào đi kháng chiến bây giờ trở thành tiếng hát vượt thời gian. Có lần tôi nhận được cặp bánh chưng của bà thân Chương và Thái Thanh gửi cho. Tôi cảm cặp bánh mà tưởng như vừa nhận món quà Tết từ quê hương phủ Quốc gửi vào.

Những lúc ấy, năm mới sắp sang, năm cũ sắp hết mà tôi vẫn thấy Hoài Bắc, Mai Thảo ngồi từ từ uống rượu, uống cho say, uống cho quên uống không không mệt mỏi. Tôi chợt nhớ một câu của Mai Thảo "Chúng tôi thân với nhau trong một tình thân thiết rất buồn rầu".

Buổi cuối cùng tôi gặp Phạm Đình Chương đầu vào khoảng tháng 5 năm 1975 khi "dứt phim" được chừng hơn 1 tháng. Gặp nhau tại nhà Thanh Tâm Tuyền bên Gia Định có cả Mai Thảo nữa. Mai Thảo mang thêm một chai rượu vang còn sót lại. Các bạn có ý tiễn đưa tôi và Thanh Tâm Tuyền sắp sửa đi cải tạo. Bữa rượu im ắng thế lương.

Rồi Chương và tôi đạp xe ra về trước. Đạp toát mồ hôi đến quảng Trần Quốc Toản thì mỗi đứa mỗi đường. Chương ngừng lại và tôi cũng ngừng theo. Chương nắm lấy tay tôi về bụi ngùi mà nói "đi nhé". Tụi tôi xưa nay ít có cái trò nắm tay, nắm chân như vậy, nhìn nhau một cái là đủ rồi. Chừng như Chương thương cảm cho số phận tôi trước việc đi cải tạo, một chuyến đi không biết bao giờ về. Nhưng bây giờ, 16 năm sau, tôi đã đi cải tạo về rồi, Chương lại làm một chuyến đi không bao giờ trở lại. Đi nhé! Ngàn năm vĩnh biệt Phạm Đình Chương. ■

GHI CHÚ:

- (1) Thơ Đình Hùng
- (2) Những thắng cảnh miền Quốc Oai, Sơn Tây
- (3) Nhạc Hoàng Quý
- (4) Nhạc Lưu Hữu Phước
- (5) Thơ Quang Dũng
- (6) Đước Mùa, nhạc Phạm Đình Chương
- (7) Thơ Quang Dũng
- (8) Áo bào thay chiếu anh về đất - Thơ Quang Dũng
- (9) Hội Trùng Dương, Phạm Đình Chương

Đón Đọc Trên Khởi Hành Các Số Tới:

CHỦ ĐỀ: TÔ THUY YÊN

nhà thơ, con người, tác phẩm
với bài viết của **VÕ PHIẾN ■ VIÊN LINH**
TRẦN VĂN NAM ■ NGUYỄN TÀ CÚC

CHỦ ĐỀ: TRẦN VĂN TUYẾN

sự nghiệp chính trị, văn hóa, cái chết, thơ văn
với bài viết của **THÁI VĂN KIỂM ■ THUY KHANH**
NGUYỄN HỮU THỐNG ■ NGUYỄN TUỒNG BÁ
(văn hữu đóng góp bài vở, vui lòng gửi sớm)

NĂN NỈ CHÚNG ĐỪNG GIẾT TAO

ĐỒ KHÁNH HOAN *diel* JUAN RULFO

Justino, nhớ năn nỉ chúng đừng giết tao ! Mày cứ đi rồi nói với chúng như thế. Lạy Chúa ! Nói với chúng. Lạy Chúa, mày nhớ nói với chúng như vậy hộ tao.

- Con không thể nói được. Ở đằng đó có một thằng trung sĩ nó bảo nó không muốn nghe ai nói gì về bố hết.

- Tìm cách nói cho nó nghe. Dùng cái khôn ngoan, lanh lợi của mày nói cho nó hiểu đe dọa tao từ đó đến nay đã đủ lắm rồi. Và nói với chúng hãy vì lòng nhân để tao yên thân.

- Nhưng chuyện đâu có phải chỉ đe dọa. Hơn thế xem ra thì dường như chúng có ý định giết bố chứ không phải chơi đùa. Bởi thế con không muốn trở lại đó nữa.

- Thử lần nữa. Một lần thôi xem sao.

- Không được đâu bố ơi. Con không muốn tới đó làm gì. Vì nếu tới đó chúng sẽ biết con là con bố. Và nếu cứ nài nỉ chúng sẽ biết con là ai, rồi cũng giết cả con luôn. Chuyện thế nào cứ để mặc như thế chẳng nên động đến làm gì.

- Justino ơi, cứ đi con ạ. Năn nỉ chúng hãy thương tao một chút. Chỉ nói thế thôi.

Nghiến chặt hàm răng rồi lắc đầu Justino trả lời không. Sau đó hần lại lắc đầu lia lịa.

- Nói với thằng trung sĩ mày muốn gặp đại tá. Khi gặp nói với gã tao già rồi, tao chẳng đáng giá gì hết, gã được cái gì khi giết tao ? Chẳng được gì hết. Dù thế nào đi nữa gã cũng phải có tấm lòng. Nói với gã hãy thương tao. Làm vậy là linh hồn gã sẽ gặp hồng ân và được Chúa quan phòng.

Đang ngồi trên đồng đá hần đứng phắt dậy đi ra cổng chuồng gia súc. Lát sau vừa quay lại hần vừa nói :

- Thôi được con đi. Nhưng nếu chúng quyết định giết cả con nữa ai sẽ trông nom săn sóc nhà con và mấy cháu nhỏ ?

- Chúa sẽ trông nom bọn nó con ạ. Thôi bây giờ cứ đi tới đó rồi liệu lời mà năn nỉ hộ tao. Vấn đề chỉ có vậy.

Vừa chợt sáng chúng dẫn ông vào. Và bây giờ gần hết buổi sáng rồi vậy mà ông vẫn ở đó, hai tay bị trói vào cột đợi chờ. Ông không thể ngồi im. Muốn trấn an tinh thần ông tìm đủ cách chớp mắt một lúc, nhưng không làm sao ngủ được. Ông cũng không thấy đói. Điều ông mong muốn ấy là sống. Bây giờ ông hiểu rõ chúng sắp sửa giết ông thật rồi. Trong thâm tâm ông cảm thấy muốn sống ghê gớm, giống như người tưởng chết vừa hồi sinh.

Ai có thể ngờ chuyện xảy ra lâu rồi, ông tưởng đã chôn vùi trong quá khứ bây giờ trở mình sống lại ? Chuyện cũ là chuyện ông phải thẳng tay hạ sát Don Lupe. Thực ra không phải không có lý do, như dân làng Alima thừa biết, nhưng

ông có cố riêng của mình. Ông nhớ lại Don Lupe, chủ trại Puerta de Piedra (Cổng Đá), hơn thế còn là láng giềng lối xóm, là thằng Juvencio Nava này nhất định phải thanh toán vì nó cứ kháng kháng không cho ông đưa bò ngựa vào đồng ăn cỏ.

Mới đầu ông không làm gì cả vì nghĩ có thể giảng hòa thông cảm. Nhưng về sau gặp hạn hán khi thấy súc vật của mình chết dần chết mòn, hết con này đến con khác, chết đói trong khi đó hàng xóm Don Lupe cứ nhất định từ chối không cho sử dụng đồng cỏ đến nỗi ông phải đập đổ hàng rào lừa đàn gia súc gầy tong vào cho ăn cỏ. Don Lupe đương nhiên không thích, y bèn sai gia nhân rào kín mít. Vì thế Juvencio Nava lại phải cắt hàng rào mở lối. Bởi thế ban ngày lỗ hồng bị bịt kín mít, nhưng ban đêm lại mở toang hoang. Trong khi đó bầy gia súc cứ đứng cạnh hàng rào trực sẵn, trước kia ăn no nê bây giờ chỉ ngửi mùi cỏ mà không được thưởng thức tí nào.

Ông và Don Lupe đành phải thảo luận và thảo luận dài dòng nhưng hai bên không thể đồng ý với nhau. Thế rồi một hôm Don Lupe nói với ông : "Này, Juvencio nghe đây, kể từ bữa nay nếu anh để bò ngựa vào đồng cỏ của ta, ta sẽ giết chết ngay lập tức." Nghe thấy thế ông bèn trả lời gã : "Nghe ta nói, Don Lupe, bò ngựa tự chúng đi tìm thức ăn ta đâu có xúi giục. Chúng ngây thơ nào biết gì. Nếu ra tay giết hại thì nhà ngươi phải đền."

Có ngờ đâu nó giết thật, con bò mới một tuổi.

Chuyện xảy ra vào tháng ba ba mươi lăm năm về trước, vì sang tháng tư tôi đã bỏ nhà vào trong núi, cao chạy xa bay vì có trát tòa. Mười con bò biểu quan tòa chẳng giúp được gì, kể cả tờ văn tự ngôi nhà cũng không ăn thua, dâng nộp để mình khỏi phải vào tù đó mà. Về sau họ còn nắm tuốt cả những gì còn lại. Như vậy cứ tưởng họ sẽ không theo đuổi mình nữa ấy thế mà vẫn bám sát như đĩa đói. Vì thế tôi phải về sống với thằng con ở phần đất khác cũng là của tôi gọi là Palo de Venado (Rừng Hươu). Con trai tôi lớn lên ở đó, nó lấy vợ, vợ nó tên là Ignacia, bây giờ hai đứa đã có tám mụn con. Như vậy tức là chuyện xảy ra lâu lắm rồi. Bây giờ nên quên đi. Nhưng ai ngờ họ vẫn còn nhớ mới chết chứ !

Lúc đó tôi tưởng tượng nếu có khoảng một trăm peso thì mọi chuyện êm xuôi. Don Lupe chết để lại vợ và hai con nhỏ

mới biết bò. Sau đó ít lâu vợ hắn cũng chết - họ bảo cô nàng chết vì buồn. Họ đem hai đứa nhỏ giao cho bà con của hắn ở xa lắm. Như vậy là không có gì phải sợ hai thằng này. Nhưng số người còn lại trong làng cứ nặng nề đòi tôi phải ra tòa, tòa xử để dần mặt tôi và để họ có cơ tiếp tục moi tiền. Cứ lần nào có người tới làng họ lại bảo nhỏ: "Juvenicio đi, có người lạ mặt tới làng đó."

Thế là tôi bèn bỏ nhà trốn lên núi, chui lủi trong các bụi *madrono*, hàng ngày chẳng có gì bỏ vào miệng ngoài rau rừng. Đôi khi vào khoảng nửa đêm mới dám mò xuống vì lúc nào cũng tưởng như có chó đang đuổi theo mình. Từ đó đến nay tôi cứ phải sống như thế. Không phải một hai năm. Suốt cả cuộc đời.

Nhưng bây giờ chúng tung người bủa lưới săn tìm đúng lúc ông không còn mong vọng gì nữa, trong lòng cứ nghĩ chúng đã quên chuyện cũ và tin tưởng ít nhất mình sẽ sống thanh thản chuối ngày cuối cùng cuộc đời. Ông thầm nhủ: "Dù gì đi nữa lúc về già mình cũng được sống bình an. Chúng để mình yên thân."

Lòng tràn ngập hy vọng, ông bám chặt hy vọng này. Cũng vì thế đối với ông thật khó tưởng tượng làm sao ông lại có thể chết như thế này, chết bất thình lình, chết đúng lúc này trong cuộc đời, sau bao phen phấn đấu cam go đến thế đấy lui thàn chết, sau biết bao năm tháng lúc đầu còn xanh tuổi còn trẻ lẩn trốn hết nơi này đến nơi khác khi vừa nghe báo động, và bây giờ đúng lúc thân xác khô héo, nhăn nheo vì những ngày gian khổ, lo sợ cứ phải lẩn trốn mọi người.

Tại sao ông lại để vợ đi, bỏ nhà và cả mình nữa? Hôm nay tin nàng bỏ mình ông không hề nghĩ đến chuyện đi tìm. Cứ để mặc nàng đi không mấy may bạn tâm nàng đi theo anh nào hoặc đi đâu, vì thế cũng chẳng thêm xuống làng xem sự thể ra sao. Ông để nàng đi như đã để mọi thứ buột thoát khỏi tay lòng không chút vấn vương và dạ cũng chẳng buồn ngăn cản làm gì. Việc ông phải quan tâm lo lắng ấy là đời mình. Ông phải làm việc đó chứ không phải việc khác. Ông không thể để chúng giết ông. Nhất định không. Bây giờ cũng nhất định như thế không kém chút nào.

Nhưng đó là lý do khiến chúng mò tới tận Rừng Hươu (Palo de Venado) bắt giải ông về đây. Không cần trời chúng để mặc ông đi theo. Ông bước đi một mình, lòng như bị thất lại vì lo sợ. Chúng hiểu với thân hình lụ khụ, hai cẳng tong teo như vỏ cây khô, lòng dạ cứng đờ vì sợ chết, ông không thể chạy đi đâu. Vì đó là nơi ông được dẫn tới. Tới để chết. Chúng nói với ông như vậy.

Lúc hiểu sự thật ông bắt đầu thấy bao tử lâm nhâm, cảm giác ấy luôn luôn đến bất thình lình khi ông thấy thân chết gần kề, khiến mất trọn trứng vì khiếp đảm, miệng đầy nước chua ứa liên hồi ông phải cố nuốt chửng. Và chuyện làm chân ông nặng chình chịch, đầu rũ như muốn rụng, tim đập thình thịch vào mạng sườn. Không, ông không thể chịu đựng ý nghĩ chúng sắp sửa giết mình. Dù thế nào cũng phải hy vọng. Dẫu ở đâu vẫn phải bầu vịu vào hy vọng. Rất có thể chúng làm lẫn. Có lẽ chúng đang tìm thằng cha Juvenicio Nava nào khác chứ không phải ông.

Hai tay buông thõng, ông im lặng bước đi giữa mấy người thanh niên. Hãy còn sớm. Trời chưa sáng. Trên cao không một vì sao. Gió thổi nhẹ nhẹ lướt qua mặt đất khô cằn, đất khô rơi rớt lán qua lán lại tiết ra mùi nồng nặc như mùi nước đáí thường thấy bên vệ đường đầy bụi. Cặp mắt theo thời gian trở thành lim dim bây giờ đang cúi nhìn mặt đất ngay

JUAN RULFO (1918-1986)

Juan Rulfo là nhà văn sáng giá châu Mỹ La-tinh ngày nay, nhà văn Mỹ cả thế giới đón nhận tác phẩm vì tên tuổi vượt qua biên giới quốc gia. Không những đến chỗ này chỗ kia vẫn nghe tiếng - Bắc Âu hay Bắc Mỹ chẳng hạn - mà tiếng ấy còn vang cả trong giới phê bình đó đây. Ra đời ở mạn nam bang Jalisco năm 1918, vùng đất nắng cháy da cháy thịt, xơ xác, quạnh hiu, Rulfo mồ côi cha năm lên bảy; mẹ nhắm mắt sáu năm sau; cuộc đời khốn nạn bắt đầu; phải đi ở trọ, phải vào viện mồ côi, mới 15 tuổi phải mò đường ra thủ đô tìm kế sinh nhai. Muốn cấp sách đến trường và để tự nuôi thân phải làm đủ thứ việc trước khi làm công chức. Mười năm liền làm ở Bộ Di Trú, do đó có dịp giúp đỡ người tị nạn vượt biển chạy trốn chế độ Hitler. Năm 1945 làm quảng cáo, quay phim, truyền hình. Năm 1962 bắt đầu công tác tại Viện Da Đỏ (Instituto Indigenista) do nhóm thức giả quan tâm đến sắc dân đầu tiên thành lập. Viết văn rất sớm. Mới đầu truyện ngắn in trong tạp chí văn nghệ tỉnh lẻ rồi đến truyện dài. Thập niên 60 viết xong hai tác phẩm: tập truyện ngắn và cuốn tiểu thuyết. Phần lớn độc giả, nhất là giới phê bình, đều đánh giá tài nghệ qua cuốn tiểu thuyết hơn là tập truyện. *Pedro Páramo* là sáng tác giá trị từ ngày xuất hiện đến giờ. Truyện kể người thanh niên trở về quê tìm bố, tìm để biết mặt vì từ trước tới giờ chưa gặp lần nào; tới nơi anh mới hay bố đã chết và thị trấn bố từng làm mưa làm gió bây giờ là thành phố đìu hiu. Dừng lại đời bố nhằm khám phá chính bản thân, anh lột trần bức tranh đậm màu độc đoán đã bao trùm và hủy hoại thị trấn. Rulfo viết về người và vùng đất mạn nam Jalisco, vùng đất đang giãy giụa thoi thóp khiến dân làng phải bỏ đi trong khi đó những người còn ở lại đành ngậm đắng nuốt cay và cứ hướng về quá khứ vì như ông viết 'người đã chết đa đoan, chịu đựng hơn người còn sống rất nhiều'. Qua phương thức sáng tác mới mẻ tác phẩm là cuộc xâm nhập táo bạo vào địa hạt kể chuyện cho đời xem chơi. Sự thật là thế, song ông cũng đạt mức xuất sắc, miêu tả tuyệt vời trong truyện ngắn trong đó khai triển sự kiện một cách tiệm tiến hay đột biến, hướng nội suy tư của nhân vật tạo điều kiện để ông bật đèn soi sáng ý nghĩa đời người, thường là chuỗi dài thất vọng nào nề.

Thế giới của ông cổ lỗ, chất phác; thế giới ấy thật xa lạ với ta, nếu nhìn từ bên ngoài, nhưng như cái nhọt bọc lại chứa bên trong cả bầu hấp hối, đau khổ, cả núi lo âu, khắc khoải chạm vào là lan truyền sang người khác tức thì dù tâm hồn thế nào và đang sống ở đâu. Không khí bao trùm thế giới ấy rất ngột ngạt và tù đọng, thế giới tê liệt dường như ra ngoài quỹ đạo không gian, thời gian. Con người sống trong thế giới ấy mang trong lòng đam mê đồi bại, tà ác; không khí cô đơn, chết chóc giăng mắc như hiện tượng cụ thể tương phản với tấm màn mờ ảo quyền quanh cuộc đời bi thảm những nhân vật người Da đỏ. ■

dưới chân mình mặc dù trời còn tối. Đứng rồi đất là cả cuộc đời. Sáu mươi năm liền sống trên đó, hai tay từng nắm chặt đưa lên miệng nếm ngửi như người ta nếm thịt tìm hương vị xem sao. Ông dùng mắt nghiền nát đất một lúc lâu, thường thức từng hạt nhỏ như thế đây là hạt cuối cùng, trong lòng hầu như thăm hiểu có lẽ đây là hạt cuối cùng thật sự.

Thế rồi như thể muốn nói điều gì, ông đưa mắt nhìn mấy người thanh niên đang đi ngay bên cạnh. Ông định bảo chúng thả ông ra, để ông về. "Các anh à, từ trước tới giờ tôi chưa làm hại ai" ông định nói với chúng, nhưng lại thôi. "Đi thêm chút nữa mình sẽ nói cho chúng hay" ông nghĩ bụng. Nhưng ông chỉ nhìn chúng. Ông còn tưởng tượng chúng là bạn mình, nhưng ông không nói ra. Chúng không phải bạn. Ông không biết chúng là ai. Ông nhìn chúng đi động ngay bên cạnh và thỉnh thoảng khom người nhìn xem đường sẽ dẫn tới đâu.

Lần đầu tiên ông nhìn thấy chúng lúc trời đổ tối, lúc chạng vạng hoàng hôn, lúc ấy mọi vật còn nóng như thiêu. Chúng đi qua luống ngô giẫm cả lên cây ngô non ớt. Vì thế ông phải bò xuống - xuống để nói cho chúng hay ngô đang bắt đầu mọc đấy. Nhưng dù có nói cũng không cần được chúng.

Ông nhìn thấy chúng đúng lúc. Ông luôn luôn có cái tài nhìn thấy mọi thứ đúng lúc. Ông có thể lần trốn, lên núi vài giờ chờ cho chúng đi rồi lại xuống. Tính ra đã đến mùa mưa, nhưng không có mưa. Ngô bắt đầu héo và chẳng mấy chốc sẽ khô quoeo. Bởi thế ông lò mò xuống núi. Chuyện xem ra chẳng nên chút nào, nhưng ông cứ xuống. Như vậy là tự nộp mạng trao thân vào tay mấy thằng này, và như vậy là rơi xuống hố không bao giờ thoát ra được nữa.

Và giờ đây ông tiếp tục đi bên cạnh chúng, vừa bước vừa ngăn lòng không muốn nói ông muốn nói với chúng thả ông về. Ông không nhìn mặt chúng, ông chỉ nhìn thân hình chúng lúc ngả về phía ông lúc lại lùi ra xa. Bởi thế lúc bắt đầu mấy miệng bập bẹ ông không hiểu liệu chúng có để tai nghe không. Ông nói: "Tôi chưa bao giờ làm hại ai cả." Ông nói như thế. Dẫu vậy vẫn không có gì thay đổi. Không một thân hình nào có vẻ chú ý. Cả khuôn mặt cũng không nhìn ông. Chúng cứ tiếp tục bước đi, làm như thể đang đi trong lúc ngủ.

Lát sau ông nghĩ mình chẳng còn có thể nói gì nữa, mình phải tìm hy vọng nơi khác. Ông lại buông thõng đôi tay và tiếp tục đi tới dãy nhà đầu tiên trong ngôi làng, giữa bốn thằng thanh niên, toàn thân lu mờ vì màn đêm âm u.

Trinh Đại tá, thằng đó đây rồi.

Chúng dừng bước trước khung cửa nhỏ hẹp. Ông đứng im kính cẩn, hai tay ôm chiếc mũ, chờ xem ai sẽ đi ra. Nhưng chỉ có tiếng người từ bên trong vọng ra:

- Thằng nào?

- Từ Rừng Hươu (Palo de Venado), thưa Đại tá. Đúng thằng Đại tá ra lệnh tụi em bắt mang về.

- Hỏi xem có bao giờ nó sống ở Alima chưa, tiếng người từ bên trong lại vọng ra.

- Ê, mày. Đã bao giờ sống ở Alima chưa? Tên trung sĩ vừa quay mặt nhìn ông vừa cất tiếng hỏi.

- Có. Xin trung sĩ nói với Đại tá tôi từ đó tới đây. Tôi sống ở đó cho đến ngày không xa bây giờ là mấy.

- Hỏi nó có biết Don Lupe không?

- Đại tá nói mày có biết Don Lupe không?

- Don Lupe ấy hả? Có chứ. Trung sĩ làm ơn nói lại với Đại

tá tôi biết người đó. Người đó chết rồi.

Đúng lúc ấy tiếng người bên trong đổi giọng:

- Tao biết người đó chết rồi. Tiếng người phát ra. Và tiếng người tiếp tục như thể đang nói chuyện với người nào đó ở bên kia bức tường bằng sậy.

- Don Lupe là bố tao. Lớn lên tao đi tìm bố người ta cho hay ông đã chết. Thật là đau lòng khi lớn lên lại biết cái mình cần bám víu để bắt đầu nguồn cội đã chết rồi. Chuyện đó xảy ra cho gia đình tao.

- Sau này tao lại hay ông bị giết, thoát đầu bị bám bằng mã tấu, rồi sau bị bỏ húc nát bụng. Người ta kể cho tao hay ông ngắc ngoải hơn hai ngày, và khi người ta tìm thấy ông nằm trong thung lũng ông vẫn còn hấp hối và cử van xin đừng động tới gia đình.

- Thời gian trôi qua mày làm như quên chuyện đó. Mày có tình quên. Điều mày không thể quên ấy là mày biết chắc thằng làm điều đó vẫn sống sờ sờ, nuôi dưỡng trong tâm hồn nát rữa ảo tưởng về cuộc đời vĩnh cửu đầy hồng ân. Tao không bao giờ có thể tha thứ thằng ấy dù không biết mặt; nhưng nếu biết thằng ấy ở đâu tao sẽ thanh toán ngay lập tức. Đó là sự thật và sự thật thôi thúc tao. Tao không thể tha thứ trong khi nó còn sống. Đáng lẽ nó chẳng nên sinh ra đời làm gì."

Từ chỗ này, từ bên ngoài đều nghe rõ mồn một những gì gã nói. Liền đó gã ra lệnh:

- Dẫn nó đi, trói nó lại, nhưng để nguyên một lúc cho nó nếm mùi đau khổ rồi hãy bắn nghe chưa!

- Xin Đại tá nhìn đây! Ông năn nỉ. Bây giờ thân này không đáng gì nữa. Chẳng còn bao lâu nữa tôi sẽ lìa đời, chết tự nhiên vì chồng chất tuổi già. Xin đừng giết tôi!

- Đem nó đi! Từ bên trong tiếng người lặp lại.

- Đại tá ơi! Tôi đã trả nợ rồi. Tôi đã trả nhiều lần. Chúng lấy hết của cải, tôi không còn tí gì. Chúng trả thù tôi đủ cách. Tôi đã phải sống khoảng bốn mươi năm chui lủi như thằng hủi, luôn luôn lo sợ chúng sẽ giết bất kỳ lúc nào. Tôi không xứng đáng phải chết như vậy, Đại tá ạ. Bề gì đi nữa hãy để Chúa tha thứ cho tôi. Xin đừng giết tôi! Xin Đại tá ra lệnh cho chúng đừng giết tôi!

Ông đứng đó như đang bị đánh túi bụi, hai tay khua mũ lia lịa trên mặt đất, miệng gào to.

Tiếng nói từ bên trong liền vang lên:

- Trói nó lại, chớ nó uống cái gì cho nó say để khi bắn đạn nổ nó không còn đau đớn.

Cuối cùng bây giờ ông im lặng. Ông ở đó, người gục rũ dưới chân cột. Thằng Justino đã tới, rồi đi, rồi trở lại và bây giờ lại tới. Nó vác ông đặt lên nóc xe, buộc chặt tứ thi vào yên ngựa để ông khỏi rơi xuống đường. Nó lấy bao bố bọc đầu ông để khỏi gây ấn tượng ghê rợn. Sau đó nó quất ngựa phi nhanh. Người và ngựa hối hả lao mình về hướng Palo de Venado (Rừng Hươu) cho kịp giờ để còn sửa soạn đèn hương tụng niệm cho người quá cố.

- Con dâu và cháu nội thương nhớ bố. Nó lẩm nhẩm với ông. Nhìn khuôn mặt, nhà con và các cháu đều không tin đó là bố, bố ạ. Nhìn khuôn mặt, nhà con và các cháu còn nghĩ bố đã bị chó sói cắn. Khuôn mặt thủng lỗ chỗ là do đạn chúng bắn gây nên.■



BƯỚC CHÂN KẺ LƯU VONG

PHẠM NGỌC LŨY

Nửa đêm về sáng ngày 5 tháng 5.1975, gần bốn ngàn người tỵ nạn Việt Nam đặt chân lên đất Hồng Kông. Tôi đã từng đến đây hàng chục lần, cũng như đã từng đến những hải cảng xa xôi khắp vùng Đông Nam Á. Có chuyến hải hành vượt Thái Bình Dương. Tàu tới bến Balboa để qua kênh đào Panama, vừa đến cảng Colon ở đầu kênh bên kia thì sóng gió Đại Tây Dương nổi lên ầm ầm, thật khác xa với biển Thái Bình, suốt cuộc hải trình, gió nước thật êm ả như tên gọi.

Mỗi lần đặt chân lên một cảng xa lạ, lòng tôi rung động một niềm vui khó tả, một niềm vui trọn vẹn vì biết chỉ ít ngày nữa, lại sẽ được trở về. Về với quê hương dù là quê hương nghèo nàn, nhiều đau khổ trong chiến tranh triền miên mấy chục năm trời; về với căn nhà nhỏ bé mà rất đầm ấm của gia đình. Nhưng lần này, là một kẻ tỵ nạn vong quốc với mái đầu sương đã điểm, bước chân âm thầm của người lưu dân trên đất khách sao mà thấy nặng nề và tâm hồn sao trống vắng lạ thường. Chưa một lần nào tôi nghĩ đến có ngày hôm nay, ngày phải bỏ nước phải trốn chạy quê hương... để sống cuộc đời lưu vong, biệt xứ. Tôi đang đi trên đường đất nước người, đang ngửa tay cầu xin lòng cứu mang nhân đạo để có chỗ dung thân.

Những hải cảng vừa mới ghé chỉ cách đây một hai tháng, những âm thanh xa lạ của những địa danh khuất nẻo miền nhiệt đới như Port Swettenham, Dumai, Sibul, Kuching, Masinloc, Balik Papan, Ternate, Pare Pare... tuy còn vang vọng, nhưng dường như đã bay sâu, mờ nhạt chìm vào một dĩ vãng xa thẳm.

Ngồi trên chiếc xe vận tải chờ hàng để đến trại tỵ nạn, chạy qua các khu phố còn chìm trong giấc ngủ, tôi lan man nghĩ đến Ngựa Hổ. Ngày xưa, rợ Hồ ở phương Bắc triều cống vua Võ Đế nhà Hán một con ngựa rất quý, có thể dùng cưỡi đi xa cả ngày mà không biết mệt, gọi là "thiên lý mã". Ngựa được vua cưng cho đem nuôi ở vườn Thượng Lâm, nhưng ngựa từ ngày đưa sang Trung Quốc đã bỏ ăn, trông thiếu náo, ủ rũ. Khi nghe gió bắc thổi, ngựa tỏ vẻ vui mừng, nhảy chồm lên, hí vang lừng, rồi thét lên những tiếng buồn thảm. Sau đó ngựa bỏ ăn rồi chết. Vì vậy, trong thơ Đường có câu: "Việt điều sào nam chi, Hồ mã tề bắc phong" (chim Việt làm tổ cạnh hương Nam, ngựa Hồ hí lên khi gió bắc thổi). Chim, ngựa còn biết nhớ quê hương hướng chi người! Chúng tôi, những người lưu dân chối bỏ cường quyền, vượt sóng chạy ra Đông Hải để tìm tự do, hy vọng được sống con người còn là con người, đã bị bọn đạo tặc,

thống trị đất nước gọi là "cặn bã của xã hội". Chỉ mấy năm sau, bọn chúng đã thay bằng mỹ từ "khúc ruột ngàn dặm", chỉ vì người Việt hải ngoại có một tiềm năng rất lớn về trí tuệ, về kỹ thuật, về sự hiểu biết để theo kịp đà tiến vượt bậc của khoa học... nhất là người Việt lưu vong có nguồn đô-la phong phú.

Thời gian định cư ở vùng Hoa Thịnh Đốn, tôi được dịp quen biết nhiều quý cụ trong Hội Bô Lão như quý cụ Nguyễn Duy Ninh, Chữ Ngọc Liễn, Linh Quang Viên, Vinh Thọ, Nguyễn Ngọc Liệu, Lê Văn Ba, Nguyễn Ngọc Nhạ, Bùi Vĩnh Xương, v.v... Không phải chỉ các cụ ông, mà cả những cụ bà ngoài 70, 80, đặc biệt như cụ bà Đức Thụ vẫn hăng hái tham gia việc hội, chỉ mong muốn con em giữ được tiếng nói, giữ được truyền thống Việt, luôn luôn nhắc nhở người đi chợ quên đường về.

Tôi đã gặp và trở nên thân giao với quý cụ Hoàng Văn Chí, Tăng Xuân An, Dương Đình Khuê và Trương Cam Khải. Quý cụ đều là nhà giáo, nhà văn, họa sĩ. Chúng tôi thường có những buổi hội ngộ để bàn luận về tình hình đất nước, thảo luận về Cộng Đồng Người Việt Hải Ngoại, cùng chung niềm hy vọng và lo âu về Việt Nam "ngày mai". Các cụ đều sinh vào đầu thế kỷ (20), tinh thông cả Nho học và Tây học, tiếp thu

được cả luồng tư tưởng của Tam Giáo (Nho - Phật - Lão) và tây phương.

Cụ Hoàng Văn Chí và tướng Nguyễn Sơn là hai anh em cọc chèo, đều là rể cụ Lê Dư. Cụ ở một căn nhà trang trí theo lối Việt Nam. Khách từ xa đến thăm, vừa nhìn thấy cổng, ngõ đã nhận ra ngay chủ nhân là người Á Đông. Cụ nghiện thuốc lá nặng nên luôn luôn ngậm "píp". Cụ nói chuyện thật chậm rãi và có duyên.

Trong trường hợp ở vào một hoàn cảnh không thể chịu đựng nổi, chúng ta bó buộc phải rời nước, quê hương, xứ sở ra đi, di cư sang một xứ khác để lập nghiệp, chắc chắn chúng ta phải suy đi tính lại, bị giằng co giữa "Đi và Ở". Nếu quyết tâm ra đi thì phải tự hỏi: Đi đâu? Đi bằng cách nào? Bao giờ ra đi, v.v...

Trường hợp vào cuối tháng Tư đen, 1975, Miền Nam sụp đổ quá nhanh, bất ngờ, khiến nhiều người không kịp tính toán, đường hay lẽ thiệt. Không có thời giờ suy đi nghĩ lại mà chỉ tính kế thoát thân, tình thế gay cấp đến nỗi không còn đủ thời giờ gấp vợ con để già từ. Thôi, ai chạy được thì cứ chạy, chỉ tính làm sao lọt được vào Tân Sơn Nhất hay tềo tường vào tòa Đại Sứ Mỹ. Từng đoàn người trong một bối cảnh hỗn loạn kinh hoàng, chạy quần, chạy quanh rồi lọt vào thương cảng, thấy tàu nào cũng "nhảy đại, leo bừa" để khỏi rơi vào tay quân bạo tàn.

Cuộc di cư từ Bắc vào Nam năm 1954 - 55 không phải khốn đốn, hỗn loạn, nhờ hiệp định Genève dành một thời hạn 300 ngày, ít nhất trên nguyên tắc để mọi người có đủ thời gian quyết định đi hay ở. Tâm trạng ray rứt, bồn chồn đi hay ở được một thì sĩ vô danh mô tả thật dí dỏm trong một bài thơ được truyền khẩu khắp phố phường Hà Nội. Có thể nói không mấy người không nhớ được ít dăm ba câu. Cụ Chí, dù đã 30 năm qua, vẫn còn nhớ lồm bồm mấy câu, cụ đọc lại để tôi ghi chép:

*Ở thì càng nghĩ càng lo
Đi thì muôn dặm biển hồ mệnh mông.
Ở đi có cũng bằng không,
Đi thì lăm nỗi ngại ngừng gian nan.
Ở thì chán cảnh lăm than
Đi thì xẽ nghệ, tan đàn từ đây.*

*...
Đi là dọa, ở là dấy,
Người dân nước Việt lúc này mới nguy.
Thế nào? Anh ở hay đi?
Riêng tôi chỉ nghĩ, cùng suy mà gầy.*

Cụ Chí cũng bị dày vò, dằn vặt tâm trạng nên mất ngủ liên trong tám tháng mà vẫn còn lưỡng lự, phân vân không biết, không quyết định nổi ở hay đi. Một bữa cụ mất ngủ cả đêm vì đọc một chương "CHIẾN QUỐC SÁCH" nhan đề "Mạnh Thường Quân Nhập Tân". Cụ chậm rãi kể:

- Mạnh Thường Quân là chính khách nước Tề, vừa giàu có, vừa nổi tiếng hào hoa phong nhã, trong nhà lúc nào cũng có đến cả 100 kẻ sĩ. Chính sự nước Tề mỗi ngày mỗi suy đồi, đổ nát nên ông quyết định rời bỏ nước Tề, di cư sang Tần. Tần là vương quốc ở Tây Bắc Trung Quốc, kém văn minh, nhưng đương trở thành hùng cường, toan thôn tính Trung Quốc và lên ngôi bá chủ thay Tề. Sở dĩ Tần trở thành hùng cường nhanh như vậy là nhờ sự khôn ngoan của vua Tần tiên nhiệm. Lý Tư làm Tể Tướng chủ trương trị dân bằng cách

trọng thưởng, nghiêm phạt.

Khi được tin Mạnh Thường Quân quyết chí "Nhập Tân", mấy ngàn kẻ sĩ từ khắp nơi kéo đến can ngăn, nhưng Mạnh Thường Quân nhất định không chịu nghe ai. Cuối cùng có Tô Tần là nhà ngoại giao nổi tiếng đương thời tìm đến. Mới thoạt trông thấy Tô Tần bước chân vào cửa, Mạnh Thường Quân biết chắc là cũng như nhiều người khác, Tô Tần sẽ can ngăn, khuyên Mạnh Thường Quân không nên dẫn thân vào hàng còp, một quốc gia nổi tiếng là độc tài, tàn ác. Để chặn trước, Mạnh Thường Quân bảo Tô Tần:

- Những chuyện về nhân sự đệ đã nghe kể hết cả rồi, chỉ còn chưa được nghe đại huynh mà thôi. Nếu đại huynh có chuyện gì thuộc về quỷ thần, xin chỉ giáo cho, xin miễn bàn về nhân sự.

Tô Tần thông thả kể:

- Trên đường tới đây, đêm qua tôi vừa tới bờ sông Chi thì gặp mưa. Không có dò qua sông và không có quán để tránh mưa nên tôi vào đứng trú dưới mái hiên một ngôi đền ở ngay bờ sông. Đứng ngoài, tôi nghe hai pho tượng trong đền thì thảo nói chuyện với nhau.



Mạnh Thường Quân nghe có vẻ thích thú, giục Tô Tần kể tiếp:

- Pho tượng bằng gỗ bảo pho tượng bằng đất: "Tháng tám năm nay có lụt to. Mực nước sông Chi sẽ dâng lên cao, ngập đầu tôi và đầu bác. Thân tôi bằng gỗ, tôi sẽ nổi không sao cả, nhưng tôi ái ngại cho bác. Vì bác bằng đất, gặp mưa sẽ bị tan rã mất". Pho tượng đất thần nhiên đáp: "Người ta lấy đất ở sông Chi này nặn lên hình tôi. Gặp nước, tôi sẽ trở lại thành đất, vẫn ở nguyên bờ sông Chi này. Bác đeo bằng gỗ dẫn ở khu rừng gần đây. Nước lũ sẽ cuốn bác đi, không biết đến đâu, nhưng chắc chắn chẳng bao giờ bác sẽ trở lại nơi này. Tôi rất ái ngại cho bác. Nghe pho tượng đất nói, pho tượng gỗ nức nở khóc.

Nghe tới đây, Mạnh Thường Quân cũng khóc và ra lệnh cho gia nhân thu xếp hành lý, quyết định ở lại không đi nữa.

Đọc xong câu chuyện "Mạnh Thường Quân Nhập Tân" trong "CHIẾN QUỐC SÁCH", cụ Chí quyết định ở lại, nhưng cứ mất ngủ vì nghĩ rằng "ở là dọa" rồi tự nhủ, đành rằng ở là dọa, nhưng đi chưa hẳn là dấy, nhất là mình ra đi với hàng trăm ngàn người khác. Đây chỉ là cuộc di cư vĩ đại trong lịch sử nhân loại. Nghĩ như vậy, cụ đáp xe lửa rời Hà Nội xuống Hải Phòng, rồi vào Nam.

Năm 1959, vì bất đồng ý kiến với chính phủ Ngô Đình Diệm, cụ bỏ miền Nam, phiêu bạt hết nước này đến nước khác, rồi

đến năm 1965, tới định cư ở Hoa Kỳ. Tới đây, cụ cảm thấy đời sống lưu vong không hẳn là "dấy", vì nhận thấy rằng những người Mỹ chung quanh đều là "tượng gỗ" hoặc con cháu của "tượng gỗ" đến từ khắp nơi trên thế giới.

Cụ Hoàng Văn Chí sinh năm 1913 tại Thanh Hóa. Đậu cử nhân khoa học năm 1940, hoạt động trong đảng Xã Hội Pháp (1937 - 39), cụ tham gia kháng chiến chống Pháp (1946 - 1953). Hiểu rõ chế độ cộng sản, nhất là biết rõ tường tận nạn đấu tố dã man, cụ di cư vào Nam, làm Phó Lãnh Sự tại Ấn Độ, sau đó tới Pháp rồi sang Mỹ.

Tuyển tập "TRĂM HOA ĐUA NỞ TRÊN ĐẤT BẮC" cụ viết với bút hiệu Mạc Định đã hé mở cho miền Nam thấy rõ sự phản kháng chế độ ngoài Bắc của các văn nghệ sĩ trong nhóm Nhân Văn chủ trương. Cuốn "TƯ THỰC DÂN ĐẾN CỘNG SẢN" mang tên thật tác giả Hoàng Văn Chí là cuốn sách viết về chánh sách sai lầm của Cộng Sản, nhất là chính sách cải cách ruộng đất ở miền Bắc với những hậu quả bi thảm của nó.

Tôi đến thăm cụ Chí nhiều lần. Vì không biết lái xe, tôi thường lấy Metro, tới chằng chót, điện thoại cụ mang xe ra đón về cơ sở làm tương để hàn huyên. Tương Cụ Đà được gửi đi khắp nơi, nơi nào có người Việt là có bán tương sản xuất từ cơ sở này, do chính tay hai cụ ông, cụ bà pha chế, trông nom. Gặp nhau, chúng tôi thường chia xẻ niềm ưu tư về vận nước và cũng hằng mong mỗi mau chóng chấm dứt được cái nạn "ở là dọa, đi là dấy". Cụ Chí bà, nhũ danh Lê Hằng Phấn là ái nữ cụ Sở Cuồng Lê Dư, một nhà cách mạng tiền bối thời Đông Du đã từng bốn ba sang Nhật, Trung Hoa. Cụ cũng là em gái nữ thi sĩ Hằng Phương, nội tướng nhà phê bình văn học nổi tiếng Vũ Ngọc Phan. Tuy già yếu bận bịu suốt ngày, cụ bà vẫn tích cực mở những cuộc lạc quyền để giúp đỡ đồng bào "thuyền nhân" bị kẹt ở các trại tỵ nạn vùng Đông Nam Á. Đã có lần cụ nói với tôi: "Tôi đang làm công việc mà cụ đã làm trước..."

Vào đầu năm 1988, tôi gửi cụ Hoàng Văn Chí từ California một bức thư góp ý thêm về câu chuyện "Tượng Gỗ - Tượng Đất" và cứ chờ đợi thư cụ trả lời. Mấy tháng sau, trở lại vùng Hoa Thịnh Đốn, gọi điện thoại hỏi thăm mới được tin cụ vừa từ trần ngày 6 tháng 7 - 1988, thọ 75 tuổi, tôi chỉ còn đủ thời giờ để kịp lại viếng và tiễn đưa cụ đến nơi an nghỉ ngàn thu. Năm sau, cụ Chí bà cũng qui tiên.

Cụ Tăng Xuân An, thường bày tỏ nỗi lo lắng, mối ưu tư lớn hiện đại của người Việt hải ngoại là vấn đề bảo tồn tiếng Việt vì sự hội nhập xã hội Hoa Kỳ quá nhanh của con em chúng ta và "làm thế nào để chúng không quên tiếng Việt, không trở thành mất gốc".

Cụ Tăng đã một thời là giáo sư các trường trung học Pháp và Việt ở Hà Nội, cùng thời với các giáo sư Đào Đức Vĩnh, Nguyễn Bảo Nghi... Hồi kháng chiến, cụ làm Giám Đốc Nha Học Chính Liên Khu III, ở Thượng Tầm, Thái Ninh, tỉnh Thái Bình. Cũng vào thời gian này, cụ Nguyễn Quang Nhạ, một cựu Đốc Học, từng là cố vấn về kinh tế cho nhiều nước Phi Châu thuộc Pháp, cũng dạy học ở trường trung học Nguyễn Du ở La Ngoại, thuộc Thanh Miện, Hải Dương, mà giáo sư Đào Đức Vĩnh là hiệu trưởng.

Với kinh nghiệm của một nhà mô phạm lão thành cụ Tăng san sẽ với tôi những ý kiến thật xây dựng. Nhiều em nhỏ đến Hoa Kỳ, trong thời gian vài ba năm không còn nói sõi tiếng Việt, đã có những cử chỉ, ý nghĩ giống hệt trẻ con Mỹ. Điều đáng buồn là chúng thường bắt chước những cái dở của người. Nhiều thanh niên, thiếu nữ chỉ mong đủ 18 tuổi để thoát ly gia đình, sống tự do không ai kiểm chế nữa.

Mỗi ngày, các em đến trường khoảng 7, 8 giờ. Trong lớp, ngoài sân chơi, chúng đều nói tiếng Anh. Về nhà xem Tivi cũng chỉ tiếng Anh. Các em ít có cơ hội nói tiếng Việt vì cha mẹ phải đi làm từ sáng tới tối. Về tới nhà thì bố phải lo cất cơm, dọn dẹp nhà cửa, mẹ thì chui vào bếp làm cơm. Sau bữa cơm, trẻ con lo làm bài, đọc bài. Người lớn lo đi ngủ để hôm sau dậy sớm đi làm.

Khi các con quên tiếng Việt, vốn liếng tiếng Anh của cha mẹ yếu quá, không đủ diễn tả những điều muốn nói, không thể giảng giải những lỗi lầm chúng đã phạm thì chỉ còn cách dùng roi vọt để trừng trị hoặc im lặng chịu đựng. Cả hai thái độ đều có hậu quả tai hại. Bị đánh mắng không một lời giải thích, chúng sẽ bất mãn và mất dần lòng kính yêu cha mẹ; không bị khiển trách, chúng tưởng chừng làm đúng và càng ngày càng đi sâu vào lầm lỗi.

Đã có nhiều bi kịch xảy ra trong gia đình Việt Nam chỉ vì vấn đề quên tiếng Việt này.

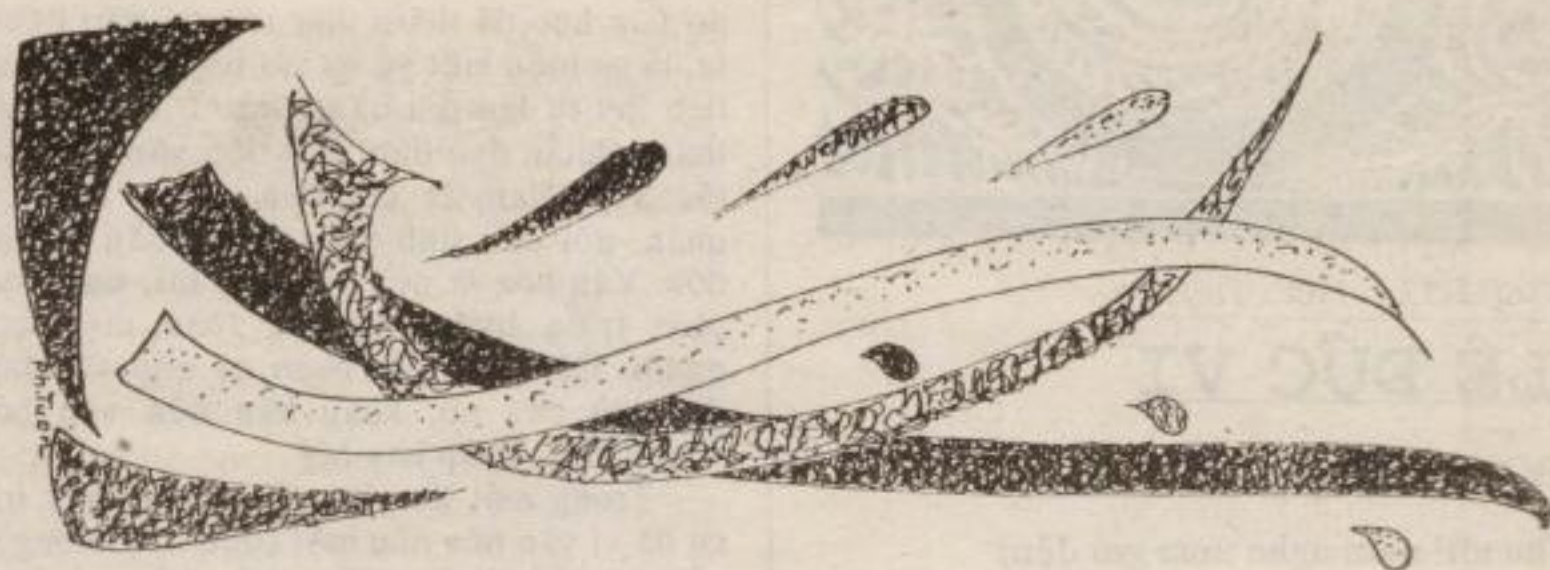
Bạn tôi có cậu con học đại học. Ngày ngày cậu cắp sách đến trường, chiều về nhà rất đều đặn. Ít lâu, bố mẹ cậu khám phá ra cậu đi chơi nhiều hơn là đi học, bèn lên trường xin ông khoa trưởng cho xem phiếu ghi những giờ học của con có đều đặn có mặt ở nhà trường không thì được trả lời:

- Con ông bà đã quá 18 tuổi. Ông bà đã được phép của cậu con chưa? Nếu có phép thì mới được xem...

Cụ Tăng Xuân An cũng thường nhắc đến yếu tố chính đã giúp dân tộc chúng ta không bị đồng hóa với người Tàu sau 1,000 năm lệ thuộc. Ngay từ thời Hồng Bàng, người Văn Lang đã có ngôn ngữ riêng biệt và đã giữ được ngôn ngữ đó suốt thời kỳ ngoại nhân đô hộ. Điều này chứng tỏ rằng "tiếng nói còn, dân tộc còn, tiếng nói mất, dân tộc mất". Cụ bày tỏ hy vọng một ngày không xa, Cộng Đồng người Việt sẽ thực hiện được những điều mà Cộng Đồng Hoa Kiều, Nhật Bản, Đại Hàn đạt được, và nhắc đến một nhà giáo kiêm thi sĩ, cụ Bảo Văn Bùi Văn Bảo, đã cho in bộ sách dạy tiếng Việt có hai câu đầy ý nghĩa:

Chỉ sợ dần con quên Việt ngữ
Đừng lo lũ trẻ dốt Anh văn.

Được tin cụ Tăng Xuân An bị bệnh, tôi điện thoại cho cụ bà xin địa chỉ Viện Dưỡng Lão để lại thăm, nhưng cụ nhất định từ chối viện lẽ cứ lần nào các bạn lại thăm thì cụ ông lại khóc. Tôi khẩn khoản gọi điện thoại đến ba, bốn lần, nể lời cụ bà mới cho địa chỉ. Cụ bà cũng là một nhà giáo, cụ An Bích Hợp, đã từng giữ chức hiệu trưởng trường nữ trung học Trưng Vương trong nhiều năm. Suốt thời gian cụ Tăng lâm trọng bệnh, cơ thể suy yếu phải ngồi xe lăn để di chuyển thì cụ bà, dù đã trọng tuổi, vẫn hết lòng săn sóc chăm lo cho cụ ông suốt ngày đêm, đến nỗi nhân viên viện dưỡng lão phải cảnh cáo: "Nếu bà cứ tiếp tục suốt ngày trông nom, săn sóc chồng bà như vậy thì chắc chắn bà sẽ chết trước ông... Ông rất cần sự an ủi tinh thần của bà



Từ Hà Nội, nữ sĩ Ngân Giang làm bài thơ Giòng Thư Xa gửi bạn cũ, là cụ Thạch Ân Bùi Khánh Dân, hiện cư ngụ tại Portland, Oregon. Nhà thơ Lê Đức Vi, rể cụ, đã chuyển bài thơ cho Khởi Hành, trong lúc tiền bối Bùi thi bá lúc này chưa thể họa lại. Trên Khởi Hành số trước, nhà thơ Hà Thượng Nhân, do sự đề nghị của chúng tôi, đã có bài họa. Kỳ này, là bài họa của nhà thơ Cao Tiêu. Khởi Hành sẵn sàng đăng các bài họa khác của quý bạn gửi tới. (Cụ Bùi từ năm 1958 tại Sài Gòn từng cùng với cụ Đỗ Bằng Đoàn thực hiện Bộ Đường Thi trích dịch, gồm hơn 500 bài, đã do nhà Hoa Xưa xuất bản).

NGÂN GIANG

GIÒNG THƯ XA

Bạn Bùi Khánh Dân! Cố nhân ơi
Mười bảy năm qua mãi cách với
Tưởng lúc Hạ Hồi nâng chén ngọc
Nhớ ngày Bến Nghé xót chia phôi
Câu thơ nét vẽ bao gần gũi
Góc biển chân mây những ngậm ngùi
Vẫn đợi vẫn mong ngày hội ngộ
Không đành nước chảy với hoa trôi.

Hà Nội, 22 tháng 5, 1997

CAO TIÊU

HỌA THƠ NGÂN GIANG

Gửi lão thi hữu Bùi Khánh Dân

Ân cần thăm hỏi Bùi huynh ơi
TRÍCH DỊCH ĐƯỜNG THI bút tuyệt vời
Kỷ niệm tin đưa bao ngóng đợi
"Giòng Thư Xa" gửi chẳng pha phôi
Câu thơ nhớ nước lòng xao xuyến
Tiếng quốc sườn non giọng ngậm ngùi
Ngắm giải Ngân Giang sao lấp lánh
Tinh quê muôn dặm ánh mây trôi.

18.8.98

nên bà càng cần phải giữ gìn sức khỏe..."

Anh Bùi Bảo Trúc đưa cụ thân sinh Bảo Văn và tôi lại viện dưỡng lão. Ngồi trên xe lăn, vừa trông thấy chúng tôi, cụ Tăng Xuân An vốn mập mạp, to lớn, nay người co dúm lại, cúi gục xuống khá lâu, mái tóc bạc trắng như tuyết. Hai vai cụ bồng rung rung. Cụ ngừng mặt lên, mấy giọt nước mắt lăn trên má. Rồi cụ nhỏ nhẹ, giọng thành khẩn: "Người mà tôi yêu mến, kính trọng và biết ơn nhất trên đời là người bạn đời của tôi. Chúng tôi đều đã ngoài 80. Hàng ngày, hiển nội vẫn phải vào đây để giúp tôi đủ thứ, lo cho tập đi, lo cho ăn uống..." Nói xong, đôi mắt ứa lệ, cụ nhìn lên trần nhà rất lâu như đang tìm về quá khứ rất xa xăm, hình như tiếc nuối những tháng năm còn rất trẻ. Tôi bỗng sức nhớ tới câu:

"Con nuôi cha không bằng bà nuôi ông".

CHUYỂN HÁN THI HỌA NGÂN GIANG NỮ SĨ THI Ký lão thi hữu Bùi Khánh Dân

Vấn an ký thanh khí
Bùi Khánh Dân nhân huynh
Đường Thi Trích Dịch Phẩm
Nhập điệu bút hoa sinh
Thư tín tương cứu niệm
Án độc ý chân thành
Ly quốc thi tâm động
Sơn yêu quyền tục mình
Quần tinh Ngân Hán tại
Vạn lý cố hương tình.

和
銀
江
女
士
詩

寄老詩友裴慶誕
詞女寄老裴慶誕
唐詩摘譯品八妙筆先生
李信相舊金案讀意真誠
萬國詩心動山腰騰騰鳴
韋星銀漢在萬里故鄉情
高第



高第

Tôi thường có những cuộc tiếp xúc với cụ Dương Đình Khuê, bàn luận lan man nhiều vấn đề, về văn hóa, về nhu cầu thành lập những cộng đồng Việt địa phương tiến đến cộng đồng Việt hải ngoại.

Trong HỒI KÝ MỘT ĐỜI NGƯỜI (I) trang 431, tôi đã trình bày qua ý kiến của cụ về việc cấp thiết phải liên kết khối người Việt bỏ nước, và trong HKMDN (II) trang 410, tôi đã nhắc lại lời cụ: "Khí giới sắc bén để đục thủng, chế độ vô năng, độc tài là mũi dùi văn hóa".

Mỗi bận tâm lớn nhất của những vị trọng tuổi là lo sợ rằng chẳng bao lâu nữa, người Việt hải ngoại sẽ vong bản nếu không biết đoàn kết để giữ gìn, bảo toàn văn hóa Việt. Văn hóa không phải là cái gì trời sinh ra mà là kết quả của sự giáo dục



người hà nội

LÊ ĐỨC VI

BÓNG MỘT TA

Thu tối! nằm nghe mưa gió đêm
Lá rơi từng chiếc nhẹ bên thềm
Tình như lá rụng tan theo lệ
Khúc nhạc yêu nào chẳng nhói tim

*"Hồ là hồ...", nước chảy hoa trôi *
mây mờ trắng lặn gió trời bơ vơ*

Xe rít ngân theo tiếng nói cười
Mưa buồn nhớ lại nét vui tươi
Nâng ly ta cạn cho tình cứ
Ấm lạnh luồn theo cả cuộc đời

*Gót tình lê lết muôn nơi
ngàn năm non vẫn mang lời nước non*

Nhện mãi giăng tơ mặc sóng cồn
Tìm trong ảo vọng dáng người thương
Tìm hồng vẫn ấm qua ly loạn
Nửa giấc chiêm bao nửa lạc hồn

*Suối lên, rục lửa cô đơn
Nồng thêm nỗi nhớ khói buồn với mưa*

Tình nghĩa tạm quên, mặc đời chờ
Tiếng ve hương sáu tuổi bơ vơ
Hồng Hà có nhớ chiều thu ấy
Nức nở thương ai sóng giận bờ

*Ngàn muôn hận góp thành thơ
Ngâm lên núi lở sao mờ từ đây...*

Ước hẹn chưa thành một nắm tay
Sóng chiều hoa phượng tiếng ve gầy
Duyên ta tóc lạnh sương đêm nhẹ
Như sợi buồn theo khói thuốc bay

*Chim hồng cất cánh tung mây
Mang theo hồng ảnh những ngày hồng qua*

Lời hẹn còn vang theo nét mực
Cái ngày trắng liễu chắc không xa
Vườn xuân rực đỏ đào Thôi Hộ
Suối ngọc reo mừng lụa Trữ La

Đôi môi cắn chỉ, tay ngà ngọc
Giọt lệ mừng thương, mắt ngấn nhòa
Tâm tư trải nhẹ theo dòng trắng...

.....
Mưa gió rệu rã Bóng một ta...

*"bài lưu thủy" hồ là hồ sự sang... sẽ sang
hồ..."*

do văn học đã thấm thía vào trí não người ta, là sự hiểu biết về sự vật hay cách xử thế tích lũy từ lâu đời bằng việc học tập hoặc thấm nhuần đạo đức. Nói đến văn hóa dân tộc Việt Nam là nói đến phong tục, tập quán, nói đến tinh thần trọng luân lý đạo đức. Văn hóa là nếp sống, lễ lối, sinh hoạt phát triển hướng thượng toàn diện con người. Dân tộc Việt Nam có nếp văn hóa đặc thù của nó, khác hẳn nền văn hóa Trung Hoa, Pháp hay Mỹ.

Trong một lần mạn đàm bên khay trà, cụ đã ví văn hóa như một chén trà, hương vị của trà tùy thuộc giống trà, trồng ở Lâm Đồng, Đà Lạt hay ở Vũ Di Sơn bên Tàu, tùy thuộc khí hậu khác nhau, địa phương khác nhau, rồi lại tùy thuộc cách pha trà, nước đun sôi già hay mới sôi bọt "mắt cua". Những yếu tố thành lập nên văn hóa Việt Nam cũng phức tạp như vậy, vì bị ảnh hưởng về ba phương diện: thiên văn, địa lý và nhân sự.

Người Việt ở lưu vực sông Hồng, sông Cửu, khí hậu tương đối ôn hòa. Đời sống tương đối dễ dàng. Một mái nhà tranh đơn sơ đủ che mưa nắng, một ít gạo hay ngô khoai, rau hay mắm là đủ sống, không phải tranh đấu khó khăn với thiên nhiên. Đời sống đó đưa lại một nhân sinh quan thích an nhàn. Tuy nhiên, có những thiên tai như bão lụt cũng rèn luyện con người có nhiều nghị lực, bền bỉ, chịu đựng, phải phấn đấu để tồn tại, để vượt hiểm nghèo.

Từ đời Hồng Bàng, khi lập quốc, dân Giao Chỉ là một dân tộc thông minh, hiền lành, thích sống an nhàn, ít dục vọng và ít nhu cầu vật chất.

Việt Nam đã chịu ngàn năm Bắc thuộc nên đã thấm nhận luồng tư tưởng lớn chi phối đời sống tâm lý, xã hội của người Tàu là Nho Giáo, Phật Giáo và Lão Giáo. Có thể nói văn hóa Trung Hoa đã thấm nhập vào dòng máu Việt Nam. Tuy nhiên, qua tục ngữ, ca dao, truyện cổ tích, đầy tầng nông dân vẫn giữ được nét đặc thù của dân tộc. Cuộc Nam tiến bình Chiêm đã ảnh hưởng đến điệu nhạc buồn như Nam Ai, Nam Bình, Vọng Cổ.

Nếu không thực lòng giúp dân ta thoát bỏ mọi tàn tích phong kiến, người Pháp cũng hé mở cho ta thấy qua sách báo, những khái niệm về Tự Do - Bình Đẳng - Nhân Quyền. Tiếp xúc với Tây Phương, nhờ các vị truyền giáo, chúng ta có chữ "quốc ngữ" rất giản dị, dễ học, nhờ đó tiếp xúc rộng rãi dễ dàng và mau chóng về mọi mặt với các nước trên thế giới.

Văn hóa Việt Nam như một cây mọc dưới trời Việt, trên đất Việt được lần lượt tiếp nhận những cành cây khác từ các nước như Trung Hoa, Pháp, Hoa Kỳ... Ta cần phải dãi lọc để tiếp nhận những tinh hoa, những cái hay của Nho Giáo như: Nhân - Nghĩa - Lễ - Trí - Tín, biết trọng luân thường đạo lý làm nền tảng xã hội. Không Giáo của Trung Hoa đã du nhập vào Việt Nam thuyết "Nhân chi sơ tính bản thiện" (Con người sinh ra vốn có tính thiện, nhân ái). Pháp truyền bá tư tưởng "L'homme est né bon" (Con người bẩm sinh ra vốn tốt). Theo Phật Giáo, tất cả chúng sinh đều có từ tâm, Phật tính. Phật là người tu đắc đạo. "Phật là ta" (?). Theo Thiên Chúa Giáo, con người sinh ra được ban cho lòng nhân ái, biết làm điều lành, biết yêu thương... Đó là những tinh hoa văn hóa mà dân tộc ta hấp thụ được...

Ta cần thấm nhập tinh thần từ bi hỷ xả, khoan dung, độ lượng của Phật Giáo. Thuyết nhân quả giúp ta nên làm điều

thiện, tránh điều ác vì "ở hiền gặp lành".

Lão giáo giúp chúng ta từ bỏ cái đồ của danh lợi, biết sống hòa vui với thiên nhiên.

Chúng ta tiếp nhận được khái niệm Tự Do - Bình Đẳng của Pháp.

Nhưng chúng ta nên sáng suốt loại bỏ những cái dở của Nho Giáo: thân phận đàn bà, người nghèo, thất học bị bạc đãi khiến mất cả nhân cách. Thời Pháp thuộc, văn hóa Pháp đã làm cho phong hóa suy đồi, vì khuyến khích tự do luyến ái quá trớn, mức truy lạc đầu độc đã lên đến mức độ thật khủng khiếp, như xóm Bình Khang, nhà khiêu vũ mọc ra như nấm, tiệm hút thuốc phiện cũng thấy nhan nhản ở khắp nơi.

Bảo tồn văn hóa không phải là bảo tồn những cái dở, cổ hủ, mà phải biết giữ cái hay, loại cái dở. Thêm nữa, trong cái văn hóa đang vây bọc chúng ta trên đất Hoa Kỳ này cũng có nhiều cái hay ta nên bắt chước, nhiều cái dở ta nên khước từ. Bảo tồn văn hóa là nhiệm vụ chung của tất cả người Việt hải ngoại. Mỗi cá nhân, mỗi hội đoàn, tổ chức nên có chương trình, kế hoạch bảo tồn văn hóa khác nhau.

Cộng Đồng Công Giáo phát huy tinh thần Thiên Chúa Giáo. Cộng Đồng Phật Giáo phát huy Phật Pháp. Các văn sĩ cần phổ biến những tinh hoa, truyền thống Việt, nhà báo cổ vũ, hun đúc sự đoàn kết giữa người Việt, các hội đoàn, tổ chức chính trị, cách mạng không quên đồng bào đau khổ quê nhà, ở các trại tỵ nạn... Tất cả những hoạt động trên đều là bảo tồn văn hóa...

Xưa kia, chúng ta học rất nhiều về văn chương, lịch sử Pháp, biết nhiều về các nhà văn, kịch gia nổi tiếng như Victor Hugo, Molière..., những nhà ái quốc như Napoléon, Joffre..., nhưng lại biết rất ít về Nguyễn Du Nguyễn Công Trứ, Lê Lợi, Nguyễn Huệ... Nhưng trên đất Việt, chúng ta còn được thưởng thức thắng cảnh đất Việt, di tích Hồ Hoàn Kiếm, đền Trấn Võ, chùa Một Cột, đình tạ Văn Miếu, và chung quanh chúng ta còn có ông chú, bà bác, còn có anh tư gánh phở, chị hai bún chả, bao bọc chúng ta trong một không khí thấm đượm tình người. Chúng ta như cá sống trong nước, mà cá làm sao bỏ được nước! Nhưng sang tới đây, họ hàng thân quyến chia lìa, cá không còn ở trong nước mà đã lên cạn, nếu không kịp tạo nên một hồ ao (văn hóa) cho cá vẫy vùng thì cá làm sao sống nổi. Cái nguy cơ vong bản ngày nay quả thật trầm trọng gấp trăm lần hồi Pháp thuộc. Nếu chúng ta không chịu đoàn kết, đồng lòng lo việc chung thì chẳng bao lâu người Việt hải ngoại sẽ mất hết căn bản dân tộc, kể cả những người thành công trong việc Mỹ hóa, vì Mỹ chẳng ra Mỹ, Việt cũng chẳng ra Việt.

Tháng 10.1995, sau một chuyến đi thăm bà con, bè bạn, lúc trở về vùng Hoa Thịnh Đốn, tôi gọi điện thoại hỏi thăm cụ Dương đã bị bệnh nhiều năm thì được tin cụ qua đời hồi tháng 9/95, mang theo bao nhiêu ước vọng chưa hoàn tất.

Khởi hành xuất bản, 1999:

VIÊN LITH:

CHIỀU NIỆM

VĂN CHƯƠNG

- nhận định, kỷ niệm về các trí thức văn nghệ sĩ Miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975
- nhiều hình ảnh, tài liệu

LÊ HẠO NHIÊN

RƯỢU SAY NHỚ BẠN

Chiều nay
nâng chén rượu nồng cay
Uống một mình
mình chúc mình
Thấy thấm, chưa uống đã ngất ngây.

Nâng ly rượu đầy
Lại nhớ đến mày,
Thằng bạn ngày xưa
những chiều cùng say
Hai đứa chén choáng
Men rượu men đời
nhiều nỗi đắng cay
Cuộc sống trả vay
tao mày bao độ trắng tay.

Chiều nay chỉ có mình tao
muốn say chẳng có mày
Sao tao nhớ đến quất quay
Chung quanh thiên hạ xoay vần
riêng một mình tao
ngồi đây.

75, tháng Tư tao thoát hiểm
Còn mày vật vờ cùng lũ
uống máu phanh thây
Mày mắc nợ gì tội nó
Bọn rặng hồ mắt dầy
Một lũ cuồng điên khốn khó.

Mỗi độ tháng Tư đen về
tao, mày còn lủi thủi
Thằng ở bên này, bên ấy biết sao đây.

Thôi tao với tao
sầu nỗi bạn hiền xa vắng.
Chẳng còn gì đâu, tao uống hộ phần mày
trong men rượu chiều nay.

VŨ ĐỨC TÔ CHÂU

NHỚ VÀ QUÊN

Bán chút tàn trắng
Mua cốc rượu
Kho trời vô tận sẵn quanh đây
Rượu đếng lòng khuya
Say với mộng
Sông hồ luân lạc
Đời như mây

Ta nhớ hay quên
Vầng nguyệt rũ
Thả hồn tưởng tiếc
Người xưa ơi!
Muốn nhả máu ra
Lòng khô rướm
Giọt buồn tan nát thuở trắng xa.

Chợt nhớ chợt quên
Sầu ở lại
Trời xưa - mây khói nhuộm quan hà
Muốn thét hoàng thiên
Kêu hậu thổ
Trối chân cùng khốn
Nợ thi ca
Muốn phá tan hoang hỗn phách sống
điều tàn giữa chợ
Từ phong ba
Ta
Đứng như đi
chứng
ngoảnh lại
Mùa thu nhão bạc dưới trăng tà.

Sài Gòn, 97



MẠC THU

Cô gái áo trắng

Tặng cô gái áo trắng
mỗi sáng đi phát thuốc
cho tù trại Phan Đăng Lưu
1976, với ánh mắt già băng

Em đi áo trắng mang hương gỗ
Khắc hạnh phúc lên nét di kỳ.
Ta chợt thấy hồn ta là hạnh
Nghe nhiều trời đất thoát trời đất

Em đi bằng tay đứng bên suối
Cúi lạy ư thường lệ nét xa xưa
Đi sao, em chính người ta kiếm
Độc lạc ngàn xưa mắt đến chân

戰江英雄
情山雄
院之遠東
年白未路
何失復處
人在

NGUYỄN QUAN HÀ

THƠ

Bằng bối thiếu nhân tại
Anh hùng mặt lộ sầu
Giang sơn hoàn vị phục
Chiến tướng dĩ bạch đầu

Bản dịch của tác giả

Bạn hữu trước sau còn mấy kẻ
Anh hùng mặt lộ nghĩ càng đau
Núi sông giờ vẫn trong tay giặc
Mà tướng quân xưa đã bạc đầu

Ý YÊN

TIẾNG NẮNG 2

từ cửa nhà giam hiện tại nhìn
đời mai trời lặng nắng vàng in
tâm tư ào sóng lan vòng rộng
bất gặp tương lai chính lúc tìm
ngày sẽ mở như một tờ giấy trắng
nắng bàng hoàng trên những luống
thơm tho
nơi đã cấy hạt cay và hạt đắng
thành niềm tin thao thức những đêm chờ.
(QUÀ TẶNG QUÊ HƯƠNG)

NAM GIAO

TRONG HỒN TA-TỪ ĐÂY

Hãy lấy tay che nhánh sầu đông
Giấu thật kỹ-niềm đau-vào lòng tuyết
Tìm đâu đây-
Tìm những gì-đâu biết
Đôi thông xanh-bông tuyết trắng
một màu
Từ lâu-
Trời mùa đông-nắng cao
Đôi má em hồng như tô thêm màu phấn
Đã có một lần-ta hôn lên màu phấn
Lạ lùng thay-hương trinh nữ-là em
Là đoá mai vàng-không quên
Ta ngủ say giữa màu vàng tứ quý
Là vẫn thơ-phong kín tim chung thủy
Cho em từng cánh gió-mộng mệnh

Và ta-trong nỗi nhớ dịu êm
lấp lánh sao mai-vòm trời ngọc bích
Suối tóc em-lặng lẽ-đêm tĩnh mịch
Hương xuân trời-mê đắm tuổi sông dài
Mảnh hồn ta vàng cả cánh đồng mai

Em lẫn trốn trong hồn ta-từ đây...

TỜ BÁO, BẠN ĐỌC TÂM THƯ

500 ngày nữa bước sang thế kỷ và thiên niên kỷ mới
ta làm gì để tống cựu nghinh tân?

Văn Mới sửa soạn một ấn phẩm đưa chân trăm năm
Hà Thúc Sinh gói món quà tiễn thời gian ngàn tuổi

Mời bạn đọc đón đọc:

TỔNG BIỆT 20

sách dày 720 trang - giá dự tính 20 Mỹ kim.

Văn Nghệ phát hành.

Thư nhận được từ ngày 6 tháng 8 tới
ngày 2 tháng 9.98. Trong thời gian trên,
chúng tôi đã nhận được chi phiếu mua dài
hạn của quý bạn có tên dưới đây:

—HUỖNH ANH (N.H., 1 năm) - TRI
KHAC PHẠM (TX, 1 năm) - PHAN TẤN
MỸ (SJ, 1 năm) - BUI GIA TƯỜNG (TX, 1
năm) - LE VAN BA (CA, 1 năm) - NGÔ
TRỌNG CHU (OR, 1 năm) - Rev UC
CHIEN THANG (FL, 2 năm) - Harry H
NGUYEN (HI, 1 năm) - NGUYỄN TƯỜNG
TỬ (Canada, 1 năm) - PHẠM VĂN HIẾN
(CA, 2 năm) - Bs NGOC KHOI HOANG
(Canada, 1 năm) - ĐẠM THẠCH (CA,
1 năm) - ĐẶNG VĂN LỰC (NY, 1 năm) -
NAM GIAO (AZ, 1 năm) - LE VAN (CA,
1 năm) - PH. KHÁNH (TX, 1 năm) - NG.
DUY TUYỀN (GA, 1 năm) - NTC (AZ, 1
năm) - DUONG QUANG HUY (AZ, 1 năm)
- HOANG VAN GIANG (IL, 1 năm) -
PHAN NGOC BẦU (LA, 1 năm) - LE DINH

(1 năm) - HOANG NGUYEN TRAN (1
năm) - PHI ICH BANH (CA, 2 năm) -
THAI ANH TUẤN (NE, 2 năm) - BA
LUONG NGUYEN (TX, 2 năm) - TRAN
DE (FL, 2 năm) - NGUYEN V RUAN (IL, 2
năm).

Trân trọng cảm ơn.

VIỆC TẶNG SÁCH:

Các sách sau đây đã được gửi tặng cho
quý vị mua dài hạn 2 năm liền:

—THƠ TÔ THÙY YÊN.

—LỜI VIẾT HAI TAY (Thơ Cung
Trầm Tường).

—THUY MỘ QUAN (Thơ Viên Linh)

Đó là ba cuốn thơ đã có sẵn. Hai cuốn
45 NĂM THI NHÂN V.N. và CHIỀU
NIỆM VĂN CHƯƠNG chưa in. Ngoài ra
Tòa soạn Khởi Hành hiện có sẵn các cuốn
sau đây, (để tặng cho quý bạn đọc mua dài

hạn 2 năm liền):

—ĐÁ VÀ HOA, Thơ Song Hồ

—CHIỀU HỒM LỖ CHUYỂN, Đỗ
Khánh Hoan và Nguyễn Tường Minh dịch
Mishima Yukio, văn hào Nhật Bản.

—TIẾNG SÓNG, Đỗ Khánh Hoan và
Nguyễn Tường Minh dịch Mishima Yukio,
như trên.

—THI TRẦN MIỀN ĐÔNG, tân
truyện đầu tay của Viên Linh, 1964, tái
bản.

Xin lưu ý là chúng tôi chỉ có thể tặng
một trong cuốn sách đã có sẵn. Với bạn đọc
muốn có một trong 2 cuốn chưa in, 45 NĂM
THI NHÂN (cuốn 1) hay CHIỀU NIỆM
(cuốn 1), phải đợi. Trân trọng cảm ơn.

—Anh ĐỀO V TRẦN, Garden Grove.
Phiếu mua dài hạn của anh không thấy chi
phiếu đính kèm trong phong bì. Nhờ anh coi
lại.

—Anh THAI ANH TUẤN (NE). Chúng

Yêu Văn Học, Mời Đọc Hàng Tháng
Tập Chí Sáng Tác Sinh Hoạt
Văn Học Nghệ Thuật

Khởi Hành

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ PHÁT HÀNH NGÀY 15 MỖI THÁNG

Đã phát hành ■ số 22 tháng 8 ■ 1998 Chủ đề: Nhà thơ ĐINH HÙNG. Tô Thụy Yên: Tâm
Thức của Thơ ■ Ng. Ngọc Bích: Tinh sử Hồ X Hương-Tồn Phong ■ Lưu V Vĩnh: Nhà Tiên Tri Cheiro ■ Ng.
Phương Tuấn: Chủ đề Utopia trong Văn Học ■ Trần Trọng San: dịch thơ Tiểu Thanh ■ Viên Linh: Truyện ngắn
Ngân Giang, Hà Thượng Nhân, Đàm Trung Pháp, Ng Sỹ Tế, Hoàng Ngọc Liên ■ **KH 21:** 7.98 Chiều Niệm
học giả Hồ Hữu Tường với Nguyễn V Sâm, Phạm Long, Đào Văn Bình, Trần Trọng San, Lê Trọng Nguyễn,
Hà Thúc Sinh ■ **KH 20:** Đỗ Quý Toàn, Thế Uyên, Tạ Tỵ, Phạm Long, Viên Linh với chủ đề Chiều Niệm
Nguyễn Mạnh Côn ■ **KH 19:** Hồ Diệp, Năm Xương Vô Định ■ 30/4/75: Chi Tiết Vụ 5 Vị Tướng Anh Hùng
Tuấn Tiết ■ **KH 18:** Đặc Biệt 30 Tháng 4 ■ Viên Linh: Nền Văn Học của những người Vắng Mặt ■
KH 17: Nền Văn Minh Ông Đồ ■ **KH 16:** Đặc Biệt Bùi Giáng ■ **KH 15:** Ngôi Thiên Ở Hà Nội với Phùng
Quán ■ **KH 13-14:** VU ĐÌNH LIÊN, tác giả bài thơ Ông Đồ ■ **KH 12:** NHẤT HẠNH, BẢNG BÀ LẦN ■ **KH 11:**
HỮU LOAN, tâm sự và toàn văn bài Máu Tím Hoa Sim. **KH 10:** SINH NIỆM MAI THẢO: Mặc Thu: Những
Ngày Cuối ở Sài Gòn của Mai Thảo ■ Viên Linh: Mai Thảo Riêng Tôi ■ Nguyễn Tá Cúc: Tô Thụy Yên, Nhà
Thơ ■ **KH 9:** Văn Cao, Giấc Mơ Một Đời Người. Bài vở của Kỳ giả Lô Răng Phan Lạc Phúc ■ Trần Trọng San
■ Hoàng Hải Thủy **KH 8:** Cuộc Đời Thanh Nam. Bài vở của Mặc Thu ■ Vũ Đức Vinh ■ Nguyễn Thiếu Nhân ■
Viên Linh ■ Hồ Trường An ■ Lê Tất Diệu ■ Thơ W. Szyborska, **KH 7:** Vụ Thủ Tiêu Khái Hưng Năm 1947, bài
của cựu thuyền trưởng Phạm Ngọc Lữ. Thơ Vương Đức Lệ gửi từ VN. Phòng Tuyên Truyền Địa Ngục: Di cảo
của Phùng Cung. Truyện dịch Đỗ Khánh Hoan **KH 6:** Tưởng Niệm Chu Tử với Mặc Thu ■ Viên Linh ■ Ba Cái
Chết Sau 30 Tháng Tư: Lô Răng Phan Lạc Phúc ■ **KH 5:** Kỷ Niệm Với Bình Nguyên Lộc, Kỷ Niệm Với Đinh
Hùng. Bài vở của Hồ Trường An ■ Thái Văn Kiểm ■ Cung Trầm Tường ■ Trần Văn Nam ■ Hoàng Phong Linh ■
Mặc Thu ■ **KH 4:** Gặp Trần Dần với Nguyễn Hữu Hiệu ■ Chiều Niệm Nương Tống: Phan Lạc Phúc ■ Văn Cơ
Khai Xuân: Phùng Cung ■ Chánh Ân Phú Nhân: Đỗ Khánh Hoan ■ Và Hoàng Lập Ngôn ■ Nguyễn Sỹ Tế ■
Trần Hồng Châu ■ **KH 3:** Di Cảo Phùng Quán ■ Nguyễn Hữu Hiệu: Thác Cồn Vương Tơ ■ Truyện Ma do
Charles Dickens kể ■ Hồ Trường An ■ Trần Trọng San ■ Nguyễn Sỹ Tế ■ Cao Tiểu ■ **KH 2:** Đặc Biệt Giảng
Sinh ■ Chiều Niệm Sử Gia Phạm Văn Sơn của Hoàng Ngọc Liên ■ Truyện Ma do Guy de Maupassant viết
■ **Khởi Hành số 1 /** Tục bản tại Hải Ngoại từ 11-1996: Dạ Kỳ Viết Từ Hà Nội của Phùng Cung ■ Ai Ra Lệnh
Giết Nương Tống: Nguyễn Tá Cúc ■ (**Khởi Hành** còn đủ bộ từ số 1)
Khởi Hành: Tập Chí Văn học Nghệ thuật Nhiều Hình Ảnh Tài Liệu Nhất ■ Tác giả Tên Tuổi ■ Bài Vở Chọn Lọc ■
Minh họa bởi các họa sĩ Thái Tuấn ■ Duy Thanh ■ Ngọc Dũng ■ Phạm Hoàn ■ Rừng

chủ nhiệm chủ bút VIÊN LINH

mua dài hạn 24 mỹ kim một năm 12 số ■ ngân phiếu gửi về:

Khởi Hành P.O.BOX 670, Midway City, CA. 92655



K-HUIC LAN

MAKEUP ARTIST

NHẬN TRANG ĐIỂM

CÔ DÂU NGƯỜI MẪU, DA TIẾT

TEL: (714) 839-8845

kể từ tháng 9, gọi:

(714) 373-4107 và

(714) 892-3965

tôi sẽ liên lạc với hai nhà sách đó. Cảm ơn anh, và cảm ơn những điều anh viết trong thư.

—Chị PHƯƠNG HOÀI NAM (Canada). Đã nhận được cuốn truyện Tình Nước Mặn. Hơn hai mươi ba năm mới lại thấy lại cuốn sách của mình. Cảm ơn chị.

—Sông SEINE. Đã được thư. Hãy nhớ bài thơ của Appolinaire.

—Bạn Đ.T. Đã nhận được post card của bạn. Cũng có nhiều người ở đây làm việc như nô lệ, song nhiều người vẫn nghĩ hề đầu đầu, như bạn, hay tôi. Nhớ gửi bài. Hay thơ. Bài thơ mừng sinh nhật, tuyệt vời. Tôi nghĩ câu này: Tuổi xuân hưởng những BAO lần hai mươi thì hay hơn. Vì có thể là bốn, hay năm lần, ai biết đâu. Vẫn nhớ dòng sông nhỏ và mấy con vịt trời các bạn nuôi.

—LÊ TÀI ĐIỀN (Ba Lê). Không có thì giờ để viết thư đâu. Lâu lâu có nhớ nhau, thì ra Đào Viên gọi điện thoại qua. Cho Khởi Hành mấy cái dessins chứ? Rất cần bouche trou.

—THẾ DŨNG (Berlin). Đừng gọi điện thoại về số cũ nữa. Tôi không còn ngôi đó vào buổi chiều. Buổi chiều ở đây, gọi về số này: (714) 897-2599. Viết thư, và gửi thơ chứ.

—Giáo sư LÂM (HTT Beach). Bài điểm 4 cuốn sách về Việt Nam của giáo sư thật là cần thiết cho người đọc, nhưng đến muộn so với số này. Mong giáo sư cho tiếp những bài như thế. Người bạn đàn anh của chúng tôi ở Texas cho biết mới có một cuốn sách hay lắm, song phải gửi mua ở Pháp, hy vọng giáo sư có: Le Livre Noir du Communisme của Stéphane Courtois et al. Ed Robert Laffont, Paris, 1997. Mong giáo sư chỉ giáo. Kính. VL. Nhân thế, quý bạn nào ở Pháp có thể mua và gửi dùm cuốn sách này, chúng tôi xin hồi phí. Đa tạ.

—Bài CHỦ ĐỀ. Bài Chủ Đề của Khởi Hành phần lớn được thực hiện có thời gian tính. Ví dụ các số về Đinh Hùng, Hồ Hữu Tường, Nguyễn Mạch Côn, Chu Tử, ... đều làm vào đúng tháng giỗ các nhà văn nhà thơ đó, như Nguyễn Mạnh Côn mất tháng 6, chủ đề ra vào tháng 6, Hồ Hữu Tường tháng 7, Đinh Hùng tháng 8, hay Chu Tử tháng 4. Hoặc số này: Phạm Đình Chương mất ngày 13 tháng 7 âm lịch, tháng này là tháng 7. Do đó, nếu bài vở đóng góp muộn, chúng tôi không thể đăng vào số Chủ Đề. Có bạn trách, bài để lâu quá, hay không cần bài? Chúng tôi rất cần bài.

Đó là lý do một số bài có khi nằm ụ gần một năm. Chúng tôi rất tiếc là không thể đăng bài về một tác giả đã chết nào đó ở ngoài thời gian có ý nghĩa. Cũng có thể, song hân hữu thôi, và như thế số báo đó không gọi là số chủ đề được nữa. Trường hợp viết về các tác giả còn đang sinh hoạt thì khác, đăng bất cứ lúc nào.

Trong các kỳ tới, sẽ có số chủ đề về luật sư kiêm nhà văn, nhà văn hóa Trần Văn Tuyên, tác giả nhiều cuốn sách, kịch, và thơ. Hay sẽ có bài về cái chết trong tù của bác sĩ Phan Huy Quát, nguyên chủ nhiệm Tuần báo Diễn Đàn. Một số tới nữa, là chủ đề đặc biệt: Các Nhân Vật Nữ Điển Hình Trong Tiểu Thuyết Việt Nam. Mong được sự đóng góp của quý bạn.

—Anh XUÂN VŨ. Đã nhận được bài Anh. Hơn hai mươi năm nhĩ, từ ngày Tiến Tuyến. Có thể đăng kèm với bài của ông Nguyễn Thanh Giang, cũng viết về nghi án vụ ám sát hai nhà văn nhà thơ đó. Thân.

■ KẾ TỪ SỐ NÀY
KHỞI HÀNH
TẶNG THÊM
4 TRANG NỮA.
■ MUA DÀI HẠN
VÀNG GIA 2 MỸ KIM



MỜI ĐỌC

HƯƠNG QUÊ PHOTO & ARTS Magazine, Tạp Chí Văn Học Nghệ Thuật và Nhiếp Ảnh do Văn Vũ làm Chủ Nhiệm và Chủ Bút, Với Ban Chủ Biên hơn 80 Văn Nghệ Sĩ tài danh đem tâm trí ra sáng tác cống hiến cho độc giả những món ăn tinh thần vui tươi, lành mạnh và bổ ích.

Ảnh bìa in 4 màu rất mỹ thuật, dày 186 trang gồm những mục thường xuyên như: Tin Việt Nam và Vùng Đông Nam Á, Văn, Thơ, Nhiếp Ảnh, Y học thông thường, Tìm hiểu..., Giới thiệu sách, Văn Chương Việt Nam Song Ngữ (Bilingual Literature and Arts), Truyện dài võ hiệp và Tử Vi Đông Phương...vv...

Phát hành mỗi tháng một lần vào ngày 15 (giữa tháng) phổ biến rộng rãi, nhiều người đọc.

Cần QUẢNG CÁO - RAO VẬT - CHÚC MỪNG - PHÂN ƯU...

Xin gọi Tel: 281 564-7072 - Fax 281 561-7640



Muốn có Báo Hương Quê gửi đến tận nhà Xin vui lòng điền vào phiếu gửi báo dưới đây:

Lý Ngọc Design

PHIẾU GỬI BÁO HƯƠNG QUÊ

Tôi đồng ý, và yêu cầu Tòa Soạn Hương Quê gửi báo đến địa chỉ sau:

Họ và tên: (Ông, bà, cô)

Địa chỉ:

City:

State:

Zip code:

Tel: ()

()



Đặc Biệt:

- 6 tháng (6 số) \$21.⁰⁰
- 1 Năm (12 số) \$36.⁰⁰
- 2 năm (24 số) \$60.⁰⁰

Kèm theo Check hoặc Money Order, trả cho Hương Quê Magazine và gửi về:

Hương Quê Magazine
P.O.Box 770903
Houston, TX 77215-0903
U.S.A.
Tel: (281) 564-7072
Fax: (281) 561-7640

Nguyệt San Hương Quê xin tri ân quý vị độc giả đã đặt mua báo dài hạn

PHIẾU ĐẶT MUA DÀI HẠN tạp chí Khởi Hành

Tên.....Đ.th.....

Địa chỉ

Tôi muốn mua 1 năm 12 số từ số đến số (hoặc 2 năm 24 số từ số tới số)

1 năm: 24 mỹ kim/ 2 năm: \$45.00 mỹ kim. Ngoài Hoa Kỳ thêm \$1.50 MK một số cho cước phí bưu điện. [Giá dài hạn chỉ áp dụng cho bạn đọc mua từ 1 năm trở lên. Mua lẻ tính theo giá ngoài bìa, cộng thêm 78 xu cước phí một số.].

Kèm đây là ngân phiếu

Phiếu mua báo và ngân phiếu để tên Khởi Hành và gửi về:

Khởi Hành

P.O. BOX 670

MIDWAY CITY, CA. 92655

Mỗi Video, Một Bước Tiến

Mỗi ngày, nhiều khám phá mới lạ
của văn nghệ xứ người (cho giới trẻ)
hòa đồng với những
Điệu Nhạc Quê Hương (cho giới cao niên)

PARIS BY NIGHT 45 Chủ đề: VÀO HẠ

Điều khiển chương trình:
NGUYỄN NGỌC NGẠN - NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN
với sự góp mặt của:

ÁI VÂN ■ Ý LAN ■ NHƯ QUỲNH ■
■ HƯƠNG LAN ■ HOÀNG LAN ■ LƯU
BÍCH ■ LYNDIA TRANG ĐÀI ■ BẢO
NGỌC ■ THÙY DƯƠNG ■ CHÂU NGỌC
MỸ HUYỀN ■ BẢO HÂN ■ THIÊN KIM
TRÚC LAM ■ TRÚCLINH ■ NGUYỄN
HÙNG ■ DONHỒ ■ THẾ SƠN ■ CHÍTÂM
PHƯƠNG VY ■ Tommy NGO ■ THANH
PHONG ■ PHƯƠNG ĐẠI ■ HOÀI NAM
VÀ BAN NHẠC M.F.L. CANADA ■

Giá
\$28
1 Bộ

Xin liên lạc: **THÚY NGA**

MỸ & CANADA: P.O. Box 2174 Westminster, CA 92683 Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris France. Tel: 01-45-83-34-30
ÚC: 323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200 - Australia. Tel: (02) 796-7227

MỜI PHÁT HÀNH: Băng đọc truyện mới đặc sắc của nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn, giọng đọc Hồng Đào cùng tác giả:
- Giọng Sông Hờ Hững (Audio Book 45) - Trong Sân Trường Ngày Ấy (Audio Book 46)



Ánh Hồng

7 Courses of Beef Restaurant

10195 WESTMINSTER AVE. GARDEN GROVE, CA. 92643

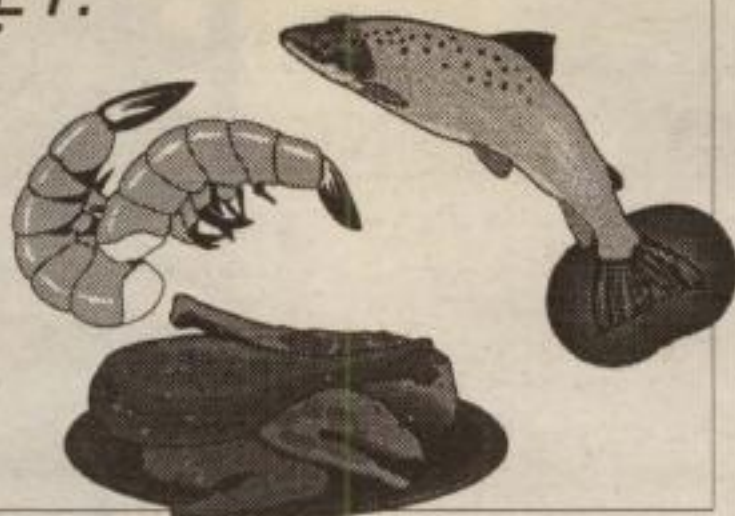
Điện thoại: (714) 537-5230

CHÁNH GỐC CỒNG XE LỬA SỐ 8 PHÚ NHUẬN
SÁNG LẬP TỪ NĂM 1954

Chuyên môn thức ăn thuần túy Việt Nam
do chính chủ nhân Bà **Lê Văn Khá** trực tiếp điều khiển

ĐẶC BIỆT:

- * TÔM
- * GÀ
- * CÁ
- * MỰC



BEER & WINE



GIỜ MỞ CỬA:

7 NGÀY TRONG TUẦN

THỨ HAI ĐẾN THỨ NĂM: 3:00PM-9:30PM

THỨ SÁU & THỨ BẢY: 11:00AM-10:30PM

CHỦ NHẬT: 11:00AM-9:30PM

Gia Đình ÁNH HỒNG kính mời

SAN JOSE

1818 Tully Road # 150
San Jose, CA. 95122
(408) 270-1096

ORANGE COUNTY

10195 Westminster Ave.
Garden Grove, CA. 92643
(714) 537-5230

SAN FRANCISCO

808 Geary Ave
San Francisco, CA. 94109
(415) 885-5180

LOS ANGELES

8748 E. Valley Blvd. # A
Rosemead, CA 91770
(818) 572-9805



Đời người chỉ có một lần

Nếu bạn muốn trở thành Cô Dâu xinh đẹp rực rỡ, sang trọng mà vẫn giữ được nét tự nhiên, duyên dáng. Muốn có vẻ đẹp long lanh, kiêu sa mà không phấn son nặng nề, lòe loẹt.

Xin Mời Đến **Nhật Hạ** Studio Photo & Make-up

Do Ca Sĩ, Model, Make-up Artist Nhật Hạ phụ trách, đã trang điểm cho hầu hết các nghệ sĩ nổi tiếng như: Khánh Hà, Thanh Lan, Băng Châu, Lâm Thúy Vân, Trizzie Phương Trinh, Linda Trang Đài, Thúy Vi, Giáng Ngọc, Ngọc Huệ v.v... Trên các Video và Poster đã thực hiện.

Để Có Những Tấm Ảnh Để Đời, Xin Mời Tới:

Nhật Hạ

STUDIO • PHOTO & MAKE-UP • WEDDING

542 W. First St. #5 • Santa Ana, CA 92704 (cạnh nhà hàng Thiên Thanh)

Phone: (714) 26-5353 • Pager: (714) 804-8478

Nhận Chụp Hình

- Wedding
- Portrait
- Fashion
- Model
- Family

Make-Up & Làm Tóc

- Cô Dâu
- Phụ Dâu
- Chú Rể

Xâm

- Long Mày, Môi
- Dạy Make-up

 design by AT GRAPHICS • 408-308-2057

PHÁT HÀNH TRONG THÁNG 9 SAU 2 NĂM THỰC HIỆN CÔNG PHU



Nhật Ha Video 7 Tuyệt Phẩm

Directed & Cinematographed: Howard Huệ

• Hương Lan • Thanh Hà • Nhật Hạ • Jimmy Joseph • Thanh Lan • Trịnh Nam Sơn • Duy Quang • Julie • Trizzie Phương Trinh • Sơn Tuyền • Linda Trang Đài • Lâm Nhật Tiến • Randy • Malina Nhã Lan •

© COPYRIGHT 1998 NHAT HA PRODUCTIONS • 5421 W. FIRST ST. #5 • SANTA ANA, CA 92703 • TEL: 714-265-5353

VANCO FOODS

FOUNTAIN VALLEY

16042 MAGNOLIA AVE., FOUNTAIN VALLEY, CA 92708

Tel: (714) 843-1818 ■ Fax: (714) 843-1816



VANCO FOODS

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92843

(714) 530 - 2999



LITTLE SAIGON

9822 BOLSA AVE., WESTMINSTER, CA 2683

(714) 531-7272

CHƯƠNG TRÌNH CHÌA KHÓA VÀNG TIẾT KIỆM

Your Golden Key To Savings

Thank you for shopping at
VANCO FOODS
LITTLE SAIGON SUPERMARKET

VANCO FOODS **VANCO FOODS** **VANCO FOODS**
16042 MAGNOLIA AVE. 10932 WESTMINSTER AVE. 10932 WESTMINSTER AVE.
FOUNTAIN VALLEY, CA 92708 GARDEN GROVE, CA 92843 GARDEN GROVE, CA 92843
(714) 843 - 1818 (714) 530 - 2999 (714) 530 - 2999



ĐI CHỢ VỚI CHÌA KHÓA VÀNG:

■ Được giảm giá đặc biệt trên một số mặt

ĐẶC BIỆT: GẠO BAO BỐ HIỆU CON Ó, BẢO ĐẢM THƠM NGON

BÊN TRONG CHỢ CÒN CÓ:

PAGETEK:

Bán, sửa chữa, mở đường dây
các loại CELLULAR PHONES

714-843-0440

THUY'S FOOD TOGO:

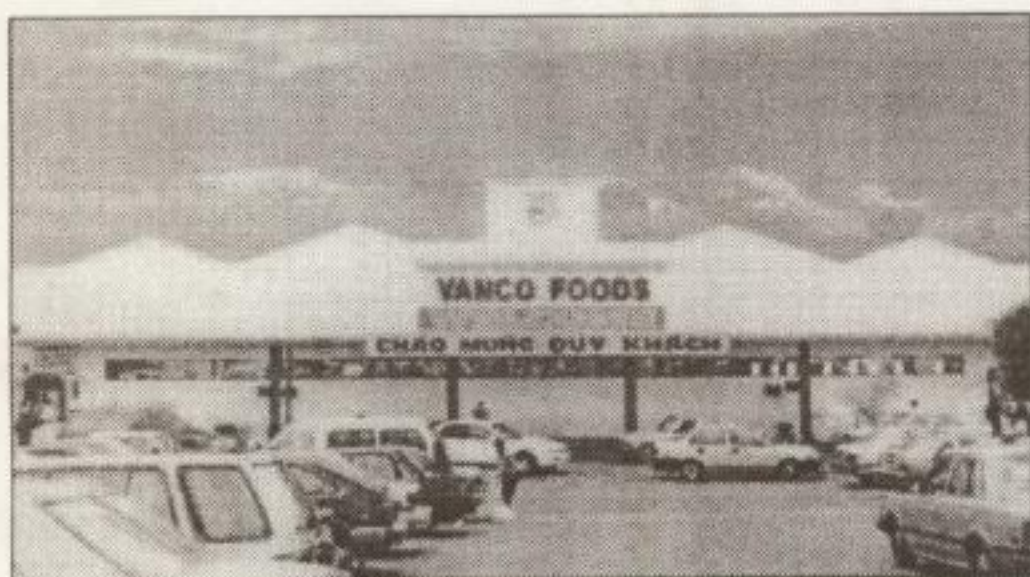
Bán café, bánh mì và trên 50
món ăn chay, mặn với giá chỉ \$1
mỗi món. **MUA \$5 TẶNG \$1**

9092 Edinger Ave, Fountain Valley
714-843-9926

BÁN LẺ RẺ NHƯ BÁN SỈ

NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

VANCO SUPERMARKET



10932 WESTMINSTER AVE.,
GARDEN GROVE, CA 92843
TEL. (714) 530-2999

LITTLE SAIGON SUPERMARKET



9822 BOLSA AVE
WESTMINSTER, CA 92643
TEL. (714) 531-7272

*Quanh Năm Tận Tụy Phục Vụ
Đáp Ứng Đúng Nhu Cầu Bà Con
Nhiều Đợt Sale và Tặng Quà Liên Tiếp*

CHỢ CHÚNG TÔI CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và được mọi người ưa thích NHẤT



Chợ chúng tôi có nhận thẻ tín dụng để trả tiền hàng

Khởi Hành

TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT



P.O. BOX 670 MIDWAY CITY, CA. 92655

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
WESTMINSTER, CA
PERMIT NO. 49

CA 91325

Khởi Hành số 23 ■ Tháng 9.98 ■ Giá \$3.50

ĐỒNG NAI PHARMACY

CÔNG TY CUNG CẤP DƯỢC PHẨM VÀ DỤNG CỤ

9081 Bolsa Avenue, Suite #108 * Westminster, California 92683
(Gần tiệm Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank of California)

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU - Dược sĩ TRẦN THỊ LƯU ÁI

Tel: (714) 397-5072 * Fax: (714) 379-5074

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

- * Các loại dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
- * Các loại sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống truyền vào ruột hay truyền vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products)
- * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products).
- * Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products).
- * Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

- * Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
- * Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital beds & Accessories).
- * Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products).
- * Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor), máy đo huyết áp (Blood Pressure Monitor).

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:

PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN

Thứ Hai - Thứ Sáu: 10:00AM - 7:00PM

Thứ Bảy: 10:00AM - 5:00PM